

KINH DƯƠNG VƯƠNG * MƯỜNG MẦN
HỒ MINH DŨNG * PHẠM NGỌC CẢNH
TRẦN THỊ NGH * HOẢNG XUÂN SƠN
TỪ THỂ MỘNG * VŨ HỮU ĐỊNH * TRẦN
THUẬT NGŨ * HOÀNG LỘC * NGUYỄN
LƯƠNG VY * KHÊ KINH KHA * TRẦN KHA
PHẠM CHU SẠ * NGUYỄN CHÍ KHAM
DƯƠNG NGHIỆM MẬU * THƯ TRUNG



số **181**

khi mùa mưa tới

tập san VĂN số 181



Paris * 03.2025

Bìa: tranh " Công Huyền "
của họa sĩ RỪNG
Nguồn: Thư Ấn quán

tập san VĂN **số 181**

Tập san Văn * Năm thứ tám
Số 181 ra ngày 01-7-1971

Đọc trong số này:

*** TUYÊN TẬP “KHI MÙA MƯA TỚI”**

- | | |
|---|----|
| 1. Hoàng Xuân Sơn | 11 |
| Mưa, thơ | |
| 2. Từ Thế Mộng | 12 |
| Buổi sáng nhân đọc một cuốn sách hay,
thơ | |
| 3. Vũ Hữu Định | 14 |
| Một chiếc gương soi, thơ | |
| 4. Hồ Minh Dũng | 16 |
| Những mảnh vụn của một phương trời,
truyện | |

5. Trần Thuật Ngữ	52
Gởi chiếc lá cây xanh, thơ	
6. Hoàng Lộc	55
Trong vườn thiên thu, thơ	
7. Nguyễn Lương Vỹ	56
Hạnh nguyện, thơ	
8. Kinh Dương Vương	57
Đêm rằm, truyện	
9. Khê Kinh Kha	99
Lời nhắn nhủ mai sau, thơ	
10. Trầm Kha	102
Tàn cuộc, thơ	
11. Phạm Chu Sa	103
Hái hoa, thơ	
12. Mường Mán	104
Hình sương bóng khói, truyện	

13. Nguyễn Chí Kham 146
Áo trắng, thơ

14. Phạm Ngọc Cảnh 148
Phận người, truyện

15. Trần Hoài Thư 173
Khu chiến, truyện

16. Trần Thị NGH 207
Ao tù, truyện

* MỤC THƯỜNG XUYÊN

17. Dương Nghiễm Mậu 229
Kẻ sống đã chết, truyện dài (kỳ 2)

18. Thư Trung 262
Giải đáp thắc mắc

19. Tin Văn vắn 279



Tòa soạn và Trị sự : 38, Phạm
Ngũ Lão, Saigon. Đ.T.: 23.595

Tập san xuất bản do nghị định số 64/
BTT/NĐ, ngày 4/12/1963

* Chi phiếu đề tên ông Nguyễn Đình
Vượng (chủ nhiệm kiêm chủ bút)

* Thư từ, bản thảo, đề tên ông Trần
Phong Giao (thư ký tòa soạn)

* Giao thiệp trực tiếp : ông Gia Tuấn
(phụ tá thư ký tòa soạn)

* In tại nhà in riêng của báo VĂN.

* Quản lý : Cô Nguyễn thị Tuấn.

thơ

HOÀNG XUÂN SƠN • TỪ THẾ
MỘNG * VŨ HỮU ĐỊNH

mưa

mưa bay trong đầu

mưa sâu trên tóc

mưa khóc đôi hàng

mưa quàng áo trắng

mưa lẫn gấu quần

ướt đầm vai nhỏ

mưa nằm quán trọ

mưa gõ vách buồn

mưa tuôn sách vở

mưa thổi qua đời

mưa ơi nhẹ nhẹ..

Hoàng Xuân Sơn

Buổi sáng

nhân đọc một quyển sách hay

Buổi sáng tắm trong dòng sông
xanh

ta thấy lòng mình như đổi khác

ta trong veo và nổi bông bênh

trôi rất nhẹ trên một dòng sông
khác.

Lá cây xanh màu xanh lá cây
ta nghe xôn xao lời gọi biếc
có hơi gì thổi trong trời êm
cây rất vui và đầy tiếng hát.

Ồ, bây giờ ta mới nghe tiếng hát rất
hồn nhiên nổi lên đầy sự thật khuất sau
cành lá hàng môi cong mỗi chim cong
hình như ta biết được.

Hàng hiên nắng cũng nghe đầy
hạnh phúc

sống bao năm làm kẻ đại khờ
bỗng thấy lòng mình như đôi khác
con mèo vàng khoanh nắng ngủ
trong trưa.

Từ Thế Mộng

Một chiếc gương soi

**Mua cho em chiếc gương tròn bỏ
bóp**

Với số tiền còn lại ngày ở Sài Gòn

Em sẽ soi gương mỉm cười rẽ tóc

Em sẽ nhìn môi để nhớ anh hôn

**Mua cho em chiếc gương tròn bỏ
bóp**

Quà Sài Gòn về tặng người yêu

**Buổi trưa nắng trong vườn xanh
Đại nội**

Em sẽ vì anh tô lại môi thơm

Để em nhớ hàm răng em có ngọc

Mắt em đa tình, em sẽ soi gương
Để nhớ tới anh những ngày xa cách
Tập cười duyên cài lại tóc hoa hường

Anh còn lại năm mươi đồng trong
túi

Không mua được gì ngoài một chiếc
gương

Bởi anh nghĩ xa nhau còn nhớ tới

Trong gương soi anh hôn hết nỗi
buồn.

Vũ Hữu Định

Hồ Minh Dũng

Những mảnh vụn của một phương trời

hị Vận lay hoay tìm cách dỗ đứa bé khỏi khóc, bóng người đàn ông đã khuất sau chuồng bò của ty canh nông. Hàng cây bạc hà lá rũ xuống trong cơn nắng buổi trưa gay gắt. Trên bàn đặt giữa nhà ngoài một bình nước, cái gạt tàn thuốc, một hộp tăm, còn có tờ giấy bạc năm trăm còn mới. Bây giờ đứa bé đã ngủ, tay nó ôm chiếc bong bóng màu xanh. Đã đến gần ngày giỗ của chồng chị Vận, anh Mẫn. Anh ấy chết gần chẵn

một năm, suốt cả năm nay không ngày nào mà nhang không chảy trên bàn thờ chồng, tàn cây này đến cây khác, nối tiếp, không ngừng. Chỉ có bình hoa huệ là đã tàn rã. Hôm trước đây, trong một dịp ghé thăm, mẹ chồng chị nói :

– Con cố gắng, kiếm chút tiền để ra tiệm thuê vẽ cho nó cái hình, ai lại không có tấm tích gì cả, con người đâu có phải con gà, con vịt, chết là hết.

Sáng hôm qua, chị đã đem cái hình căn cước của anh ra tiệm nhưng vì quá mờ không thợ nào nhận vẽ, chị buồn vô hạn và ra bến tàu thủy nhấn về với mẹ chồng, hứa sẽ ra hậu cứ trung đoàn mượn cái hình trong sổ quân bạ, may rõ hơn, vẽ được. Chị Vận lại được vui sướng khi nghĩ tới một ngày kia, trên bàn thờ lạnh lẽo này sẽ có bóng chồng, sẽ có đôi mắt nhìn lại những cảnh vật quen thuộc. Chị

lại vui mừng hơn khi hình dung ra một ngày giỗ lớn, có thể làm heo, có thể mời các thầy về tụng kinh, cầu siêu, bà con nội ngoại sẽ đến đông đủ, cái ảnh của anh Mẫn sẽ được một họa sĩ lành nghề vẽ lại thật giống, tươi trẻ, như người còn sống, lồng trong cái khuôn gỗ màu vàng. Chị mỉm cười nhìn đứa con đang ngủ, bàn tay nó hồng hào ghì chặt chiếc bong bóng, gió nhẹ thổi làm rung động mái tóc chưa kịp chải lại sau khi tiếp người đàn ông. Chị đến bàn, xua một ít tàn thuốc xuống đất, xếp tờ giấy bạc bỏ vô túi, chị muốn ngồi lại đây để nghỉ ngơi một chút, nhưng nghe tiếng chim hót thánh thót bên ngoài, dường như trên những đọt cây bạc hà, chị đi ra hàng hiên. Trời đã nhuộm một màu vàng sẫm.

Căn nhà chị Vận nằm dưới những lá cây bạc hà. Những thân cây khẳng kheo,

trơ trọi mang một ít lá rời rạc, ít ỏi, không đủ che bóng mát cho mái nhà. Nhưng đối với chị Vận nó cũng đủ để tưởng tượng như một bàn tay vô hình vuốt ve sự đơn độc mà chị đang có. Những thân cây dó dù do ty canh nông trồng ra để làm thí nghiệm, chị Vận cũng xem như nó mọc ra bởi đất, coi như nó nảy mầm, lớn lên tốt tươi không do một bàn tay nào vun xới hết. Ngày anh Mẫn còn sống, một lần anh nửa đùa, nửa thật ví những thân cây này như những thằng bạn của anh cùng một trung đội. Anh nói, chúng nó cũng có tình đồng bào, nòi giống, chúng nó cũng ôm bọc lấy nhau, nương nhau mà sống. Chị còn nhớ mới ngày nào đây, anh về phép, gặp đêm trăng tròn, anh cột võng giữa hai gốc cây, nằm đu đưa nhìn lên trời sâu thăm thẳm, Chị Vận đặt ghế ngồi cạnh chồng. Anh cất tiếng hát, những bài hát của anh ở ngoài đơn vị, lạ

và hay lắm, anh hát mãi mà chị nghe vẫn thấy thích, không chán. Hát xong anh giải thích thêm :

– Nếu em nghe được tiếng suối ở thung lũng BL. rồi thì bài hát anh hát không còn hay nữa, họ tả lại tiếng suối đó, cả tiếng vi vu của rừng già nữa.

Chị Vận cười không hiểu gì. Anh nói tiếp :

– Khi nào cỏ con hát bài này ru nó ngủ, được không ?

Chị Vận gục đầu vào cánh tay anh:

– Được. Hay lắm, em cũng thích ngủ, huống là con.

Hai vợ chồng cùng cười, họ nhìn lên trời cao, chỉ chỉ những vì sao lấp lánh. Mặt trăng treo lơ lửng trên những nhánh mây trắng. Lâu sau chị Vận hỏi :

– Anh biết em có mang mấy tháng rồi không ?

Mẫn xoa tay :

– Chịu.

Chị béo nhẹ một cái trên trán chồng:

– Anh dở lắm, đánh giấc thì hay, có nhiều huy chương mà việc nhà thì dở. Nó đã hơn bốn tháng rồi đó. Anh có muốn xem nó máy không ?

– Thôi.

Rồi anh Mẫn tiếp tục hát, chung quanh như có nhiều người lắng tai nghe. Và giọt sương trên những lá cây bạc hà rơi xuống. Có giọt đã nằm trên mái tóc chị Vận long lanh. Anh Mẫn ngồi dậy, cầm tay chị âu yếm như ngày mới quen nhau :

– Anh đi hành quân ở nhà có buồn không ?

– Buồn thì buồn nhưng em vẫn cố vui, vui vì luôn luôn nghĩ tới anh, anh là rường cột của gia đình. Năm sáu tháng nữa mình sẽ có con, em sẽ bớt buồn đi.

Câu chuyện ngày nào đó dưới những gốc cây đêm trăng. Hồi căn nhà này anh chị mới dựng trên khu đất nơi ngày trước trong xóm lao động chọn làm nơi phóng uế rác rưởi, phân bò, những đồ vật phế thải. Ở với những thân cây ngày mỗi lớn thêm, cao thêm, lá không rụng theo thời tiết, chị Vận nhớ đến chồng, nhớ đến những bài hát không biết tên, chị nhớ đến thằng Hải, đứa con đầu chị gởi nhờ bà ngoại nuôi, vài hôm nữa, chị sẽ về quê, chị sẽ đem nó lên, dù chật vật chị không thể kéo dài những ngày sống thiếu nó. Mới đó mà cảnh gia đình chị

đã biến đổi, mọi chuyện không còn như trước, không còn như trong hy vọng sáng sủa. Chị cũng không bao giờ thật sự trở về quê nữa, chồng chết, dù muốn dù không, chị cũng phải ở đây, nếu không sống bằng cách này cũng sống bằng cách khác. Cuộc sống ở một thành phố dĩ nhiên dễ dàng vì nó qui tụ lại những nghề nghiệp, nó che giấu những cái nếu phơi bày ra sẽ bị phế thải. Ngày xưa, chị Vận yêu mẩn căn nhà nầy vì ấp ủ hình ảnh người chồng, nơi chị đã cho chào đời hai đứa con. Ngày nay, chẳng những chị yêu mẩn khu đất này mà cả thành phố lúc nào cũng sống động, chị yêu luôn cả những hồ nước, ao tù, những đồng rác khổng lồ đầy chuột bọ bên kia sân bay. Quê nhà và con đường về ngày một nhạt nhòa đi, đầm nước, cồn mả, lũy tre, những mái chùa thấp, những mô đất, những bãi cỏ xanh non đã lui dần, tan loãng trong hồn

chị. Chị Vận nói với đứa con nằm trong nôi :

– Mẹ khổ lắm mà không ai biết mẹ khổ, chỉ có ba con biết. Lúc sống yên thương mẹ con ta thì lúc chết chắc không oán trách mẹ. Mẹ đã lãnh xong tiền tử tuất nhưng tiền ấy mẹ đã lo liệu cả rồi, mẹ không dám tiêu vào đó một đồng, mẹ để dành sau này yên ổn đem mộ ba con về làng, xây cho ba con cái lăng. Với giá cả đất đỏ bây giờ, mẹ tính hai công việc ấy cũng đã sít soát số tiền mẹ lãnh. Bây giờ không lẽ ngồi ăn không, mẹ phải làm việc, mẹ chẳng biết làm gì được, buôn bán mẹ cũng không rành, làm thuê mẹ ốm yếu làm không rồi. Mẹ đành phải làm cái nghề này. Con còn nhỏ con không biết gì cái nghề mẹ đang làm đâu. Lớn lên, con cũng như anh con, sẽ ghê gớm, phỉ báng mẹ, nhưng mẹ không sợ, vì đồng tiền mẹ

làm ra mẹ đang nuôi con, mua sữa cho con bú, may áo cho con mặc, mẹ cũng phải dùng nó vào những việc khác nữa, như thuê vẽ hình cho ba con, còn lo ngày đơn tháng kỵ. Mẹ không làm cho mình mẹ ăn tiêu...

Nước mắt chị Vận trào ra long lanh
Đứa bé nằm trong nôi mỉm cười, tay nó
cầm chặt chiếc bong bóng màu xanh.

✱

Bữa giỗ anh Mẫn không ngờ mà trở thành trọng thể, bà con nội ngoại đến đông đủ, có người ở thật xa nhớ ngày cũng về, đặc biệt là đại đội của anh ngày trước cũng cử người về tham dự. Đó là hạ sĩ Diện. Khi giỗ xong, bà con nội ngoại đề nghị anh Diện kể lại cái chết của anh

Mẫu cho họ nghe. Sau khi đốt thêm một cây nhang trên bàn thờ, anh Diện lên giọng kể lại giây phút cuối cùng của bạn mình ở bên kia một chân núi không biết tên, mặt anh Diện lúc đó dị thường như có đeo thêm chiếc mặt nạ, ngồi xếp bằng trước những đôi mắt chờ đợi, theo dõi. Khói hương tỏa ra khắp nhà, bao bọc một lớp mờ ảo chung quanh mọi người. Bỗng đội mắt anh Diện sáng rực lên, anh hỏi mọi người :

– Thừa các bác, các chú, các cô cậu, có ai biết LB, có ai biết KS, có ai biết đường 9, có ai biết biên giới chưa ?

Mọi người ngơ ngác không trả lời. Hạ sĩ Diện nhìn mọi người một lượt, nhìn bàn thờ, nhìn những cây nhang đã cháy hết, anh ngừng lại ở nét mặt chị Vận, ở đó như có ánh lên một chút hào quang. Hạ sĩ Diện nói tiếp :

– Tôi muốn nói đến một miền rừng núi xa xôi, một vùng ám khí độc địa. Nơi anh bạn tôi đã chọn lựa làm nơi an nghỉ cuối cùng. Nơi tôi hứa trong tâm là có ngày sẽ đi qua đó, tôi khắc ghi, tôi nhớ mãi trong lòng để có ngày tôi đi qua đó. Ừ, tôi phải nhớ kỹ làm sao để nhắm mắt lại là tôi thấy nó ngay. Kìa... vách đá đó, gốc cây đó, bên một gò mồi, bên một...

Rồi anh kết luận:

– Xin lỗi các bác, các chú, các cô cậu. Đáng là tôi không bao giờ kể câu chuyện này ra, nó buồn như một bi kịch. Tôi là một người bạn thân với anh, dĩ nhiên đã đóng một vai với anh trên sân khấu đó. Tôi sống sót đến ngày hôm nay là một điều chính tôi cũng không ngờ. Thôi xin chào, tôi phải ra hậu cứ gấp trưa nay cho kịp chuyển tiếp tế.

Giỗ anh Mẫn xong một thời gian thì chị Vận tiếp tục cái nghề của chị. Trước đây, chị làm một cách kín đáo, khách ăn chơi do một vài người quen giới thiệu, nay thì đã có nhiều người biết cái căn nhà nằm dưới những lá cây bạc hà không còn gì bí ẩn nữa. Thỉnh thoảng một vài người bạn gái tới lui thăm viếng, họ là những người dường như sắp sẵn với nhau những lời an ủi chị :

– Chị khó đi, cái gì rồi cũng quen hết, biết bao nhiêu người làm nghề đó, mình làm ăn, không trộm cắp, không đâm trâu chém chó ai là được.

Chị Vận thấy vui đi, được vượt ve trong một ngày của đời sống. Một ngày kia, chị nói với người mai mối :

– Chú ạ, chú đừng dẫn những người mặc áo quần nhà binh tới nữa, tôi sợ lắm,

tôi bị ám ảnh dễ sợ, họ có những cử chỉ giống anh ấy quá, tôi chịu thôi.

Thằng Gái nghĩa quân đáp :

– Chị nên xét lại, đa số là lính, họ vào sinh ra tử, họ sục sạo tìm kiếm hơn những người khác.

Chị Vận đành nhượng bộ :

– Nhưng chú phải nói họ mặc áo quần thường nhé.

Thằng Gái-nghĩa quân cười, đốt thuốc hút. Gương mặt hằn phảng phất một sự buồn chán khó tả. Trước kia hẳn là một nghĩa quân, trong một chuyến đi mở đường buổi sớm bị mìn đứt mấy ngón chân, được giải ngũ về. Hẳn theo nghề cờ bạc, ngồi canh chừng canh sát cho mấy sòng xóc đĩa ăn thua ở bờ sông, sau này vì không được kiếm chác bao nhiêu, đôi

lúc lại lực bị lượng an ninh rượt đuổi, vì mấy ngón chân đứt hẳn không chạy kịp, có lần bị bắt về bó, về sau hẳn đổi sang nghề dẫn mối chơi bời. Hẳn có một ước ao thâm kín nhưng khá mãnh liệt như một sự cháy ngầm âm ỉ. Hẳn muốn kiếm ra tiền để làm cho được vài cái răng cấm giả. Một lần hẳn thổ lộ :

– Cái dạ dày quan trọng lắm, nếu nó đau thì coi như đời lúa rồi, nó giúp cho ta sống từng ngày một, mà đau hay không phần lớn là tùy ở hàm răng, do ăn phải nhai cho kỹ, thế mà răng cấm tôi bị gãy hết làm sao nhai được.

Vài cái răng giả giá chẳng bao nhiêu thế mà ngày này qua ngày khác, miệt mài tìm kiếm đồng tiền, Gái-nghĩa quân vẫn không sao có được. Chị Vận nhiều lần an ủi hẳn :

– Chú gắng giúp tôi, nếu tôi khá được thì chú đừng lo, bỏ cả hàm cũng được.

Hắn lại có dịp bày tỏ tâm sự :

– Bệnh gì cũng khổ, cái miệng mà không có răng chẳng khác nào cái mả dờn rồi mà không lấp đất. Nó tro tráo thật khó coi. Mỗi lần soi gương tôi bi quan lạ lùng, tôi đâm ra thù oán tất cả, có khi tôi nguyện rửa cả cha mẹ tôi nữa. Tôi mà làm được ông trời thì tôi đã cho sấm sét đánh chết hết cái xã hội quanh tôi rồi, chị ạ.

Rồi tiếng nói hắn nghe nhẹ hẳn :

– Bọn họ coi tôi như ăn ở mất vệ sinh, đi đâu tôi cũng không dám cười.

Chị Vận rót một ly nước mời hắn :

– Thôi gắng đi. Tôi khổ hơn chú

nhiều mà cũng sống nổi. Nhắm mắt đi chú, mở ra làm chi.

Hắn xoa hai bàn tay, tạo ra tiếng động lạ :

– Chị ạ, ngày nào mà tôi bỏ được hàm răng rồi họ mới biết tay tôi, trước hết là tôi đi tìm nhà tôi, chắc cũng không khó.

Lúc sau, hắn hỏi :

– Chị Vận, tui muốn đề nghị với chị, không biết chị có đồng ý không, nếu chị cho phép, tôi xin nói.

– Chú cứ nói nghe thử coi.

– Tôi đề nghị chị tiếp Mỹ, Đại Hàn.

Chị Vận nở một nụ cười nhăn nhó như có bàn tay vô hình bóp méo :

– Thôi chú ạ, ăn ít no lâu. Chúng ghé
lắm.

Thằng Gái-nghĩa quân tìm lời khu-
yên giải :

– Tôi có kinh nghiệm tôi biết, trước
tôi có đưa nhiều mối tiếp nó, ai cũng
giàu cả. Tuy nó xôm xoàm dữ sợ nhưng
nó hiền khô, nó dễ chịu hơn Việt Nam
nhiều. Tiếp nó một bằng chục người
mình. Đã làm làm luôn, mới có tiền.

Người đàn bà vuốt tóc con, kết luận :

– Đừng nói nữa chú, tôi đã nói tôi
không thích thì thôi,

Thằng Gái-nghĩa quân cụt hứng, hẩn
nhùi đám ruồi xanh bu một đám trên
mặt bàn rồi bước ra khỏi nhà đi về phía
khu chuồng bò, mấy dãy nhà tôn thấp
che kín con đường và làm nổi rõ mấy

cây phượng già thưa thớt vài bông đỏ nở. Thăng Gái đi được một lát thì ngoài đường cái có tiếng người nói, chị nhìn ra thấy một người đàn bà tay ôm con nhỏ, theo sau đứa nữa, tất cả đều mặc áo chế. Người đàn bà mới đến, gương mặt điềm tĩnh, dắt con vào nhà rồi nói :

– Anh mất rồi.

Chị Vận sững sờ:

– Anh mất. Trời, trận nào chị ?

– Bên Lào lặn, dì.

Họ không nói nữa. Gió thổi qua những lá cây thì ào ào. Họ là hai chị em ruột, cả hai đều lấy chồng lính chiến. Họ đã trở thành góa bụa.

Ở hậu cử Trung đoàn ra lên xe lam về phố, tạt qua tiệm vẽ đặt giá cả xong xuôi, chị Vận mới về nhà. Lòng chị thoải

mái như sau ngày lo giỗ anh Mẫn xong.
Chị mách với người chị :

– Em đã thuê họ vẽ cái hình cho anh ấy rồi, cái ảnh vừa mượn ở ngoài hậu cứ rõ lắm, giống anh ấy như đúc. Chị có hình của anh Chắp không ?

Người chị nét mặt sa sầm :

– Không. Anh ấy đâu có đem về được cái gì. Đã nói là mất xác mà.

Chị Vận trở lại vui vẻ, như báo tin mừng cho chị :

– Sáng nay em nghe họ bàn tán đến những người mất tích, biết đâu anh ấy cũng mất tích, chắc chi đã chết.

– Thiệt rồi mà, có người thấy rõ ràng anh ấy bị trúng đạn dưới hầm một, anh ấy cố bò lên khỏi miệng hầm kêu cứu.

– Không chắc đâu chị, họ có thể nhìn lầm, ngoài trận ai mà thấy cho chắc được. Chị cứ tin đi. Anh Chấp mất tích thôi.

Chị Chấp thoáng một nét vui tươi:

– Ủa chị cũng tin anh ấy mất tích.

– Mất tích thì có ngày về. Sống là có ngày về,

Bỗng như nhớ ra, người chị hỏi nhỏ em, thật ân cần :

– Sáng nay có một người đàn ông hỏi em.

Chị Vận nửa đùa, nửa thật :

– Đàn ông họ đánh mùi tài lắm, chị em mình đàn bà góa.

Hai chị em đều cười. Đến tối, chị

Chấp nói, em đã góa rồi, chị cũng góa nữa, đàn ông họ tới lui cũng phải, em cho tôi ở đỡ, lãnh tiền tử tuất xong tôi về làng.

Ban đêm nhìn sao sáng, chị Chấp hình dung ra một ngày về, một ngày quang đăng bông con ra bến tàu, xuôi con tàu thủy qua những con sông đào, qua những chặng bờ sông khúc khuỷu có dừa ngã ra mặt sông. Những đứa con chị sẽ tiếp tục lớn lên, chị sẽ xây dựng tương lai cho nó như ngày xưa cha mẹ đã xây dựng cho chị. Trong những ngày tạm trú ở đây, chiều chiều khi hoàng hôn xuống, chị dẫn những đứa con ra bắt chúng nhìn về phía tây, đó là lúc mặt trời đã gác trên những dãy núi mờ thắm, đó là lúc mặt trời làm ửng hồng lên một góc trời tươi thắm. Đó là phía người lính đã chỉ cho chị, cho chị biết rõ phương

hướng anh Chắp nằm xuống, đó là nơi anh vĩnh biệt đi, đó là nấm mồ to lớn, bao quát rộng rãi trước mắt chị và bảy đứa con, chị Chắp giảng giải cho từng đứa con hay :

– Ba con đã chết ở đó, mộ ba con ở đó, các con nhìn về phía mặt trời lặn đi.

Những đôi mắt đăm đăm, những đôi mắt ấy nhìn xa được vạn dặm, nhìn suốt được cả không gian đầy mây mù, không có bức tường nào dày ngăn nổi những đôi mắt ấy được. Phía Tây, ở đâu xa xôi quá, đi đến đâu vẫn còn chân trời, đi về đâu vẫn còn thấy nó. Phía mặt trời lặn, nó hiện diện trong đời sống gia đình anh Nguyễn văn Chắp như một bàn thờ, như một nơi chôn giấu trích lục, gia phổ. Phương trời của hạ sĩ Chắp quả thật to lớn, mệnh mệnh.

Hôm chị Vận đem ảnh chồng về cũng là hôm chị Chắp bỗng bế con ra bến tàu thủy. Tiễn chị về quê xong, chị Vận trở về nhà. Khuôn mặt anh Mẫn sáng sủa, trẻ trung nổi bật trên tấm khung gỗ có những đường vân cân đối, đẹp đẽ. Chị chắp tay trước ngực khấn vái : « Hôm nay anh về ở với em, sớm tối có nhau, em không còn lạnh lẽo, một mình nữa, anh có mặt trong nhà này, em vui vẻ biết bao ». Chị lại ra phố mua một bó hoa huệ tươi về cắm cho anh. Những cành hoa huệ mang từng chùm búp xanh non chẳng khác nào cành hoa ngày đám cưới chị. Sửa soạn bàn thờ xong, chị bỗng con tới và chỉ dẫn cho nó :

– Con thấy chưa, cha con đó, cha con hát hay lắm, còn trẻ lắm, chỉ hơn mẹ một tuổi thôi, con có thấy con mắt, lỗ miệng, cái cằm của cha con không, mẹ không

cho cha con đi lang thang nữa, mẹ bắt về đây ở với mẹ con ta, con thấy không...

Đứa bé chỉ nhìn phớt qua rồi đôi mắt dán chặt vào những chồng áo quần giấy màu sắc sặc sỡ treo ngay ngắn gần đó.

Đến ngày thẳng Gái-nghĩa quân tới chị cũng đem chuyện cái hình ra bàn tán, hăn nói vô tình làm cho chị suy nghĩ mãi :

– Chết là hết, có thương tiếc cũng không sống lại được.

Chị Vận hỏi :

– Chú nói vậy, vợ chú bỏ đi, chú có buồn không ?

Thằng Gái đồng dặc :

– Tôi buồn vì nó còn sống, nó chưa chết, hy vọng có ngày gặp lại, chính cái

hy vọng có ngày gặp lại làm tôi buồn đau
để, vợ tôi bỏ tôi chứ không phải nó chết.
Chị Vận hỏi tiếp, chú có mong nó trở về
không ? Mong chứ, hần nói, tình nghĩa
vợ chồng trăm năm, tôi làm sao quên
được, nó bỏ tôi là vì tôi độ ấy đêm nào
cũng ngủ trong đồn, vì tôi bỏ nó lạnh lẽo
năm canh. Đàn bà đáng lẽ phải bỏ cho
nằm trong cái ổ chuột ấm, tôi lại bỏ nó
nằm trong cái hang rắn, khiến nó không
bỏ đi sao được.

Nói xong hần phác một cử chỉ kỳ
lạ, dường như hần đã dùng ngón tay để
vẽ chân dung một ngày hạnh phúc tràn
ngập ở giữa khoảng không gian nhỏ bé,
rồi những giác quan hần đắm đuối vào
đó. Gương mặt hần lúc đó như bùng lên
một ý nguyện sôi sục, nhưng rồi tất cả
như bị cắt ngang đi khi nghe tiếng nói
của người đàn bà bên cạnh :

– Chú đã bỏ được cái răng nào chưa ?

Mặt nó trở lại trạng thái cũ :

– Chưa, chị.

– Có tiền chú nên bỏ mấy cái trước, khi cười coi nó hơn không ?

Gái nghĩa quân gương cao cổ :

– Chị nói vậy tôi không đồng ý, dù ngoài nó xấu một chút nhưng cái răng cắm trong quan trọng hơn, nó giúp cho bộ máy tiêu hóa.

– Nhưng trông chú già trước tuổi ?

Lâu sau, hắt xuống giọng :

– Chị nói cũng phải. Ừ biết đâu con vợ tôi nó bỏ tôi cũng vì cái hàm răng ác nghiệt này.

Nói dứt câu, hấn đứng dậy đi ra ngoài, biến trong đám bụi mù, đến chiều hấn lại tới đem theo một người đàn ông, người này đến nói chuyện vài ba điều không chịu vô phòng chị Vận, thằng Gái-nghĩa quân hỏi thì anh ta nói :

– Như chưa thấy cái hình của chồng cô ta thì được. Thấy rồi ghê quá, như anh ta sống ngồi đó, đôi mắt như còn nhấp nháy, ai mà dám...

Chị Vận cầm tay người đàn ông nói như một thói quen :

– Chồng em hiền lắm mà, anh sợ gì.

Người đàn ông một mực từ chối, rồi theo thằng Gái-nghĩa-quân đi về phía cửa thành sập. Chị Vận đến bàn thờ, anh Mẫn vẫn như ngày nào hiền hậu, dễ yêu, nhưng chị không ngờ rằng chỉ

buổi trưa nay thôi, đã có một màng nhện giăng tử khuôn ảnh đến bình hoa huệ, chị gặp người xuống nhìn thật kỹ, ở giữa cái màng ấy có một con nhện chàng xay, thân thể nó ốm o, nó cử động từng nhịp đu đưa không lúc nào ngừng nghỉ, Chị định quét nó đi nhưng khi đưa tay ra, chị lại thấy tâm hồn mình đắm trong cảm giác của nhịp đu đưa ấy, lại thôi.

Con chàng xay, bắt chỉ tơ qua khoảng không gian nhỏ hẹp ấy. Ngày cũng như đêm, không ngừng di chuyển, không một tiếng động, không một phút nghỉ ngơi. Xay, xay miệt mài trong bóng tối cũng như giữa ánh sáng của một ngày hè le lói. Chị Vận mơ hồ thấy như từng nhịp đập của trái tim anh, những nhịp kiên nhẫn, trường tồn không hao không bị hủy diệt. Nhưng rồi một buổi sáng kia, khi chị thức dậy, không thấy con chàng

xay đầu. Những sợi tơ rút từ ruột nó bắt qua vẫn còn đó. Chị bàng hoàng tìm kiếm khắp nơi không thấy tăm tích nó. Chị tin có một ngày không xa, con chàng xay thân yêu ấy sẽ trở về, chị không ngờ rằng thằng Gái-nghĩa quân đã bóp xác nó. Nó chết nhẹ nhàng, êm ái như một giọt nước bị bóp ép trong bàn tay người ngư phủ.

✱

Năm tháng trôi qua.

Cuộc đời chị Vận đã liên hệ chặt chẽ vào định mệnh. Chị như một cánh bèo phải trôi dạt lênh dênh trên dòng nước lũ. Tháng ngày đối với chị chỉ còn là một bàn tay mọc thêm nanh vuốt. Đã trải qua một thời gian khá lâu mà chị vẫn chưa đạt

được những điều như mong ước. Khách làng chơi bây giờ đa số đã quen, họ lui tới thường xuyên không cần ai đưa đón. Đến lúc như vậy thì chính thằng Gái nghĩa quân đã bỏ đi, nó đi đâu không ai biết. Có người cho rằng nó đã đến một thành phố thuận tiện khác, có người nói nó hiện đang hoạt động bí mật cho một tổ chức chính trị nào đó. Có người lại nghĩ xa hơn, nói nó đã tự tử chết trên một dòng sông sâu không ai phát giác được. Bặt đi khá lâu thì bỗng một đêm mưa gió tầm tã, có tiếng đập cửa nhà chị Vận thành thịch. Khi mở cửa, chị đã nhìn ra h lẫn trong ánh sáng mập mờ:

– Trời ơi, chú Gái, sao chú thế này ?

H lẫn vuốt nước mưa dầm dìa trên má :

– Chị cho tôi xin chút lửa, lạnh quá.

Khi bếp lửa đốt lên, thằng Gái nghĩa quân vừa sưởi vừa kể lại đoạn đường hăn đã đi qua, thì ra hăn lang bạt từ thành phố này đến thành phố khác để tìm kiếm người vợ cũ. Hăn không làm sao gặp được nàng, cuối cùng hăn phải trở về đây. Hăn đã thật sự xúc động khi nhìn ra ngôi nhà nằm dưới những lá cây bạc hà ủ rũ. Hăn nhìn chị Vận sáng bừng trong ánh lửa, nhìn bàn thờ anh Mẫn, hăn xót xa nhớ lại từng nhịp di động của con chàng xay ngày nào... và rồi hăn nhớ rằng, từ một con đường nhỏ bên kia sông, từ một đêm ngủ ở trên một sân ga bỏ hoang, hăn đã nhớ về ước mong được trở về, căn nhà này như một điểm sáng rực rỡ, như một đỉnh ước vọng phải tưởng nhớ, phải trở về. Hăn phải nói ra thôi :

- Chị Vận, tôi muốn nói với chị.
- Chú cứ nói đi.

Nhưng rồi hắn thấy khó khăn hơn bất cứ một câu chuyện gì, phải nói lảng đi :

– Lá bạc hà ngoài đã rụng chưa, chị.

Chị Vận vẫn không theo dõi được tâm trạng của hắn, vô tình :

– Rụng rồi, thuốc khai quang làm nó rụng hết. Chị tôi cũng đã về làng rồi.

Thằng Gái nghĩa quân lơ đễnh :

– Mọi chuyện thay đổi hết. Chỉ có lòng tôi...

Chị Vận vẫn không hiểu :

– Chú đã bỏ được mấy cái răng chưa ?

– Rồi. Cám ơn chị, tôi đã bỏ được cả mấy cái phía trước nữa.

Trong ánh lửa sắp tắt, bóng tối tiến sát lại gần hai người.

Bỗng thằng Gái run sợ, một tia chớp vạch lóe lên ở phương trời. Đây là đâu, thằng Gái nghĩa quân thì thảo, đây là đâu, thoáng trong một chốc, hắn đã cầm gọn bàn tay chị Vận trong bàn tay ướt đầm mồ hôi của hắn :

– Vận ơi, tôi không hy vọng gì để gặp lại người vợ xưa nữa, mặc dù hàm răng tôi đã bỏ gần đủ. Tôi đã sống những ngày tìm kiếm vô ích, chắc chắn Vận đã biết. Anh ấy cũng đã chết rồi. Vận cho phép tôi được ở mãi như thế này. Tôi không muốn dời căn nhà này. Chúng ta sẽ xây lại hạnh phúc vui vẻ. Cả có bấy, chim có bạn, con người không thể lẻ loi được. Vận ơi, tha lỗi cho tôi.

Những mảnh lửa cuối cùng đã tan biến đi. Một đống tro than vô dụng và buồn bã hiện ra trước mắt hai người, họ nhìn thấy rõ ràng từng hạt bụi nhỏ sắp sửa trở thành bóng đen ma quái. Bàn tay của đêm đang bủa rộng ra. Chị Vận yên lặng, thụ động, rồi trong côi tối tăm, chị bỗng nghe như có tiếng con chàng xay trở về trên bàn thờ chồng. Phải, đúng là tiếng động của nó. Nó đã trở về. Trái tim của anh Mẫn đã đập. Chị bừng tỉnh. Đứng phắt dậy, đẩy thẳng Gái ra, vui mừng, reo lên :

– Con chàng xay đã trở lại rồi, chú Gái ơi, tôi đốt lửa lên đã. Ta coi nhau như xưa thôi. Ở kia, chú có nghe tiếng nó đang xay xay đó không, thật tôi đoán không sai.. thế nào nó cũng trở lại...

Chị Vận đốt lên một đóm lửa để nhìn về phía ảnh chồng. Thêm một búp huệ

héo rơi khỏi cành tạo một tiếng động quen thuộc. Thằng Gái-nghĩa quân lấy tay khều trong đống than nhưng không tìm ra một chút lửa nào. Thoáng trong đêm khuya, hẩn nghe tiếng ai vọng lại, từ một cõi nào xa xăm: Xay đi! Xay đi! hỡi con chàng xay yêu dấu.

Hồ Minh Dũng

Rừng An Đô, hè 1971

thơ
trần thuật ngữ * hoàng lộc
nguyễn lương vỹ

gởi chiếc lá cây xanh
em mến yêu ơi giờ đã xa
mùa trăng con gái thuở mười ba
quê nhà giờ cũng không còn nữa
dấu đạn bom sâu mắt mẹ già

có phải năm nào xưa bên nhau

ta đi bóng đỏ bóng vai cầu
mặt trời lên đỏ hồng hai má
và tiếng chim ca cũng ngọt ngào

có phải năm nào xưa không em
mùa xuân hoa nở đỏ bên thềm
em như con bướm vàng bay mỗi
đậu xuống lòng anh run nằng im

có phải dòng sông giờ đã xa
mây trời hôm trước đã bay qua
mùa đông trong mắt phai màu lá
ôi tiếng em xưa dưới nguyệt tà

ai thổi vào hồn ta máu xương
đêm nay nằm ngủ dưới mưa sương
em ơi chim vẫn bay ngoài mộng
và tiếng ru xưa lạc cuối vườn

có phải mưa là hơi thở ta
mười năm trên mặt đất phai nhòa
hỡi em tiếng gọi bình yên cũ
đội lại trong lòng ôi thiết tha.
trần thuật ngữ

trong vườn thiên thu

áo em thả bay dòng dòng lụa

**bạch rủ hồn ta theo cuối đỉnh trời
vàng**

rừng ở đó rừng đầy bông mút mật

và nụ tình em quá đổi tình sương

kể từ đó ta bắt đầu mê gái

**vườn thiên thu đỏ mấy trận mưa
hồng**

khi ánh nguyệt đã bắt đầu sợ hãi

ta còn gì trên những giọt tình không.

hoàng lộc

hạnh nguyện

biển đắp một tòa sương

lạnh đôi bờ vú nhỏ

nàng tắm trong tịch dương

núi gấm lên khóc nhớ.

Nguyễn Lương Vỵ

Kinh Dương Vương

Đêm rằm

Lâm dừng lại ở bậc cửa ra sân sau, cúi đầu xuống khỏi mái nhà thấp, ngược nhìn những trái su xanh hiện mờ mờ trong ánh sáng đèn nhà bếp hắt ra. Giàn su đang trĩu sai quả lúa đầu, lá che rợp khoảng sân nhỏ buổi trưa mát rượi. Hơi lạnh của đêm đầu xuân mới xuống phả nhẹ lên da như mặt Lâm áp vào một tấm khăn lụa tơ. Chàng định quay vào mặc thêm áo, nhưng sự sáng khoái bất ngờ chợt đến, lôi bước chân

Lâm ra khỏi mái hiên. Bây giờ Lâm phải chịu đựng tấm khăn lụa đã tẩm ướt hơi sương bao phủ lên khắp người Lâm. Để chống lại cơn lạnh, Lâm làm vài cử động nhẹ: đứng nhón gót, hai tay lên hông, đá tuần tự hai chân lên cao gần chạm những quả su lớn trĩu xuống, vặn người sang hai bên. Các khớp xương kêu rôm rộp. Lâm hít hơi vào thật dài, dần lại một chốc, thở mạnh ra... Ánh sáng ngọn đèn ủ gà con từ cửa chuồng, cạnh khóm cà chua, tỏa một làn sáng hồng trên mặt đất khô có những cục phân gà nửa trắng nửa sẫm nằm rải rác. Lâm mở cửa chuồng. Hai mươi chú gà con tíu tít quanh máng ăn, nghe tiếng động hơi lao xao, dưới ánh sáng đỏ hồng sắc lông tơ vàng óng lên màu kim nhũ mịn mượt. Những con mắt có đuôi tròn xoe, đen láy ngơ ngác nhìn ra khoảng tối bao la, xa lạ. Một chú đứng gần bờ cửa, tuột chân rơi xuống đất, hốt hoảng

chạy lẫn vào bóng đêm kêu lên chim chíp. Những chú trong chuồng ngẩng đầu lên khỏi máng ăn, vươn cao khoảng cổ ngắn, mở to mắt, niễng đầu, lắng tai nghe ngóng. Lâm thò tay vào găm bắt lấy chú bỏ vào chuồng, đóng cửa lại.

Lâm còn tiếp tục trông thấy trước mắt những đôi mắt đen nhỏ trong suốt ngày thơ. Trong một khoảng thời gian ngắn sau đó những đôi mắt trẻ thơ còn lao xao trong trí tưởng Lâm, và lần nào cũng vậy, chàng nghe reo vui từ những đôi mắt đó, âm thanh trong và giòn của những chiếc chuông pha lê bé nhỏ. Lâm nhận ra, tuổi thơ ở mọi sinh vật đều có vẻ quyến rũ đáng yêu một cách hồn nhiên. Chúng hoàn toàn yếu ớt, bất cứ ai cũng có thể dễ dàng làm hại chúng. Chúng không có phương thế tự vệ tích cực, nhưng sự ngây thơ vô tư bảo vệ

chúng. Một hào quang thánh thiện tỏa ra bao bọc lấy chúng làm vô hiệu tội ác. Ở chúng chưa có mầm mống của tội ác nên tội ác không có môi trường xúc tác để phát sinh. Trong vẻ ngây thơ của chúng có sức mạnh của sự cảm hóa. Tội ác mới réo gọi được tội ác, như lửa gặp củi khô, cái vẻ ngây thơ của tuổi thơ như nước, sẽ làm nguội những luồng lửa dữ... Một đệ tử hỏi Đấng Giác ngộ rằng :

– Bạch ngài, nếu gặp một con hổ vồ Ngài, Ngài sẽ xử trí thế nào ?

Đấng Giác ngộ trả lời :

Trong mắt hổ ta là hổ, trường hợp đó không thể xảy ra được.

– Vậy nếu có một con rắn muốn cắn Ngài ?

Người đệ tử hỏi tiếp. Đấng Giác ngộ trả lời :

– Rắn đầu nở cần một đồng loại...

Cái nhìn tỏa ra trong mắt đấng Giác ngộ hòa giải được tất cả những tia nhìn vẫn đục của mọi loài, như muối bị hòa tan trong nước biển... Có ý muốn xúc phạm và xúc phạm đến một sinh vật đang tuổi thơ chỉ có thể là loài quý. Con người cần phải chống lại những hành động của loài quý để bảo vệ tuổi thơ như bảo vệ sự thánh thiện, bằng mọi cách, kể cả cách không phải sự cảm hóa.

Lâm muốn nhìn lại một lần nữa những chú gà tròn như những viên tơ vàng sống động – với mắt của các thiên thần – nhưng chàng lưỡng lự. Ý muốn tiếp tục nhìn vào những hình ảnh trong trí tưởng lướt thẳng. Lâm đưa mắt nhìn

khoản nước trong bình chứa cũng ánh lên một màu hồng.

Đỏ là lứa gà thứ năm, Lâm đã cho hai con gà mái ta ấp trứng giống gà thịt ngoại quốc. Chàng có một con gà mái đen giống Mỹ, đã già, Lâm đem nhốt chung với một con gà trống tơ trắng. Con trống trắng mới lớn, sức còn mạnh, cả ngày đè con mái đen già ra đập, không biết mấy dạo, đến nổi lông đầu và trên lưng con mái đen rụng sới.

Xác con Đà điều — tên con trống tơ trắng — to như vậy mà một ngày đè lên người con mái già cả chục dạo làm sao nó chịu cho nổi. Vợ Lâm hay phàn nàn. Có khi em thấy đến sẩm tối rồi nó còn đòi đập, con mái đen phải chạy dài... Anh liệu mà nhốt riêng nó ra hay mua thêm vài con gà mái nữa thả vào cho lại sức nó, không thì có ngày con mái đen

dập trứng mà chết.

– Chết chóc gì em lo. Lâm nói, nhìn vợ cười tinh nghịch. Thì một vợ một chồng, khác giống còn không sao, hướng chi cùng giống Mỹ với nhau cả. Như đôi vợ chồng, vợ già chồng trẻ vậy. Chồng trẻ còn sung sức hay tham lam, đó cũng là chuyện thường. Ai bảo ham chồng trẻ.

– Con gà mái già đâu có ham. Mây – tên vợ Lâm – cãi. Chính anh ép duyên nó với con Đà điểu.

Lâm cười giòn.

– Chỉ có em biết lo vậy thôi, con gà mái già đâu biết lo.

Mây lườm chồng, nhin cười, hai má hồng lên :

– Loài vật hay người thì cũng phải có

điều độ chứ, bộ muốn chết sớm sao ?

Nói xong Mây cúi nhìn xuống, tránh ánh mắt nhìn thẳng của chồng. Nhưng Mây lại ngẩng lên nhìn Lâm thật nhanh rồi quay đi hướng khác nói :

– Con Đà điều anh mua về, em còn nhớ mà. Nó nhiễm hơi anh.

Lâm nhìn nụ cười đắc thắng nở hết trên môi vợ thấy nàng đáng yêu lạ.

– Bộ em tưởng con mái đen phản đối thật à. Anh ngờ rằng nó thích làm ra như cầm lòng-nhưng-không-đậu như vậy, khi con Đà điều ve vãn.

Lâm định trả lời vợ nhưng thôi không nói, sự nhường nhịn người thân đôi khi cũng đem lại cho chàng một niềm vui riêng.

Có lẽ vì con Đà điều hăng quá nên tuy con mái mẹ giống đen, bầy con nở ra lại toàn trắng giống cha cả. Chỉ một vài con điểm ít chấm đen lấy lệ mà thôi.

Lâm đi ra phía vạt đất trống bên hông nhà. Ở đó, vợ Lâm trước bữa cơm đã để một ấm nước trên đồng lửa. Ấm nước sôi đã lâu, hơi phun phì phì cùng những hạt nước nhỏ bắn ra ở miệng vòi, phản chiếu ánh lửa thành những giọt hồng rơi xuống than kêu xèo xèo. Lâm nhắc ấm nước để sang bên, cho thêm gỗ vào lửa, đem nước nóng đổ vào thau, pha thêm nước lạnh, nhúng khăn vắt khô lau mặt. Hơi ấm từ chiếc khăn tỏa nghi ngút. Trời lành lạnh, được lau mặt bằng khăn ấm Lâm thấy tỉnh hẳn người, sáng khoái lạ !

Trăng rằm tháng giêng vừa lên khỏi ngọn cây. Lâm xê dịch mấy bước cho mặt trăng đúng vào những cành đen của một

cây gòn có những nhánh đâm ngang. Mặt trăng nằm khuất sau những cành cây đen khẳng khiu : đó là một phối hợp ước lệ ta thường thấy trong tranh vẽ – của những tay thợ sơn mà giới bình dân rất ưa chuộng – hay là hậu cảnh của một sân khấu cải lương, như hình ảnh một mặt trời đỏ vừa nhô lên lúc bình minh hoặc chiều tà với những tia sáng rỏ quạt kẻ bằng những nét thẳng còn khuất một nửa dưới chân trời – thường là một mặt nước có rặng núi xanh mờ, in lên đó vài cánh buồm trắng – trên không thì lơ lửng vài đám mây và đàn chim đang vỗ cánh.... Lâm lấy làm lạ, trong tinh thần sáng tạo có vẻ quá khích của chàng vẫn tiềm ẩn những ý hướng cổ điển mà Lâm chưa thể dứt bỏ hẳn được và điều đó lắm khi lại là những niềm vui nhỏ hết sức êm đềm, giúp chàng duy trì được lòng mình trước những cơn lốc tuyệt

vọng trong thời đại chàng, đang cuốn trôi những tâm hồn yếu đuối. Khi Lâm lau mặt đánh răng xong, mặt trăng lên lẩn trong một dải mây tím sẫm giăng chắn ngang khoảng trời rộng. Ánh sáng tỏa rạng làm thành một đường viền ánh chung quanh đám mây, nổi bật lên trên nền trời chan hòa thứ ánh sáng dịu dàng trong mát như một khoảng nước biển xanh. Trên các ngọn cây đã nhòa phẳng màu lục đậm, một đường sáng mờ, gãy khúc chạy viền trông như các ngọn cây được bao phủ một làn sương mỏng.

– Mây ơi !

Thốt nhiên Lâm lên tiếng gọi vợ. Chàng bước mấy bước về phía cửa, nhìn vào. Mây đang súc bình sữa, nấu lại cho cũ bú đêm của đứa con trai đầu lòng nàng đã sinh trong mùa xuân.

– Em biết rồi.

Mây giọng vui, không quay lại, cười khúc khích. Lâm chờ đợi.

– Trăng lên phải không, anh ? Mây hỏi, vẫn tiếp tục công việc.

– Em tài.

Lâm nói. Mây cười thành tiếng.

– Trăng tuyệt quá em ạ. Lâm nói tiếp.

Lâm vẫn hay có những lần gọi Mây để hai người cùng thưởng thức một điều gì thú vị, nên Mây biết ý chồng. Mỗi khi thấy một đóa hoa lan mới nở, tìm ra một trái dưa nằm khuất trong đám lá dày, một đám mây, rạng rỡ lúc bình minh, sắc núi lộng lẫy khi chiều tà, một nụ lá mới, một vì sao mọc sớm, một buổi sáng sương mù, một hiện tượng lạ của ánh

nắng buổi chiều... Lâm luôn luôn muốn được cùng người thân chia xẻ. Sự chia xẻ làm gia tăng niềm sung sướng hừng khởi và giàu có thêm cho tâm hồn chàng.

– Xong rồi anh ạ. Em ra bây giờ.

Mây để những bình sữa đã rửa sạch vào chiếc nồi nhôm, đổ ngập nước, đặt nắp lại, ngược lên nhìn chồng mỉm cười. Lâm cũng cười theo, đỡ chiếc nồi từ tay Mây, hai người cùng bước ra,

Mây reo lên :

– Ô ! Trắng đẹp quá hả anh.

Nàng đứng sững lại ngược nhìn trắng. Lâm sung sướng nhìn nét mặt Mây cũng rạng rỡ như trắng.

2.

Đôi vợ chồng trẻ có con trai đầu lòng khi mùa xuân vừa tới. Nếu mùa Xuân là mùa hy vọng, mùa vui tươi thì đứa con chính thật là niềm vui, niềm hy vọng lớn lao nhất đã đến với họ vào mùa xuân. Đối với Lâm, người vợ và tình yêu sâu xa, đắm thắm của nàng dành cho chàng, chỉ là một sợi dây tơ óng ả và êm ái nhưng không ràng buộc được chàng, chàng cảm thấy lảo nhão khi còn để hồn mình lêu lổng bay lên khỏi mặt đất trong những cơn mơ mộng. Nhưng đứa con là một chiếc đinh vàng, đóng chặt chàng vào với cuộc đời. Không bị bó buộc, chàng tự ý phăng lần sợi tơ về mối, cho chàng hạ thấp xuống, chân chàng chạm lên mặt đất, cùng với sự lóe sáng của ý thức về một trách nhiệm — mà trước đây chàng cho là một khổ hình, một ngõ bí, một thứ sỉ

nhục, một thái độ ngu xuẩn, không thể hiểu được và thà là chết còn hơn chấp nhận một cuộc sống như thế – điều đó xảy đến một cách êm ái và lặng lẽ, tưởng chừng như sự hóa thân xảy ra trong một cơn mơ : sự hóa thân phong phú của kén tằm, vượt qua giai đoạn cuối cùng tiến đến thân xác đích thực.

Trăng đã lên cao quá ngọn cây. Một vùng mây mỏng bay qua che lấp mặt trăng. Vùng mây sáng trắng lên, ở những rìa mây sắp tản mạn ánh ngũ sắc chờn vờn đưa đẩy.

Lâm nhắc một khúc gỗ kê gần cột giàn bí đao, ngồi tựa lưng vào quay nhìn về phương Tây. Mây vội rời chỗ cũ đến ngồi sát bên chông, ngả người tựa đầu vào vai chông, hai bàn tay nối lại vòng qua đầu gối duỗi, mặt nghiêng nhìn theo hướng nhìn của chàng. Trước mặt họ là

vạt đất Lâm vừa mới cuốc, đất khô đã được đập nhỏ, chỉ còn chờ mưa xuống là gieo bắp. Ngoài bờ rào, cây rừng đang độ ra hoa. Những chùm hoa tua trắng và hồng đậm, dưới ánh trăng sáng lên nhờ nhờ. Mùi hương nồng bay tỏa trong không khí. Thỉnh thoảng một vài cánh rụng xuống gây những tiếng động nhỏ trong lá cành. Nền trời xanh trong, mặt trăng sáng như một viên ngọc, tỏa rạng ánh sáng xuyên qua lớp nước của lòng biển xanh ngát bao la.

Mây ngửng mặt lên nhìn chồng, cười nói:

– Anh tựa vào cột thì em tựa vào anh.

Họ ngồi trên hướng gió, khói hầm hương nhựa gỗ thông bị thổi dạt về phía giàn su. Thỉnh thoảng mới có một đợt gió xoay chiều đưa khói về phía họ. Lâm

choàng tay qua vai vợ bóp âu yếm :

– Anh tựa vào em thì em tựa vào đâu?

Lâm cúi xuống gần mặt vợ hỏi rất nhỏ, như thì thầm. Chàng thường thức làn da đôi má của Mây hồng lên dưới ánh than rực rỡ. Làn da mịn như được tô lên một lớp phấn hồng trong vắt ; phấn ánh sáng. Lớp phấn không dính vào da một mảy may mà làn da hồng lên như da đào tiên.

– Em cũng cứ tựa vào anh !

Phấn khởi, Mây nhắc người lên nhìn vào mắt chồng, nói như reo.

Lửa cười vui trong bếp than hồng.

– Lỡ anh ngã thì làm sao ?

– Em đỡ anh chứ sao.

Mây đáp, vẫn giọng hăng hái :

– Đỡ cả anh, cả con, làm sao em có đủ sức !

Lâm hơi rùn người, gài lại nút cổ áo.

– Anh cần áo ấm không, em vào lấy ?

– Không. Hơi lửa và em cũng ấm chán. Ngồi gần em thì trời lạnh cóng anh vẫn cảm thấy ấm.

Lâm nhìn vợ cười cười.

– Xạo.

Mây cũng cười theo nhưng mắt nhìn xuống, chớp lia lịa.

– Anh.

Mây úp mặt vào vai chồng, gọi nhỏ. Lâm ôm đầu vợ, ghì sát vào vai chàng, áp má lên làn tóc Mây có những sợi lò xo.

Chàng nhận thấy Mây đã khóc, nước mắt nàng thấm vào da chàng ấm nóng. Lâm nâng đầu vợ, lau khô nước mắt cho nàng. Qua cơn xúc động, giọng Mây bình tĩnh:

– Em đủ sức chứ, còn dư nữa là khác, nếu có anh luôn luôn tựa vào em.

– Trong hoàn cảnh này không biết anh còn tựa vào em cho đến bao giờ ?

– Cho đến khi hai đứa cùng già rồi cùng chết.

Mây thông thả nói. Lâm nhớ lại, từ ngày Lâm có quyết định cho đời chàng hướng vào một mục đích rõ rệt : chuyên chú vào nghệ thuật, thì những thất bại liên tục xảy ra trên những chặng đường chàng đã qua. Thất bại với người khác và với chính chàng nữa.

Chàng vẫn tự hỏi, nghệ sĩ có thật phải mang một sứ mệnh tinh thần nào đối với cuộc đời ? Và nếu có, nghệ thuật của chàng đã đáp ứng được gì cho đòi hỏi đó ?

Quan niệm của Lâm, nghệ sĩ phải luôn luôn hiện diện trong cuộc đời với chính mình và với con người, nhưng từ phía con người và cuộc đời y phải biết y là kẻ vắng mặt. Nghệ thuật phụng sự đời sống con người – từ một tư thế sáng tạo độc tôn – điều đó có nghĩa là con người tiếp nhận dưỡng chất nghệ thuật như tiếp nhận phản quang êm dịu của một nguồn sáng mà không cần biết đến nguồn ánh sáng phát xuất từ đâu.

Sự thưởng ngoạn nghệ thuật của chàng không thể là đặc quyền dành cho một lớp người nào và, sự sáng tạo, phải cứu mang được thứ sinh khí chan hòa

trong tất cả mọi tâm hồn, trước hết là dân tộc chàng. Nghệ thuật của chàng không thể là những ẩn ngữ hay sấm ngôn. Nghệ sĩ, trong một so sánh, chỉ là một thiên tài đầu bếp, nếu tay đầu bếp biết làm cho những thức ăn nguyên ở chợ thành ra những món ăn ngon miệng, bổ dưỡng thì nghệ sĩ biến chế những chất liệu từ cuộc đời sáng tạo thành tác phẩm nghệ thuật. Đầu bếp không có quyền làm cho những dưỡng chất tươi tốt thành ra than đắng. Cũng vậy, giá trị của sự sáng tạo ở một tác phẩm nghệ thuật không phải ở chỗ nghệ sĩ cố tình làm cho nó trở thành “lạ mặt” đối với quần chúng trong cuộc đời...

Tất cả những điều đó đối với chàng còn là một khu rừng cần phải khai phá. Đường đi thì còn dài,

Nhìn chồng trầm tư, Mây nhẹ nhàng hỏi :

- Anh đang nghĩ gì đó ?
- Vẫn những vấn nạn cũ.

Lâm bóp hai bàn tay mềm mại nhỏ nhắn của vợ, trả lời, Lâm ngược lên nhìn mặt trắng sáng trắng, nằm giữa vòng hào quang biếc mầu lá mạ. Sao điểm ngôi lấp lánh. Thịnh không bát ngát.

– Em nhìn trăng thử đoán xem ngày mai mưa hay nắng.

Lâm bảo vợ. Mây làm theo :

- Chắc nắng chứ chưa mưa đâu, phải không anh ?
- Nhưng cũng sắp qua mùa mưa rồi.
- Cỏ trước nhà mình mọc lên xanh

mướt, Mây nói, gà, dê, bỏ tha hồ ăn.

– Sắp đến mùa mưa, Lâm tiếp tục ý nghĩ, ngày đầu tiên khi chàng mới đặt chân đến cao nguyên này, buổi trưa nắng nóng bức, bụi xoáy mù và mặt đất tro một màu cỏ cháy. Không gian chói lòa, khô và nhẹ hẫng. Người và vật chênh vênh lơ lửng trong sự lồi cuốn của những tầng mây sáng lóa đầy đặc di chuyển nặng nề trên một nền trời xanh ngắt, chân mây vững sâu xuống những rặng núi mọc dày cổ thụ. Sân cỏ trong khuôn viên chống chất lá vàng, người gác đàn say rượu châm lửa đốt từng đồng lớn, lửa cháy lan liếm theo từng gốc cỏ khô tạo thành những đám cháy âm ỉ suốt đêm, sáng ra mặt đất như được tô đen những tảng lớn, nổi bật lên những con đường mòn mặt khô trắng, ngoằn ngoèo. Cơn mưa xảy đến trong đêm, mặt đất nứt nẻ

được tắm dầm dề, một khối lượng nước ào ạt, tràn trề... Màu xanh dâng lên từ lòng đất. Một màu lục phơn phớt của lộc cỏ, lộc cây non làm tươi lên cao nguyên. Màu xanh dâng lên đầy tràn cả mặt đất, lên đến những tàn cây dày lá rạo rục sức thanh niên, hăm hở, xôn xao, rào rào sức gió...

Trên bếp than nôi luộc bình sữa đã sôi. Bình thủy tinh bị nước đẩy lên va chạm vào nhau, vào thành nôi lách cách.

– Minh. Mây âu yếm gọi chồng. Em biết mình nghĩ gì rồi,

– Em thông minh lắm. Giọng êm ái, trù mẩn, Lâm trả lời vợ.

Mây gom than lại thành đống, bốc bỏ vào mấy nhúm lá khô. Lửa bắt cháy bập bùng. Những chiếc than lá trước khi

tiêu ra tro rục lên màu đỏ sậm. Mây ngồi sát thêm vào chồng, hai bàn tay nàng ôm lấy tay chồng để lên đùi nàng, vuốt nhẹ nhẹ.

– Mình cứ viết ra tất cả những gì mình thấy cần phải nói.

Mây ngược lên nhìn chồng rồi tựa nhẹ đầu vào cánh tay chồng, thủ thủ :

– Đăng được hay không, không phải là điều quan trọng. Mình hãy vẽ như ý mình thích, còn việc triển lãm để bán, cỡ người thưởng thức nghệ thuật của mình hay không, em thấy không cần thiết. Miễn là mình hiểu rõ công việc của mình, mình cảm nhận được những điều mình làm là đúng, và mình thích thú, như vậy là đủ rồi.

Lâm cúi xuống hôn lên hai bàn tay

vợ thay lời cảm ơn. Mây luôn luôn như thế, nàng tỏ ra là một người vợ tuyệt vời trong những lúc tâm hồn chồng mất quân bình.

Lúc Lâm ngẩng lên thấy Mây đã khóc. Nàng rất dễ xúc động vì những lý do tình cảm, dầu nhỏ nhặt. Những giọt nước mắt trong vắt lặn xuống má Mây, hồng lên như những viên hồng ngọc chảy. Lâm lau khô nước mắt cho vợ.

– Còn sống ngày nào em còn nuôi anh làm việc được. Mây ngập ngừng nói, đầy lòng khiêm tốn. Được sống bên anh với con là em cảm thấy hạnh phúc rồi, ăn rau ăn cháo em cũng vui. Em không ao ước gì hơn thế !

Lâm nâng mặt vợ hơn rất lâu lên vầng trán phẳng ấm của nàng.

3.

Có tiếng trẻ con khóc. Mây vào nhà, lúc sau nàng trở ra. Lâm nhìn vợ.

– Con bị ướt đít anh ạ, Mây vui tươi nói, em thay tã con ngủ lại rồi. Cu cậu ngủ mê quá, em nhắc hồng đít lên mà cũng không thức.

Mây nhìn lên mặt trăng :

– Mặt con mình dưới ánh đèn sáng đẹp như trăng rằm.

Mây cười then nhìn chồng. Lâm nheo lại một bên mắt làm bộ chế giễu.

– Chứ bộ không à. Giọng Mây nũng nịu, mặt hơi hếch lên, nghiêng nghiêng đầu. Con mình đẹp nhất, Mây đoán quyết với miệng cười nụ.

Lâm cười theo vợ, kêu than vùi xuống tro để giữ lửa.

– Than đượm thế này giá có cái gì nướng anh nhỉ.

Nét mặt Mây hoàn toàn trở lại vui tươi.

– Anh đào khoai lang em thích không?

– Tuyệt. Mây reo lên. Vậy mà em quên khuấy.

Mây xách rô, Lâm cầm cuốc, hai người đi ra vườn, bóng họ ngả dài trên lối đi cỏ bắt đầu đọng sương.

– Em thích ăn khoai trắng hay vàng. Lâm hỏi vợ.

– Anh thích khoai gì em thích khoai đó. Mây hóm hỉnh trả lời.

– Nịnh. Lâm béo vào má nàng. Anh đào cả hai thứ.

Lâm ngồi xuống bới đất. Đó là vầng khoai trong miếng vườn nhỏ hai vợ chồng để dành lại, trong lần lấy khoai làm mứt vào dịp tết. Lâm vạch những chiếc lá hình trái tim và lá khía lục thảo nằm im lìm dưới ánh trăng, in lên nền đất trắng những bóng đen rõ nét chồng chất lên nhau. Những chiếc hoa hình loa kèn có cạnh mọc từng chùm, màu tím sẫm ở giữa nhụy nhạt dần ra rìa cánh.

Lâm đào hai cụm. Mây rút những củ khoai vỏ màu tím – trở thành nâu trong bóng mờ – và trắng bỏ vào rổ. Những củ khoai bị nhát cuốc bổ đôi, màu ruột vàng và trắng sáng hẳn lên.

– Mai anh đào hết luống khoai nghe Mây ? Lâm nói.

– Anh không vẽ tiếp cho xong bức tranh à ?

– Có chứ. Nhưng hãy nghỉ một hôm chờ cho sơn khô. Chi còn một vài chi tiết bổ túc nữa thôi. Để lâu quá, đất khô khoai bị sùng hư hết.

Mây nói :

– Mai em luộc khoai mình ăn sáng với muối vừng,

Nàng đứng lên bưng rổ khoai cặp lên hông.

*

Hai vợ chồng lúi khoai vào đồng than hồng ngồi đợi.

Lâm :

Ở quê anh có than nầy nướng trui cá lóc thì tuyệt. Người ta chỉ nướng bằng lửa rơm thôi. Cá bắt dưới đìa lên to bằng bắp chân còn tươi rói, đập đầu, thọc một que tre vào miệng, xuyên từ đầu ra đuôi, nướng trên lửa rơm cháy phừng phừng. Vẩy cá chảy đen, lột ra lộ lớp thịt trắng bóc thơm mỡ, đem để lên tàu lá chuối xanh, banh ra, hơi bốc lên thơm phức, bứt vài cọng rau thơm, ăn chơi với nước mắm chanh ớt.

Mây :

Em thì em thích khô cá sặc. Cá sặc rằng to bằng bàn tay nướng trên lửa than chảy mỡ, thơm nức mũi. Xé ra chấm nước mắm đồng cho vào tí chanh, ăn cơm nguội nôi đồng.

Lâm :

Dạo anh còn nhỏ, ở quê, những đêm trăng sáng như đêm nay, trai gái trong làng đi chơi suốt đêm. Khắp làng vang lên tiếng giã gạo chày ba, vui lắm. Những tiếng “cum rụp” hòa lẫn vào nhau, hối hả, làm lòng mình có nôn nao lên như nghe trống giục các gánh hát cải lương ở đình làng.

Giã gạo chày ba mau trắng mà lại vui nữa. Nhà không có gạo họ còn đi tìm chỗ có gạo để giã giùm nữa... gạo chỉ đổ lưng cối thôi. Ba người hai trai một gái — hay hai gái một trai – chày không giờ lên cao quá đầu, người đứng hơi rùn xuống. Hễ mỗi lần nện chày vào gạo thì lại gõ vào thành cối một cái, theo thứ tự từng người. Những tiếng “bít cum, bít cum” lúc đầu chậm chậm, dần dần nhịp điệu tăng lên mãi nghe “cum rụp, cum rụp”, tạo thành một âm điệu rộn rã, hối thúc.

Lâm lấy cây gạt tro than thăm khoai. Khoai đã chín. Hai vợ chồng thổi tro, bẻ đôi củ khoai có những khoảng vỏ cháy đen. Khoai nướng thơm tho, bụi ngậy. Họ vừa ăn vừa xít xoa.

– Vui là ở chỗ, Lâm kể tiếp, làm thế nào càng về sau họ càng già nhanh thêm mà giữ cho chày vào giữa cối không làm vãi gạo, và phải gõ đúng vào thành cối tiếng kêu thật thanh... Dưới trăng, mồ hôi họ rịn ra trên trán, ướt cả tóc con, tóc mai, chảy giọt. Các cô gái vén gấu quần lên lau mặt, hai má đỏ hồng.

Mây :

Còn ở quê em, những đêm trăng sáng nhằm mùa lúa, cả làng kéo nhau ra đồng bắt cóc hội. Trong những thửa ruộng thấp nước sắp sắp, cóc kéo đến bắt cặp đẽ, kêu vang cả cánh đồng. Soi đèn lồng thấy từng

hai con một ôm nhau mắt lim dim trống
tức cười lẫn. Bắt cóc xỏ một râu dài đem
về hầm nấu cháo ngọt như cháo thịt gà. Có
lần ông anh cả và mấy người bạn quanh
xóm nấu cháo cóc uống rượu để ! Xong
anh ấy bắt thăm bị lãnh phần rửa bát. Ra
đến cầu ao quăng cả bát ngả tòm xuống
nước. Bò lên người ướt đầm như mèo mắc
mưa

Lâm :

Nói chuyện té anh mới nhớ. Anh có
ông cậu mê vọng cổ sáu câu lẫn. Hồi ấy
cậu mười tám, còn anh năm sáu tuổi gì
đó. Hễ cứ đến tuần trăng là đám bạn tụ
tập trước sân nhà đàn hát, đến khuya làm
gà nấu cháo ăn rồi mới về. Những đêm
đó sáng cầm chén cơm không nổi. Những
ngón tay nhấn phim bấm tím đau buốt.
Cậu phải ăn bằng muỗng... Khi nào không
tụ bạn ở nhà được, ông lội bằng đồng sang

làng khác nhập đám. Ông thường đem anh theo để khi về có bạn. Có lần, đến mãi gần sáng cuộc đàn hát mới tan, khi về ông buồn ngủ rục. Về gần đến nhà, vác anh trên vai đi qua cầu khỉ, cả hai cậu cháu té nhào xuống con rạch. May đang lúc nước rộng nên chỉ bị vấy bùn tèm lem cả áo quần mặt mũi, nếu nước lớn chắc đã về châu Hà bá cả hai cậu cháu... Lúc thay đồ xong anh kêu đói bụng, hỏi sao mà không thức dậy nấu cơm ăn. Nói dứt câu thì lăn ra ngủ khì. Về sau cả nhà cứ nhắc mãi chuyện đó cười đau bụng.

Mây :

Tết này anh Phan không về chơi với tụi mình (Nàng lấy ra khỏi than một củ khoai, thổi tro, bẻ đôi đưa cho chồng một nửa). Mấy con gà mình để dành chờ anh ấy mãi, gió lạnh chết hết cả. Hũ cà pháo chua quá phải bỏ. Bây giờ chắc anh ấy

đang nằm trong một khu rừng nào ở biên giới Lào Việt.. Chị Phương cũng không về, xuôi ngược bận rộn mãi chuyện đi tìm đạo giải thoát. Hết nhà thờ tới chùa, hết cha đến thầy, mệt quá há anh ? Chị ấy không về đây ăn khoai lùi với tụi mình.

*

– Anh coi chừng khoai cháy kìa !

– Cháy càng tốt. Ăn khoai lùi có cái thú ăn cả vỏ khoai chảy, thơm thơm. Cạp cạp từng chút mới thú. Nhưng thú nhất em biết là gì không ?

– Chịu.

– Vui khoai rồi bỏ quên. Lúc nhớ cào ra củ khoai cháy thành cục than đen sì ! Thất vọng ra mặt, nhưng khi bẻ đôi thấy còn một lõi bột tí ti trong ruột. Mừng húm.

– Như vậy cũng chưa gọi là thú nhất.

Mây nói, Lâm mở to mắt. Mây cười :

– Lúc bẻ ra thấy trong ruột cũng thành than, rồi tiếc ngẩn ngơ mới thú nhất.

Lâm béo má vợ. Mây nhăn nhỏ nững nịu, cất tiếng cười ròn tan.

✱

– Anh còn nhớ những đêm trăng hồi chúng mình mới quen nhau ở Huế không ?

– Quên sao được. Lâm nhìn vợ cười hóm hỉnh.

– Hồi ấy anh nghịch ngợm ghê quá. Mây làm ra giọng trách móc.

– Ghê quá hay thích quá ? Em chỉ đồ tội cho một mình anh thôi.

– Đích đi chứ, em đồ tội gì nữa. Dụ dỗ gái vị thành niên mà.

– Em cũng thích thích được anh dụ dỗ phải không ?

Mây cười, nói lảng :

– Không biết cây dừa chúng mình hay ngồi dưới gốc trước trường Đồng Khánh còn không ?

– Chắc là đã lên cao lắm rồi và có trái, anh mong vậy.

– Anh còn nhớ Phùng không?

– Phùng nào ?

– Phùng bạn em có ông bồ trung úy Sarg, hôm em về Qui Nhơn gửi lại anh

chiếc áo dài nhờ anh ấy mang về cho anh đó.

– Anh nhớ ?

– Tội nghiệp. Hai người sắp lấy nhau thì Sang đi hành quân bị mìn chết. Vậy mà bây giờ Phùng đã ba con rồi. Lại gặp lính.

– Thôi nội con em định làm gì ? Không biết bà nội ở Huế có lên được không ?

– Anh thích em làm gì ?

– Phần anh hai ghè rượu cần thật ngon. Mời Pok Hyr, Pok Thut, Xă Nê, Yă Hum đến uống say một trận.

– Em làm chả giò cho anh nhậu nghe? Mây nói, che miệng ngáp.

– Như vậy là nhất. Thôi mình vào nhà, em.

✱

Hai vợ chồng Lâm châu đầu sát nhau cùng nhìn vào chiếc nệm. Dưới ánh sáng ngọn đèn nhỏ, cu Tuất hồng hào đang say ngủ. Chiếc mũ lệch ra để lộ vầng trán phẳng rộng. Tóc mượt mịn như tơ tằm. Gương mặt với đôi má bầu bĩnh, da sữa trắng hồng, căng thẳng, những đường chỉ máu chạy ngoằn ngoèo dưới lớp da mỏng trong. Mũi nhỏ nhắn như một quả đào non. Đôi mắt rũ xuống, kẻ vòng hai nét đen hơi xếch, lông nheo đen nhánh xòe hình rẽ quạt phủ lên vành mắt dưới.

– Anh thấy miệng con giống hình gì?

Mây hỏi chồng, mắt không rời con.

Lâm trả lời không do dự :

– Một con nhạn hồng đang vỗ cánh. Đôi cánh đang rũ xuống, chéo cánh chấm hai đầu vành môi dưới, mọng như một múi bưởi hồng đầy nước.

– Ủ nhỉ, anh nói em mới nhận ra. Em chỉ thấy miệng con hơi giống hình chữ M có gạch ngang ở dưới. Chữ M thì dở quá anh nhỉ.

Trong giấc ngủ, cu Tuất bỗng nhoẻn miệng cười. Đôi cánh chim nhạn dang ra, hơi cong lên, khoe miệng đọng chút bông tối, múi bưởi hồng căng nở ra. Khoảng bóng mờ ở lõm hai đồng tiền kéo xuống đến khoe chiếc cằm lẹm nhỏ nhắn. Nụ cười như có một hấp lực kéo hai vợ chồng cúi xuống. Họ hôn lên vầng trán mịn mát của con.

Đêm đó mãi đến khi Mây đã yên giấc
Lâm vẫn còn thao thức. Hạnh phúc êm
đềm mà chàng đã thụ hưởng đầy tràn cả
tâm hồn khiến lòng chàng xao xuyến...
Lâm thiếp ngủ trong mùi hương nhựa
thông thơm nức còn vương trên làn tóc
xô lệch của Mây.

Kinh Dương vương

tháng 4-1971

thơ

khê kinh kha • trầm kha

phạm chu sa

lời nhắn nhủ mai sau

tặng Hoàng Xuân Sơn

*nếu một mai khi hòa bình đến với
mở tuổi còn lại lúc bấy giờ dù đang chui
rúc trong hầm tối dù đang lạc loài trong
ngõ ngách dù đang ốm đau trong rừng già
cũng nhớ trở lại ngôi nhà mẹ cha xây mộng
ngày xưa cũ, trồng lại vườn nhãn làm cỏ
những nấm mồ của từng người thân yêu
tìm lại những kẻ còn trôi giạt nhóm lại
bếp lửa mùa đông*

*nếu một mai khi hòa bình đến với
mở tuổi còn lại lúc bấy giờ có què quặt
đói rách có tàn tích đòn đau dù biết mình
không còn gì ngoài những cánh mây mỏng
lưng trời cũng nhớ trở về nơi sinh ra dựng
lại chuồng heo chuồng gà đào lại giếng
trong xối bỏ những mảnh bom ghim sâu
vào lòng đất và gieo những hạt mầm mới
thở lại hơi thở của đất mới nhai lại những
hạt cơm nếp nóng với muối mè và cắn lại
những quả chín thơm nồng yêu dấu*

*nếu một mai khi hòa bình đến với mở
tuổi còn lại dù khi ấy trí óc có loãng tan
ngu ngơ dù mắt có lòa dù tay chân cở yếu
đuối cũng ráng ngồi học lại những câu ca
dao ngâm lại cho thuộc từng câu Kiều vì
đó là gia tài văn hiến của mấy ngàn năm
còn sót lại dù khi đó không còn bạn bè
ngồi uống rượu không còn lấy một người
tình để chiều chuộng dù không còn mẹ cha*

*để phụng dưỡng cũng nhớ nở nụ cười hân
hoan đón chờ những ngày tháng chan hòa
dịu dàng tha thiết đang đến và sau cùng
cũng nhớ đốt lên vài nén nhang buồn để
tạ ơn đời.*

khê kinh-kha

(tuổi lãng du)

tàn cuộc

khi về bóng lạ tên người
trong mê hoang đã lạnh vùi xương
da

khói sương riêng bóng với ta
nghe hờ điệp khúc quân qua mặt
thành

bỗng xa, rồi bỗng mộng mênh
mới hay hồ điệp bỗng bệnh năm
canh

say hồn theo ánh trăng xanh
ngẩn ngơ trong cõi phù vân một
mình

cỏ hoa đắp đổi cuộc tình
chút tư riêng cũ hết đành nhớ quên.

trầm kha

hái hoa

em hái hoa vàng đêm sáng trắng
vàng trắng vàng cúc nhập thu vàng,
riêng em đỏ ối. Hồng một khóm
ta hái hoa hồng dưới ánh trăng.

phạm chu sa

Mường Mán

Hình sương bóng khói

Hiếu có một chiếc xe đạp mang nhãn hiệu Sterling. Có lẽ nó được nhập cảng đầu từ hồi “thằng Tây qua giảng dây thép vẽ địa đồ Việt Nam” cơ. Nó cũ kỹ cơ hồ sẽ gãy gập lúc nào chính nó cũng không biết trước được. Tuy nhiên, Hiếu cũng mang đến tiệm sơn một lớp màu xanh lá cây để thay thế cái màu vàng tróc lở nguyên thủy của

nó. Mỗi ngày Hiếu đi xe đạp tới trường Đồng Khánh. Ở Huế, đi xe đạp là một tuyệt thú. Đạp quanh quanh dưới những vòm cây mùa hè không có gì tuyệt bằng. Có người bảo Huế có nhiều thi sĩ vì có lắm kẻ đi xe đạp (?). Đi xe đạp, vừa đạp chậm chậm vừa mơ mộng. Tốc độ xe đạp chẳng chi phối tâm thần như tốc độ và tiếng nổ xe gắn máy, nên đi xe đạp thì tha hồ ngắm mây ngóng gió, đuổi bướm giỡn chim và... làm thơ. Chiếc xe đạp của Hiếu chạy rong khắp bốn mùa chỉ có vài lần bị xẹp lốp vì một cây đinh ai đó lơ đãng vấp trên đường hay gai góc gì đó thôi.

Một buổi chiều trên đường về nhà (vì mãi đi chơi với bọn bạn nên về hơi muộn), đường vắng teo, lại mưa lất phất nữa. Một anh chàng —cũng đi xe đạp— rà ra theo Hiếu tán :

– Bé ơi, bé đi xe cách chi mà hay rửa ; bé cứ đạp cái pédale lui thì hai cái bánh xe nó chạy tới.

Hiếu nín cười bặm môi nghe câu hỏi ngớ ngẩn của anh chàng. Suốt đoạn đường dài có hai cây số, anh chàng cứ lặp lại độc nhất câu đó. Hiếu nghĩ bụng có lẽ anh chàng thuộc loại vô duyên nhất trần đời nên không biết nói thêm lời gì khác nữa chẳng ? Trong lúc Hiếu cố nín cười làm mặt nghiêm như mặt cô giáo ngày đầu niên khóa, anh chàng vẫn nói in tưng kinh câu đó mãi. Cuối cùng Hiếu quyết định đạp thật nhanh cho mau tới nhà, vì cũng chỉ câu ấy, cũng bằng cái giọng tỉnh táo nọ, anh chàng nói hoài Hiếu phát sợ, phát giận. Hai bánh đang lăn hết tốc lực trên đường trơn nước mưa, bỗng “phụt” một cái ; sợi dây sên rời khỏi ổ líp kéo lết trên mặt lộ. Không còn cách nào hơn,

Hiếu đành đứng xuống cầm ghi đông dắt bộ. Anh chàng chưa chịu tha, cứ rà rà bướng bỉnh quyết lòng theo. Tới khúc quanh đầu cầu Trường Tiền, chỗ có cái tiệm sửa xe của ông già người Bình Định, Hiếu mừng quýnh, đụn xe vào cho ông ta sửa ; anh chàng cũng dựng xe dưới gốc cây im lặng đứng ngó, ra vẻ chăm chú lắm. Lúc này có ông già sửa xe nên Hiếu hơi can đảm một tí ; Hiếu cho nổ còi giận: Hiếu nắm chặt hai bàn tay lấy sức, Hiếu nhướn mắt ném tia nhìn trực diện anh chàng vô duyên nhất trần đời :

– Hồi nãy anh nói cái chi, tui nghe không rõ ?

Anh chàng vẫn không rời mắt khỏi hai bàn tay dính bột dầu mỡ của ông già đang loay hoay với sợi sên đứt, giọng anh chàng chẳng khác cường độ lúc nãy bao nhiêu, nghĩa là trầm trầm nhẹ nhẹ :

– Anh hỏi bé tại rằng bé đạp cái pédale lui mà cái xe vẫn cứ chạy tới ?

Thái độ nói không cần nhìn mặt kẻ đối diện của anh chàng làm Hiếu càng giận muốn run, nhưng cũng cảm thấy ngại ngại. Hiếu nói gần như chỉ với ba phần tự nhiên, hết bảy phần cố gắng :

– Anh điên hay khùng đây ?

Anh chàng thoáng mỉm cười, rồi bằng một cử động nhanh nhẹn nhất của loài sóc, anh chàng phóc lên xe đi thẳng ; Hiếu lạ lùng trông theo mà ngẩn ngơ, anh chàng chẳng hề ngoảnh lại. Đêm đó, về nhà không cách gì Hiếu ngủ được ; suốt mấy hôm liền, hễ cứ ngó chiếc xe đạp là Hiếu nhớ tới câu hỏi ngớ ngẩn và vẻ mặt tỉnh táo, giọng nói trầm trầm của anh chàng và, cơn giận ần núp đâu đó ở một xó xỉnh trong hồn Hiếu chột mơ hồ

nổi dậy. Hiếu giấu biến chuyện ấy, chẳng hề kể với ai... cho đến một buổi chiều chủ nhật :

Ngồi bên trong cửa sổ, thoát thấy bóng anh chàng dựng xe trước cổng, tìm Hiếu tự động chơi trò đu bay trong ngực Hiếu ; cơn giận vừa chồm dậy trong Hiếu chẳng? Không, Hiếu bỗng thấy lo sợ, nổi sợ rất vô căn cứ và rất đối vu vợ. Sau khi dựng xe đập vào cột trụ cổng, anh chàng đứng ngó quanh quất một hồi, Hiếu nghĩ có lẽ anh chàng lầm nhà ? Nhưng không, không còn ngờ chi nữa, anh ta mạnh bạo đi vào sân Hiếu chạy vụt vô phòng anh Toàn trong lúc anh chàng bước lên bậc cấp thứ nhất. Anh Toàn đang nằm dài trên ghế xích đu đọc báo, thấy Hiếu vào, anh nhồm dậy :

– Cái chi đó Hiếu ?

Hiếu cố lấy giọng tỉnh táo bảo :

– Có ông bạn của anh tới kiểm kìa.

Anh Toàn tưởng thật, kéo lê đôi dép Nhật ra cửa. Hiếu rón rén cẩn thận vào đứng sau tấm màn, giấu mình trong phòng mẹ. Bên ngoài, mẫu đối thoại thế này : Anh Toàn hỏi : “Muốn hỏi thăm ai rằng anh ?” Giọng anh chàng tự nhiên ngoài dự tưởng Hiếu : Dạ thưa đây có phải nhà của Hiếu, Tịnh Hiếu không ạ ?” Hiếu kêu thầm, Trời, rằng hấn biết tên ta ? Im lặng một chút rồi cái giọng tỉnh nghịch cố hữu của anh Toàn chậm rãi : “Không có ai ở đây tên đó cả, anh nhớ lại thử có lầm địa chỉ không ?” Giọng anh chàng hơi bối rối : “Dạ tôi là bạn cùng học một lớp với cô ấy ở hội Việt-Mỹ, muốn hỏi mượn cuốn vở vì buổi học hôm kia tôi bận chẳng tới lớp được !” Trong màn, Hiếu nghĩ thầm anh chàng này tinh quái

thật, biết cả ta học lớp đêm ở hội Việt-Mỹ nữa cơ ! Thế thì hẳn theo dõi kỹ và lâu rồi, chẳng phải mới từ hôm ta hư xe mô” ; nghĩ vậy và bất giác Hiếu toát mồ hôi lạnh. Vẫn bằng giọng tinh nghịch, Hiếu nghe anh Toàn bảo : “Tôi cũng có con em gái, cũng học ở hội Việt-Mỹ, nhưng nó tên là Âu-Sầu, Trần-thị Âu-Sầu ấy, anh lầm nhà rồi”. Bên ngoài, anh chàng nói xin lỗi rồi cảm ơn, ra về. Lúc chắc mẩm anh chàng đã đi xa rồi Hiếu tung màn chạy ra, đụng phải vẻ mặt lầm lì tựa đá của anh Toàn, Hiếu đâm hoảng; nhưng anh cười hóm hỉnh bảo :

– Bồ tèo của mi đó hả ? Răng lâu ni mi giấu ta ?

Bằng vào dáng điệu của anh lúc nói, Hiếu biết anh không hề giận – Hiếu giả vờ dối :

– Ở hay, anh nói nghe hay chưa, nếu phải là của em, em còn kêu anh ra hội kiến làm chi ? Lại ai tên là Âu Sầu mô mà anh nói tôi có con em tên ... ?

Anh Toàn cười xuề xòa xua tay :

– Không phải thì thôi, bà nội nhỏ.

Sau cái buổi chiều « lịch sử » ấy, tâm hồn trắng hơn giấy quynh của Hiếu bỗng bị cái hình bóng anh chàng đột nhập. Lối nói chuyện, cách đi bộ đứng anh chàng dưới mắt Hiếu chột lông qua một lớp khung, một lớp giấy bóng gói bọc độc đáo là lạ nào đó ; thật khó diễn tả cho trắng ý, nhưng rõ ràng là cơn giận ẩn núp ở một xó xinh mơ hồ trong hồn Hiếu dưng không một sáng một chiều biến thành mối hảo cảm đối với anh chàng lúc nào chẳng hay. Trên đường đi học, lắm lúc Hiếu phát ngượng vì chột bắt

gặp mình ngó ngang ngó dọc, liếc xéo liếc xiên coi thử có bóng dáng anh chàng đầu đây không ! Giữa thời gian này, Hiếu cũng khám phá ra mình đang manh nha một nỗi đợi mong nào đó. Sự chờ đợi không rõ vóc dáng, nhưng Hiếu biết Hiếu đang có sự chờ đợi vô hình nọ. Mỗi trưa mỗi chiều đi học về Hiếu cứ ngỡ có một cái thư hay cái gì đó, một chuyện lạ đang đợi mình ở nhà. Thu ai ? Chuyện lạ nào ? Hiếu lắc đầu không biết. Nhưng rồi chẳng có thư có chuyện gì ráo ; Hiếu xấu hổ và, giận cái óc não ta nghĩ ngợi vu vơ của mình ghê gớm. Sự chờ đợi mỗi ngày theo mặt trời mọc và lặn nguôi ngoai dần, bằng đi hơn một tháng, hình ảnh gã con trai sắp mọc meo trong ký ức Hiếu, không dung vào một dịp chẳng ngờ nhất, Hiếu lại gặp mặt anh chàng.

Đó là hôm đến dự tiệc cưới một chị

bạn. Trong bữa tiệc phần đông người lớn, Hiếu thuộc loại choai choai bé bỏng nên hoàn toàn cảm thấy lạc lõng giữa không khí vui nhộn của mọi người. Trong số ít người trẻ tuổi như Hiếu còn có chàng. Vàng, chàng ; chính là cái anh chàng ngớ ngẩn ấy. Không biết do định mệnh hay sự tình cờ xếp đặt nào, anh chàng ngồi đối diện Hiếu trong bàn tiệc. Giữa đám đông người, thỉnh thoảng Hiếu và chàng đưa mắt ngó trộm nhau, mỗi lần ngó chàng Hiếu không khỏi nhớ đến mẫu đối thoại giữa chàng và anh Toàn hôm chủ nhật, mẫu đối thoại tức cười hết sức, Hiếu nhớ, nên một lúc nào đó Hiếu bất giác bật cười. Nụ cười hờ hởi hờ rảng của Hiếu không ngờ lại giúp chàng thêm vài lượng tự nhiên, chàng lân la gọi chuyện xa gần, vẫn với giọng nói trầm trầm, vẻ tỉnh táo và đôi mắt có vẻ gì hình như là rất xa xăm. Vừa nói chuyện vẫn vờ vờ với

chàng, Hiếu vừa nhủ thầm : coi chừng mà nhuộm bệnh « cảm » rồi đó Hiếu ạ ! Câu chuyện dẫn dắt loanh quanh chú rể và cô dâu ; tuyệt nhiên chàng chẳng nhắc nhở gì tới chuyện cũ giữa Hiếu và chàng cả. Tuy vậy, Hiếu đọc được tình cảm chàng dành cho Hiếu rất nồng nàn (có thể nói nồng như vôi) trong đôi mắt xa xăm kia.

Vãn tiệc, cùng trong không khí bình thân ấy, chàng lịch sự chào Hiếu rồi ra về. Câu chuyện suốt buổi đôi mắt chẳng đưa tới một nơi chốn, giờ giấc hẹn hò nào.

Cái bệnh mất ngủ, lo nghĩ vẫn vơ trong Hiếu lại có dịp tái phát dữ. Không ngờ chi nữa, bệnh « cảm » vào lục phủ ngũ tạng mi rồi Hiếu ơi ! Hiếu thủ thủ với lòng Hiếu như thế. Nỗi chờ đợi lúc này không còn vô hình nữa, nó mang đúng

kích thước vóc dáng anh chàng rồi.

Ta yêu ?

Đội ba phen Hiếu tự hỏi lòng, sáu bảy bận Hiếu soi gương đối bóng. Tình yêu là gì nhỉ ? Tình yêu là vết trắng non len lén vỗ về bông hoa đêm qua vừa hé nụ ! Tình yêu là hai làn sóng trên mặt hồ êm đềm giao động đan náu nhau ? Tình yêu là chim nối liền cánh bay, cá cắn đuôi nhau lội ? Ôi quanh ta cây cỏ thiên nhiên muông thú đang hợp xướng những bài tình ca. Trong ta hẳn tình yêu đang như cái tế bào to, lớn mạnh hồng hào khắp ngõ da nẻo thịt ? Cái tế bào tình yêu trải suốt chiều dài phổi ; choán hết thể tích tim ? Hiếu băn khoăn, Hiếu phân tách phần hồn phần xác Hiếu và thấy rằng ẩn kín, man mác trong hai phần đó dường như có mặt nó : tình yêu, Hiếu nghĩ về tình yêu như đứa trẻ chưa từng ăn chanh

muốn cắn một chút xem thử cái vị chua thế nào.

*Tình yêu là hình sương bóng khói ;
nó nhẹ nhàng tợ cánh con ve sầu chọt
đậu xuống lòng Hiếu ; bắt Hiếu thần thờ,
bắt Hiếu ăn không ngon ngủ không tròn
giấc, xui Hiếu trông đợi vu vơ. Nỗi trông
đợi hiện nguyên hình trước mắt Hiếu
chiều nay, từ những dòng chữ của một
tờ thư dài :*

*« Bé yêu quý. Khi bé trải rộng lá thư
này dưới tầm mắt nhung nai của bé thì
anh đã không còn trong thành phố này
nữa, đã không thở chung bầu khí hậu bé
đang thở nữa. Anh đã bỏ đi xa, rất xa, tận
thế giới nào đó ở ngoài tầm mắt bé, ngoài
tất cả mọi người. Anh về với thế giới anh
hằng mơ tưởng lâu nay. Anh đã sửa soạn
chuyến viễn du này từ hai tháng trước. Bé
đừng vội ngạc nhiên hỏi tại sao anh ra đi.*

Thật ra, anh đã biết bé lâu hơn bé tưởng, chẳng phải từ buổi chiều mưa lất phất bé bị hư xe ấy đâu ! Anh biết bé từ đầu niên khóa cơ. Anh đã nhìn bé, thấy bé từ một hành lang ở tầng hai lầu C bệnh viện. Nhìn thấy bé mỗi sáng mỗi chiều mỗi trưa bé đạp xe đi học ngang qua. Chắc chắn chưa bao giờ bé ngờ rằng có một người, một kẻ thường buồn bã nhìn trộm mình từ một hành lang bệnh viện ? Chỗ anh « ở » gần sát con đường bé tới trường, chỉ ngăn cách bởi lớp rào kẽm cao mắc tràn dây leo bông tầm xuân ; bởi vậy anh nhìn thật rõ bẻ. Có lần ngang qua bé tíu tí nói cười với mấy cô bạn; có nhiều hôm bé chỉ đi một mình, nét mặt tư lự buồn buồn – những hôm nhìn nét mặt buồn buồn của bé như thế, anh nhủ thầm : « Có lẽ hôm nay cô bé không thuộc bài ? Có lẽ cô bé vừa bị cô giáo trách phạt ? Có lẽ hôm nay cô bé làm bài tập không xong ?... ». Anh

tự hỏi, đại loại những câu lẩm cẩm như thế và lắng nghe lòng mình nhen lửa ấm. Hình ảnh bé bỏng của bé ; đôi mắt, cái miệng chúm của bé là gốc là ngọn nguồn những niềm vui quý hiếm của anh. Những ngày chủ nhật là những ngày vui thú của nhân loại ngoài phố. Những ngày chủ nhật và ngày lễ đối với anh lại là những ngày dài nhất, buồn tẻ nhất, hoang vu nhất. Vì rằng bé biết không ? – Vì những ngày đó bé nghỉ học; bé không đạp xe ngang qua chỗ anh, anh chẳng được nhìn thấy bé. Thật là xấu xa, có khi anh cảm thấy hơi ghen ghen nghĩ rằng vào những hôm nghỉ học như thế bé đang mặc áo đẹp, đang nói cười vui vẻ tung tăng chen chúc giữa phố đông trong lúc anh lại buồn rầu vò vớ một mình. Nghĩ vậy, ghen vậy thật là xấu phải không bé ? Thật là ích kỷ, rất là vô duyên phải không bé ? Vô duyên vì anh có quen biết, có liên hệ gì tới bé đâu mà có quyền

ghen hờn thế kia ! Anh thật tẻ quá nhỉ ?

Mỗi đêm vào giường anh đều ước mơ được thấy bé trong giấc ngủ ; có vài lần anh được toại nguyện. Giấc mơ thường tới với anh trước lúc hừng đông, lúc gần về sáng, bởi từ khoảng đầu hôm tới quá nửa đêm anh thường không nhắm mắt được vì căn bệnh nó hành. Anh mơ thấy bé qua nhiều hình ảnh tuyệt đẹp : Có lúc bé mang vóc dáng yêu kiều của một nàng tiên kè kè cặp sách ước trong tay. Có lúc bé mang khuôn mặt thánh thiện nghiêm trang dịu dàng của một nữ tu ôm thánh kinh lang thang dưới những dặng cây trên lối dẫn vào nhà thờ (ngôi thánh đường chênh vênh cuối mút một dốc đứng mênh mông mưa mù nào đó). Có lúc bé mang khuôn mặt buồn rười rượi của một thiếu nữ lang thang qua khắp các trận địa ngàn ngạt lửa khói ngu ngơ thăm hỏi, tìm kiếm

người thương. Có lúc bé mang hết vẻ tươi thắm hồn nhiên của một bông thược dược nở hết cảnh ngậm hé sương mai... Nhưng chắc hẳn chưa có lần nào anh mơ thấy bé qua hình dạng dị hợm của những lọ thuốc anh phải chích mỗi ngày ; chưa bao giờ anh mơ thấy bé qua những khuôn mặt nhàm chán của các cô khán hộ ở đây. Dẫu trong giấc mơ bé có thay hình đổi dạng, thiên biến vạn hóa qua bao nhiêu hình thái khác anh vẫn nhìn ra, vẫn thấy đó là bé, là bé trong tâm thức lẫm đặng của anh, là bé, là hình ảnh tuyệt vời, là ánh sáng, là trăng sáng chiếu dội vào huyết thẩm trong anh Chắc bé sẽ cho là anh nói quá : không đâu, anh dối gạt bé làm gì. Ai lại đi nói dối với một cô bé trắng trong phúc hậu thế kia.

Viết tới đây anh bỗng nhớ một câu thơ của người nào đó, thơ hay ca dao nhỉ?

Thơ hay ca dao gì thì lúc này nó cũng đã hiện rõ trong trí anh rồi, anh phải viết. Cái câu ấy thế này: « lòng anh như hoa hướng dương, trăm nghìn đổ lại một phương mặt trời » Vâng, chính bé là phương mặt trời của anh. Còn anh ? Anh không bằng được một cánh hoa hướng dương đâu. Anh chỉ là một con bệnh.

Một con bệnh. Phải rồi, một người được sinh ra với một dung lượng máu huyết, một khối thể thịt xương, một trái tim và một khối óc như hàng triệu triệu kẻ khác trong cái tập thể lúc nhúc chen lấn trên mặt đất này. Chỉ có khác là: ngoài quá khứ ước mơ buồn vui hạnh phúc lo âu mà một con người phải ôm cầm để đi qua đời mình anh còn đeo mang một căn bệnh. Một thứ bệnh truyền kiếp, âm thầm sinh sôi nảy nở đâu từ thiên thu âm u vạn kiếp trong tối tăm xương tủy và, một ngày

nó bỗng lên tiếng, bắt anh phải chấp nhận sự có mặt của nó. Bé đừng thắc mắc hay tò mò muốn biết anh đang mắc bệnh gì. Ung thư ? Lao phổi ? Lao xương? Phung hủi?... Không, đừng bao giờ thắc mắc như vậy ; bé chỉ nên biết anh đang mắc một thứ bệnh nan y là được rồi. Chính danh của căn bệnh lắm lúc anh chẳng còn nhớ nữa, vì anh đã đeo đẳng nó quá lâu, từ gần năm năm nay. Mỗi ngày nó càng toát cái mùi chết chóc khốc liệt, và mỗi ngày anh càng bớt tuyệt vọng hơn. Nỗi tuyệt vọng thật là lớn lao những ngày đầu anh mới phát giác ra mình mắc trọng bệnh. Có lúc anh và tuyệt vọng thỏa hiệp với nhau; có lúc găm gù nhau, có lúc lại tố tả cấu xé nhau. Anh và nó rình nhau trên từng tế bào, trên từng giọt máu, trong từng ô vuông không khí hít thở. Căn bệnh, hàng triệu vi trùng dàn hàng dọc hàng ngang, chia hình rẽ quạt tấn công chiếm đóng

luôn lở trong anh mỗi phút mỗi giờ. Đêm đêm anh nằm lắng nghe cuộc chiến ấy sôi sục nôn nả, tưởng chừng nghe rõ bước vi trùng đi, từng đời tế bào chết, từng huyết cầu bị phanh thây, từng chút tủy vừa ra trong mỗi ống xương rũ liệt. Đêm đêm anh nằm nghe lũ chúng nó gọi tên mình, chúng đọc bản án tử hình, bản án không ghi ngày hành quyết, bản án tuyên đọc bằng giọng hùng hồn vô âm sắc, nhưng nó vang dội khắp bốn vách da thịt anh, bắt anh rùng mình, bắt anh ớn lạnh.

À này, bé đã đọc Tam quốc chí chưa nhỉ? Nếu đọc rồi hẳn bé biết ông Hạng Vũ và điển tích «Trưởng trung khỉ vũ». Hạng Vũ giành thiên hạ với Lưu Bang, trong trăm trận đánh, Hạng Vũ đều thắng, nhưng đến cuối cùng thì bị quân Lưu Bang vây kín bốn mặt. Vũ ở trong mùng uống rượu với thiếp là Ngu Cơ, rút gươm dấy

múa, vừa khóc vừa hát. Về sau, nói đến anh hùng mặt lộ người ta thường nhắc đến truyện này mà gọi là « Trướng trung khỉ vũ », dạy múa trong mừng. Anh chàng Hạng Vũ này hay ghê, ngông ngạo ghê ! Quả đáng mặt anh hùng lắm. Bị quân thù vây kín bốn phía, trùng trùng gươm đao, điệp điệp lửa binh vẫn tỉnh như không, vẫn uống rượu múa gươm cận kề người đẹp, dù chỉ là vung gươm múa kiếm trong mừng. Anh thích cái cung cách uy dũng khác thường của anh chàng Hạng Vũ này lắm, nên nhiều lúc cũng tự ví mình như Hạng Vũ bị vây kín giữa muôn ức kẻ thù. Kẻ thù của Vũ ở ngoài Vũ; kẻ thù anh thì ở ngay trong tim cất anh. Anh và Vũ cùng mặt lộ. Vũ cùng đường còn có nàng Ngu Cơ bầu bạn, chuốc rượu tiêu sầu. Vũ còn có gươm để múa. Còn anh ? Anh chẳng có gì khác ngoài hình ảnh bé, ngoài những nỗi buồn không biết nói ai nghe, những

*đêm lạnh dài những ngày nắng mệt. Kể
 uy dững như Vũ vừa múa gươm vừa hát
 vừa khóc thay, hướng hồ anh, anh chẳng
 có một tí ti uy dững nào cả, nhưng anh
 không khóc, không hát, chẳng múa may
 trong mừng ; anh trở lì như cục đá mài,
 mài mòn chần mòn chiếu, mòn sức màn
 hơi, mài một chặp e đời tròn như hòn bi.*

*May sao anh còn có một nguồn tinh
 lực nào đó thật vô biên kỳ bí đã ngăn không
 cho đạo quân dã man kia xâm lược vào
 não tủy, chất xám và chất trắng anh còn
 nguyên, nên óc vẫn còn điều khiển được
 mắt nhìn rõ bé, môi thỉnh thoảng còn nắn
 được nụ cười và tay chân chưa rũ quy.*

*Tay chân chưa rũ quy nên anh còn
 thêm đi. Bốn tường rào bệnh viện từ
 lâu dưới mắt anh chúng đã biến thành
 tường vách của một nhà tù. Lão gác cổng
 già khom là lão cai tù bất đắc dĩ và những*

lọ thuốc, những viên thuốc đủ màu mỗi ngày anh nhận là những ân huệ những món quà phỉnh phờ, chúng có nghĩa như những lời rửa tội ban phát từ ông cố đạo cho một tên tội đồ trước lúc bình minh, trước giờ mạng vong của hắn.

Vì sự đôi khi nhầm lẫn giữa mình và một tên tử tù nên nhiều buổi sáng chợt thức, chợt nhìn vệt nắng non mon men qua khe cửa anh mừng rỡ thật tình nghĩ mình còn được sống. Anh vội vã bước xuống giường như một kẻ bình thường, khi chân vừa chạm mặt sàn lạnh ngắt, cái lạnh giá truyền từ mặt sàn xi măng vào cơ thể anh đã đánh thức cơn bệnh dậy, anh buồn bã nhìn vệt nắng không còn với mắt của một kẻ bình thường được nữa. Anh phải nhớ nó, phải luôn nhớ đến cuộc chiến tàn khốc âm ỉ trong anh.

Giữa không khí ngột thở do cuộc chiến

ấy liền lỉ tiết ra, bóng dáng tươi mát thân tiên của bé bỗng đến với anh. Mỗi ngày anh đều thấy bé ngang qua, tâm hồn anh chột dâng chột rút theo mỗi bận đi về của bé. Rồi một bữa anh nôn nao, anh bị thôi thúc bởi ý tưởng nhất định phải biết tên bé cho bằng được. Phải rồi, phải biết tên người mình hằng yêu dấu chứ ! Biết hỏi ai bây giờ ? Anh nghĩ quẩn nghĩ quanh, cuối cùng vụt nhớ tới ông già gác cổng, cái ông già lồm khộm ấy. Anh dò hỏi và biết được ông ta thường hút thuốc Ruby Queen, anh bèn nhờ người quen mua ngay mười gói ; ông già hơi ngạc nhiên khi thấy anh chìa thuốc đưa biếu ông ta, nhưng ông không ngạc nhiên lâu, vì sau đó anh ngỏ lời mượn chiếc xe đạp còi cọc của ông. Ông già vậy mà dễ chịu ghê, ông đồng ý liền sau khi nghe anh long trọng hứa : cháu sẽ đi một vòng rồi đem trả bác ngay. Do đó buổi chiều mưa lất phất ấy anh đi theo bé, lúc

rời cổng bệnh viện anh sắp đặt khá nhiều ý tưởng để nói với bé, nhưng khi chạm mặt không biết bởi lý do nào anh lại chỉ nói cái câu ngớ ngẩn nọ, câu đó chắc bé còn nhớ chứ ? Anh biết bé giận lắm, môi bé mím chặt, mắt bé long lên lúc đứng trong tiệm xe chờ nối lại sợi sên đứt. Chắc bé không ngờ rằng anh đã kín đáo đọc cái bảng tên thêu chỉ màu xanh đính bên ngực trái áo bé. Tịnh-Hiếu, chiều hôm đó trên đường trở lại bệnh viện anh không ngớt gọi thầm tên bé trong tâm tưởng. Môi anh vừa có cái tên êm đềm để gọi. Cái tên, ôi huyền nhiệm làm sao ! Anh gọi thật khẽ cái tên ấy mỗi lần bé ngang qua, bé có nghe thấy không nhỉ ?

Từ hôm làm quen được ông già gác cổng, anh thường mượn xe của lão đạp rong mỗi buổi chiều, anh tìm những con đường vắng người nhất, đi chậm chậm và

vẫn vợ buồn, vẫn vợ nhìn bóng lá cành chim. Vào một buổi chiều đi vẫn vợ như thế anh đã bí mật theo dõi bé và biết căn nhà bé đang ở. Sau đó như bé đã biết, anh đã tìm tới ; lúc dựng xe bước vào sân, anh thoáng thấy bé sau lần kính cửa sổ, nhưng bé trốn, bé chẳng muốn gặp anh, anh trở về mà lòng buồn bã vô hạn. Buồn muốn vừa tan thành nước bốc hơi thành mây bay đi cho rồi,

Hôm gặp bé trong tiệc cưới anh mừng khôn xiết kể. Nhưng anh đã không nói với bé được điều gì cho ra hồn. Ra khỏi thế giới buồn tẻ cô lập thăm thẳm yên lặng của mình để tới những nơi đông đảo tiếng cười nói như thế, thần trí anh thường trở chứng bất thường, nó lỏng lỏng, trống rỗng một cách kỳ dị nên anh đã không nói được gì với bé. Anh không nói được gì với bé nhưng nhìn đôi mắt bé anh chợt hiểu,

chợt thấy hình ảnh anh long lanh trong đó, ít ra anh cũng đã có chút gì trong linh hồn bé rồi phải không ?

Cảm ơn bé đã cho anh những giấc mơ tuyệt vời, đã cho anh niềm vui được nhìn bé mỗi ngày ngang qua con đường trống trải buồn thiu ấy. Anh không thể trì hoãn chuyến đi này, anh đã dự tính lâu lắm rồi, trước cả lúc gặp bé nữa cơ. Khi bé trải rộng thư này dưới tầm mắt nhung nai của bé thì anh đã không còn trong thành phố ni nữa, không còn thở chung bầu khí hậu nồng nàn bé đang thở nữa. Anh đã bỏ đi xa, rất xa, tận thế giới nào đó ngoài đời sống bé, ngoài tất cả mọi người, ngoài bệnh tật, ngoài tai ương, ngoài mặt trời, ngoài mặt trăng, ngoài những sớm mai hạ hồng thu lục đông xám xuân xanh, ngoài những tà huy phai, ngoài những khuya khoắt sao sương buồn lạnh, ngoài hết,

ngoài tất. Anh về với thế giới cõi miền anh hằng mơ tưởng. Nói rõ hơn, nói trắng ra là anh không thể đùa bỡn với hình ảnh cái chết rập rình quanh anh mãi được, anh phải phóng thẳng vào nó, phải chiếm đoạt nó trước khi nó quật ngã anh như con bò rừng điên tiết húc đầu vào miếng vải đỏ trên tay người giác đấu. Con bò rừng thì điên tiết nhưng anh thì rất tỉnh táo. Anh sẽ giữ mãi hình ảnh sáng rõ dịu hiền của bé : hành lý duy nhất anh mang theo trong chuyến đi này.

Ban đầu anh định gửi bé tập truyện ngắn anh viết từ lâu nay. Cuốn truyện của đêm tối và bệnh tật ; nhưng khi đọc lại tự cảm thấy không cách gì bé hiểu nổi những điều anh viết. Hơn nữa anh chẳng muốn tâm hồn sáng trắng của bé bị nhiễm độc bởi những chữ và những ý quái gở nhất trên cõi đời này. Vì rằng bé

biết không ? Những nhân vật anh tạo ra phần lớn không diên thị cũng đại, không đại thì cũng hùng. Lâu nay anh đã sống với đám nhân vật đó một cách thiết tha, bởi mỗi nhân vật đều được anh chia xốt cho một khẩu phần buồn khổ. Một tập truyện hắc ám như thế không thể để cho một cô bé mười bảy tuổi (anh đoán chừng bé cỡ mười bảy tuổi, nếu nhiều hơn cũng chỉ mười bảy rưỡi thôi) đọc được. Anh đã quyết định biến nó thành cát bụi ; chỉ cần một que diêm, nhân vật trong những truyện rồi nùi của anh được siêu hoá hết.

Bây giờ chẳng có kỷ vật nào gửi tặng bé, ngoài tờ thư này. Bé có thể coi đây là chúc thư của một người anh, một người bạn của bé. Dẫu sao khi đọc xong anh cũng mong bé hãy đi lại con đường ngang qua khu bệnh viện buồn thảm ấy. Ước mong bé sẽ mặc áo trắng, đi bộ ; phải rồi

bé phải đi bộ đến đó thong thả nhón nhó như người đi dạo mát vậy. Lúc tới ngang chỗ anh ở (bé biết rồi chứ gì? — tầng 2 lầu C) xin bé hãy ngược nhìn lên cái hành lang trống trải ấy. Hành lang, nơi anh thường đứng đôi mắt đăm đăm trông theo dáng bé. Bé nên đi vào buổi chiều. Dĩ nhiên bây giờ anh không có đó nữa, và sẽ chẳng còn đôi mắt si dại nào nhìn xuống bé nữa cả. Bé tới đó và lặng nhìn lên thăm giùm anh cái chỗ đứng lạnh lẽo ấy, chỉ có vậy thôi. Chắc bé không nỡ từ chối phải không?

Gửi lời chào Huế, chào con đường buồn thiu, chào mặt trời mặt trăng, dòng sông rực nắng, điện đài hoang mốc và những hàng cây reo gió buồn thiên thu. Anh đi đây. Chúc bé ở lại hạnh phúc và an vui đời đời.

Tờ thư chấm dứt bằng một chữ ký ngắn, gọn, không ghi rõ họ tên. Tờ thư

Hiếu nhận được vào chiều thứ năm – chiều nghỉ học thường lệ trong tuần. Lúc thấy người phát thư đi xăm xăm vào sân, không biết do linh tính nào Hiếu biết ngay là thư của mình, có lẽ do sự trông đợi quá chẳng ? Hiếu ẵm cái thư vào phòng đóng kín cửa, hồi hộp bóc ra, trải rộng trên đùi, và đọc. Đọc tới chữ cuối, lệ Hiếu thi nhau mưa xuống những trang giấy pelure mỏng dính. Hiếu run rẩy cắt nó vào ngăn kéo và tự hỏi không biết mình đang khổ hay đang sầu đây ? Thường ngày, Hiếu ăn hết ba chén cơm, chiều nay chỉ ăn có mỗi một chén Hiếu đã thấy no tận mang tai, Hiếu cảm tưởng có cái chi đó nghèn nghẹn vương vương trong cổ bắt Hiếu bỏ chén xuống không ăn được nữa. Mẹ hỏi rằng ăn ít ? Hiếu đáp gọn lỏn con nhức đầu rồi bưng ly nước trà nóng và hai viên thuốc cảm vào phòng mình đóng chặt cửa. Hơn bao giờ

hết, lúc này Hiếu chỉ thích bóng chiếc một mình.

Đêm đó trước khi ngủ Hiếu đọc thư lại lần nữa, đọc chậm chậm từ từ không bỏ sót một chữ một câu ; nhiều câu Hiếu đọc lui tới hai ba lần. Hiếu vận dụng trí nhớ cố muốn tượng lại khuôn mặt chàng nhưng chẳng thể được, óc Hiếu đông cứng và trong suốt như miếng chè đông sương không màu. Hiếu lên giường ngủ, luồn tờ thư vào trong áo, những trang giấy mỏng manh được truyền hơi ấm từ hai miếng ngực non thơm tuổi mười bảy của Hiếu. Những trang thư theo Hiếu ngủ vùi. Giấc ngủ trộn lỏn những lệ.

✱

Chiều hôm sau Hiếu bỏ học, theo lời

dẫn trong chúc thư của anh-chàng-ký-tên-không rõ, Hiếu mặc áo trắng đi bộ tới con đường ngang qua khu bệnh viện buồn thảm ấy.

Hai hàng cây muối bên đường chiều nay rung rinh bay múa nắng vui. Hiếu thì ngược lại, hồn Hiếu giang mắc một mảnh trời buồn : mảnh trời mông mênh mỏng tợ cánh dán tím loãng trong hồn Hiếu không bờ. Khi ngang qua chỗ anh chàng ở, Hiếu dừng lại len lén ngược mắt trộm nhìn lên, dãy hành lang trắng lạnh vắng ngắt chót vót trên cao bỗng đổ ào băng giá xuống, Hiếu khẽ rùng mình qua cơn chấn động ngẩn, Hiếu cúi đầu bước nhanh mơ hồ nghe khoé nhìn lạnh băng của kẻ chết trẻ bám riết sau gáy.

Một gã con trai nãy giờ ân mình bên sau gốc phượng xế dời chỗ đứng cổng bệnh viện lảng lảng nhìn Hiếu đi qua.

Gốc phượng vĩ khá lớn nên Hiếu không hề phát giác thấy đôi mắt đăm đăm của gã. Đợi Hiếu đi khỏi chừng năm chục bước nữa, gã rảo bước đuổi theo. Hiếu cúi đầu thỉnh lặng đi trên nỗi buồn lắc lư của mình. Hiếu bỗng quay phắt lại bởi tiếng gọi giật giọng của gã con trai. Lúc bốn mắt gặp gỡ nhau, mặt đối mặt, Hiếu kêu lên bốn tiếng hốt hoảng yếu xìu :

– Ủa, anh đó à ?

Gã con trai cười bốn cợt tự nhiên :

– Hiếu diễn xuất khá lắm, rất đúng vai trò trong vở kịch của anh.

Hiếu vừa mừng vừa giận vừa then thùng đỏ au đôi má. Hiếu mím môi muốn xấn tới tát vào cái mặt nhờn nhờn đùa bỡn nhưng khi chạm phải tia nhìn dịu dàng xa xăm của gã Hiếu chùn chân.

– Anh quả quắt lăm, làm Hiếu sợ hết hồn.

– Hiếu nhận được cái thư khốc liệt ấy rồi phải không ?

– Chưa nhận, muốn phát ồm từ hai hôm nay thôi ; ông Hạng Vũ, tên tử tù chưa tịch à ?

Khóe mắt thanh niên của gã vừa đại vừa dài thả xuống cái nốt ruồi bên miệng Hiếu.

– Từ khi gửi cái thư đi anh hồi hộp lạ thường. Không biết bé sẽ nghĩ chi về cái thư ly kỳ trường thiên tiểu thuyết đó. Nhưng chừ thì rõ ràng là bé thua anh rồi, trò chơi khá hấp dẫn hí ?

– Anh viết thảm thiết rửa mà ai không tin nổi, nhất là đứa nhẹ vía như tôi lại càng tin gấp rút, tin không can

nổi. Anh đang mắc cái bệnh nan y gì đó ?

– Bệnh đùa nghịch kinh niên. Bệnh si tình và bệnh ưa làm người khác thót tim chơi.

Gã con trai nói không chần chờ, không suy gẫm, trơn tru như thể miệng gã có bôi mỡ. Hiếu vờ nổi tò mò bầm sinh thành nụ cười tròn,

– Anh ở trên cái hành lang mắc dịch ấy thiệt hả?

– Không có, một bữa đến thăm ông chú ốm bệnh ung thư gan nằm trên tầng lầu đó, đang đứng nói chuyện với ông anh chợt thấy bé ngang qua, anh bèn nảy ra ý viết tờ thư ấy vừa để ném viên sỏi thăm dò lòng dạ « người ta » ra rằng vừa để đùa bé tí chơi.

Gã dứt tiếng, Hiếu quắc mắt lườm

rồi Hiếu ngấm vắt chanh pha dấm vào ngôn ngữ :

– Xin kính bái cái chiến thuật tuyệt kỹ công phu của anh nhưng tôi không muốn làm một kẻ bị mắc lừa, một con thú mắc bẫy, một con cá mắc lưới. A, lúc ni tôi mới nhớ anh khoe anh có viết cuốn truyện chi đở mà gọi là của bóng tối thui và bệnh tật ; té ra anh viết văn hả? Mấy trụ viết văn là chúa láo lếu mơ hồ, chúa bông lông ba la chi xú, anh Toàn tôi có lần bảo thế, anh ấy còn dặn thêm gặp mấy trụ này thì phải mau mau tránh xa, nhưng anh đừng làm tôi bỏ, anh có biết câu người xưa thường nói con gái mười bảy bẻ gãy sừng trâu ?

Lòng tự ái bị cấu một cú đá đau, gã con trai bối rối thụt lùi nửa bước, hít một hơi dài không khí căng hai buồng phổi đàn áp cơn xúc động thành linh vừa

từ thỉnh không rớt xuống vừa từ miệng Hiếu vọt ra.

– Anh là kẻ chiến thắng không xứng được quang tặng một vòng hoa, dù là vòng hoa xấu xí nhất toàn cả hoa mắc cỡ với hoa mồng gà, hản thế. Nhưng bé chưa phải là con thú vương bầy mắc lừa, bé nói quá ; tội cho anh, tội với trời đất. Bé đã châm biếm cho rằng anh xài cái gọi là tuyệt kỹ công phu để hạ bé ! Không, chẳng qua vì anh thương bé, mến bé, anh hóa dại, anh đồ liễu...

Hiếu nóng nảy ngắt ngang:

– Thôi thôi anh đừng diễn thuyết, đừng tự thán nữa. Dù rằng tôi cũng đã mắc một chân trong cái bẫy của anh rồi, khó lòng mà đào tẩu.

Giọng Hiếu mềm như sợi bún gạo

khiến gã nghĩ Hiếu sắp khóc tới nơi, gã bối rối đứng không yên. Hai chân gã tựa hai cây kim đồng hồ hư dây cốt xê dịch bậy. Hiếu cúi đầu thình lặng; lúc ngược lên mắt Hiếu bị cuốn lôi bởi vẻ tươi sáng nồng nàn bướng bỉnh trong mắt gã, cảm thấy mình vừa xài xể gã không còn manh giáp nào cả, Hiếu bỗng cảm lòng không đậu, Hiếu cười nửa nụ.

Gã con trai thấy Hiếu cười vội lạnh tay chụp lấy cơ hội dàn hòa :

- Hết giận rồi nhé!
- Còn ! Hiếu giáng một tiếng cốc lốc.
- Thôi chú về chứ, bộ cô muốn đứng làm pho-tượng-cắm-hòn phần-nộ ở ngã ba đường cái ni hả ?

Hiếu nói như hạ lệnh.

– Trên đường về anh phải đi cách xa tôi mười bước, không quay lui, cấm ngó xiên ngó xéo, chỉ ngó hướng trước mặt mà đi.

Gã nhìn Hiếu cười cợt :

– Chà khó quá há.

Rồi gã quay lưng bước đi hát trên đường về nhớ đây, chiều chậm đưa chân ngày, tiếng buồn vang trong mây tiếng buồn vang trong mây... Tiếng « mây » vừa dứt hơi, gã quay lại :

– Theo điều kiện của bé anh sẽ đi trước bé cách mười bước, nghĩa là không đi ngang hàng với bé, vậy lúc nào nguôi giận yêu cầu bé huýt gió thật lớn bài « Ngậm ngùi » bảo cho anh biết để anh quay lui nghe.

Hiếu lườm bằng vẻ đẹp của đôi mắt cọp dữ :

– Anh lại ăn nói ầu tả nữa, con gái ai lại đi huýt gió ngoài đường, bộ anh tưởng tôi là công dân của nước Cộng hòa híp-pi hả ?

Gã cười giòn như bánh tráng nướng:

– Xin cho anh thật thà xin lỗi, thôi thì khi nào nguôi giận yêu cầu bé ho ba tiếng cho anh biết anh mừng. Đồng ý chứ ?

– Đồng ý một nửa, chỉ ho một tiếng rưỡi thôi.

Hứa vậy nhưng suốt quãng đường về tới nhà Hiếu ngậm miệng không ho. Hiếu rắp tâm giận anh chàng đúng một tuần lễ cho bõ ghét.

Mường Mán

Nguyễn Chí Kham

áo trắng

gửi Thanh, thứ sáu 1968

một thuở tình em như giấc mơ

từ cây xinh trắng mọc bao giờ

hồn tôi có phải chiều trong gió

lời lạc âm thầm trong gió đưa

nhớ bước người đi bóng áo xa

bàn tay xin vẫy rộng mây tà

bay nghiêng từng lá mùa đông lạnh
gọi chút vui cười giọng nết na

về đàu ngày xanh đượm tuổi thơ
lòng tôi hai cửa đợi em về

bâng khuâng nắng bỗng ngừng
rung động

nghe rưng bên hồ những trái mơ

một mai sương giạt người đi sớm
khuất mặt mùa đông đứng lặng
hàng

rừng cây thương tiếc dòng hơi lạnh
có chút tình riêng ở lại nàng.

Phạm Ngọc Cảnh

Phận người

Khi Lưu ở xưởng máy về, đạp xe qua cánh đồng, xác tên du kích vẫn còn nằm đó. Tay trái xuôi thẳng xuống, tay phải co lại sau gáy. Chiếc quần đùi đen dòn lên tới háng, để hở cặp đùi trắng hếu. Ngực hằn bị bắn nát bấy, đầu nghiêng qua một bên, tóc dựng ngược. Cái miệng méo xệch, dở dang trơ trẽn. Mo cơm vàng đổ bên cạnh. Không một dấu hiệu gì chứng tỏ ngày hôm qua hắn còn nói còn cười, còn hít thở, còn

đi đại đi tiểu. Thật viển vông khi nghĩ đến điều đó. Lưu che mặt đạp xe vượt qua và chàng nghĩ cái xác đã có mùi. Chỉ là ý nghĩ nhưng cũng khiến Lưu nghe như có mùi gì hăng hắc đâu đây. Khi đi ngang nhà bà Thìn, Lưu thoáng thấy bóng con Mẹo ngồi khóc chỗ góc hè. Cả xóm ai cũng biết tên du kích vừa bị bắn chết khi hôm là ông Thìn. Nhưng biết thì biết, chẳng ai nói gì. Hồi sáng, khi buổi chợ gần tan, người ta thấy bà Thìn hối hả gánh hàng về. Vừa vào đến sân bà đã quăng đôi gánh xuống chạy vội vào nhà. Sau đó con Mẹo len lét ra đóng cổng, sập cửa xuống. Ai cũng tưởng mẹ con bà Thìn hoảng sợ dẫn nhau đi trốn. Ở xưởng ai cũng xôn xao bàn tán chuyện này. Nhưng Lưu vừa thấy con Mẹo ngồi khóc. Chàng chắc họ không đi đâu. Sợ thì sợ nhưng đi trốn lại làm cho người ta thêm nghi. Buổi sáng đạp xe đi làm, con

Mẹo đương tưới rau trước sân liếc thấy chàng đã mỉm cười:

– Anh Lưu đi làm hé ?

– Ờ, cô có gọi gì không ?

Mẹo không hiểu ý nhưng khi thấy Lưu nheo mắt cười, con nhỏ đã ngúng nguẩy :

– Anh quý !

Lưu bỗng thấy tội nghiệp cho Mẹo. Chàng muốn quay xe lại thăm Mẹo một lát nhưng ngại ngại lại thôi.

Cô Liễu đứng đón ở cổng. Lưu dắt xe vào nhà. Người đàn bà vào theo cất tiếng hỏi:

– Nè, anh có thấy chi không ?

– Có một tên du kích bị bắn chết ở đồng Kỳ Lân.

– Ai vậy ?

– Ai biết.

Người đàn bà không nói gì, đi xuống bếp dọn cơm. Lưu thấy biếng ăn khi nghĩ đến xác chết nằm phơi trên ruộng. Nhưng bà cô đã bung mâm cơm lên, chàng phúi chân ngồi vào phản.

Bà nói chàng :

– Ăn nổi không ?

Chàng lắc đầu :

– Không nổi cũng phải ăn, chiều còn đi làm.

– Nè, tôi nghe họ nói cái xác chết ấy là ông Thìn. Không biết có phải không.

Lưu cảm cúi ăn bỏ người đàn bà thần thờ với câu hỏi của mình. Chừng

như còn quên vật gì, cô Liễu xỏ guốc đi xuống nhà dưới. Lưu thấy bức bối khi ở bên cạnh người đàn bà này. Nếu không có sự gởi gắm của cha chàng ở đây, chắc Lưu đã đi ở chỗ khác. Sự săn sóc quá đáng của bà khiến Lưu không thể không nghĩ tới. Học hết năm thứ năm trường kỹ thuật, Lưu đã phải ký hợp đồng làm việc cho xưởng dệt Sicovina. Là chỗ bạn quen từ hồi nhỏ với cha chàng, cô Liễu bằng lòng để Lưu ở đây. Lưu có thói quen thường gọi những người đàn bà trạc tuổi cha mình bằng cô. Cô Liễu cũng có vẻ thích cái lối xưng hô này. Người đàn bà bốn mươi tuổi, thân hình đầy đặn, nước da hơi ngăm ngăm đen. Lưu dù không mấy ưa nhưng cũng thầm công nhận cô Liễu tuy đã đứng tuổi mà có một sắc đẹp mặn mà. Cái mặn mà của một nhan sắc xế chiều đang cố bùng lên lần cuối cùng. Cha chàng đã kể nhiều về cái quá khứ

vàng son của một cô đào từng làm điên đảo những chàng trai theo kháng chiến ở Quảng Nam hồi ấy. Ông là một trong những người mê cô đào Thúy Liễu. Sau Thúy Liễu lấy một tên chinh trị viên và có với y một đứa con trai. Trong một cuộc bố ráp của Tây ở làng Mã Châu, chồng và con trai bị giết, Thúy Liễu bị cả mấy chục tên Lê dương hãm hiếp. Rồi chiến thắng Điện Biên chấm dứt cuộc cai trị của người Pháp. Hiệp định Genève chia cắt đất nước. Trong những ngày cuối cùng của cuộc kháng chiến, Thúy Liễu bắt đầu cuộc sống âm thầm góa bụa cho đến bây giờ. Trước đây cha Lưu vẫn thường lui tới thăm viếng nhưng sau vì một cơ nào đó ông không đến nàng nữa. Lưu cũng nhận thấy giữa cha mình và cô Liễu có một mối liên lạc mật thiết. Bà thường nói với Lưu :

– Trong số người quen cũ, chừ chẳng còn ai ngoài anh Thắng – tên của cha chàng. Anh là con của anh ấy thì cũng như con của tôi. Anh đừng ngại chi.

Thật tình thì Lưu cũng có ngại. Vì người đàn bà có một quá khứ như vậy không phải là người đàn bà tầm thường. Cho nên mỗi cuối tháng trả tiền cơm bà thường kín đáo bớt cho chàng vài trăm nhưng Lưu tìm cách thoái thác. Cỏ Liễu thường thức rất khuya trong phòng. Lưu cũng không hiểu bà làm gì. Nhưng chàng không muốn tò mò chuyện của người ta. Nhiều đêm chàng nghe rõ tiếng bà trần trọc trên giường. Và có khóc, dường như thế. Lưu thông cảm nỗi cô đơn của bà.

Khi Lưu ăn cơm xong vác cây đàn ghi-ta ra hiên nằm chơi, cô Liễu ở nhà dưới bước lên :

- Anh ăn ít vậy ?
- Nuốt không trôi cô.

Bà cười rồi bước đến ngồi xuống bên
Lưu :

- Anh đồn tôi nghe với.

Lưu lúng túng :

- Dạ, con chơi dở lắm cô.
- Ồi, dở hay gì. Nghe tình tang là vui rồi. Hồi trước các quan đi hát chỉ mang theo cái trống cơm, vậy mà cũng thức hết đêm này sang đêm khác.

Người đàn bà vẫn cười sau câu nói. Lưu nằm xây qua phía khác tay dạo đàn hát nho nhỏ : « ce soir, dans le jardin du ciel les étoiles ont fleuri comme un bouquet d'argent. Ce soir, rien ne paraît réel... ». Người đàn bà bỗng cất tiếng hát

theo «...et mon beau rêve fuit comme une feuille au vent... là bas, au pied de sa maison, le rosier doit s'effeuiller entre ses blanches mains. Là-bas... » Giọng bà thánh thót bất ngờ khiến Lưu sửng sốt. Khuôn mặt bà rạng rỡ nồng nàn. Lưu thôi hát nhưng vẫn đệm đàn. Bài hát chấm dứt, Lưu ngừng tay đàn hỏi:

– Cô có biết tiếng Pháp ?

Người đàn bà lắc đầu :

– Biết ít thôi. Bài hát này thắng Laurin nó dạy tôi hồi còn ở phố Hiến.

– Hồi ấy cô chưa đi kháng chiến ?

– Lúc ấy tôi làm tình báo cho Liên khu V, o bế mấy thằng Tây để săn tin. Có thằng Laurin nó cứng tôi lắm. Sau nó bị tôi bỏ thuốc chết.

Người đàn bà lại mỉm cười sau câu nói. Nụ cười có một chút hãnh diện, nhưng buồn hiu hắt. Lưu mệt mỏi muốn ngủ, chàng nhắm mắt lại. Gió tạt về từ đồng nội khiến cơn buồn ngủ ngáy ngật.

✱

Trời nóng, không ngủ được, Lưu ra ngoài hóng mát. Khi đi ngang phòng cô Liễu, cánh cửa vẫn còn mở. Lưu nghĩ chắc cô cũng không ngủ được như mình. Lưu ra hiên ngồi hút thuốc nhìn đêm. Gió cây vẫn lặng lẽ. Hỏa châu đêm nào cũng thả sáng ở miệt dưới. Những ngày mới về đây, ban đêm Lưu thích ngồi ngắm những trái hỏa châu treo lơ lửng trên đầu hàng tre chạy dọc sát chân núi. Nhìn bóng cây đồ dài dưới chân rồi lớn rộng ra thật nhanh Lưu thấy ngộp thở một cách thích thú.

Có khi Lưu cũng tinh nghịch chạy đuổi theo cái bóng của mình như đuổi theo ngày tháng lao chao trước mặt. Và cái vệt khối trắng vẽ ra từ trái hỏa châu, nhiều lúc Lưu tưởng như dải lụa bạch cột ngọn nến màu trong đêm sinh nhật. Trước mắt Lưu chiến tranh như một người tình lạ mặt và oái oăm rất đỗi, Oái oăm như cái xác chết tênh hênh trên ruộng. Và xa vời viễn vông mặc dầu rất kề cận khẩn thiết. Như cái bóng âm thầm mặc muội của người đàn bà lướt qua trước phòng ngày hai buổi. Quẩn quanh mật thiết bên Lưu nhưng vô cùng xa lạ. Ngút mắt không phương nhìn rõ nhân dạng, Mặc dù tâm thức Lưu vẫn luôn luôn nỗ lực để đi đến một thỏa thuận nào đó. Nhưng sự mặc cả từ bên ngoài càng đẩy Lưu đi xa hơn một thứ tội lỗi phù phiếm...

Lưu chợt để ý đến một bóng đen từ

ngoài đi vào. Chàng chưa kịp nhận ra ai thì bóng đen đã lên tiếng :

– Anh chưa ngủ à ?

– Dạ chưa. Cô đi đâu về vậy ?

Giọng cô Liễu trở nên lạ lẫm :

– À, nóng quá, tôi đi dạo một lát.

– Cô không sợ sao?

Người đàn bà thốt cười, nụ cười có một chút gì xao xuyến, khác lạ :

– Sợ gì ?

– Ma.

– Ma nào mà thèm bắt tôi.

Cô Liễu bước vào nhà bảo Lưu :

– Thôi anh đi ngủ đi. Đừng ngồi ngoài này.

Khi Lưu lên giường chàng thoáng nghe có tiếng cô Liễu cài then lách cách bên phòng. Lưu thốt nghĩ đến cuộc đời kỳ lạ của người đàn bà đó. Một thứ đàn bà khó xếp vào loại nào. Nửa quý phái, nửa quê mùa. Nửa ồn ào, nửa tịch mịch. Như ở giữa hai loại đó mà không phải. Bên cạnh Lưu, người đàn bà ấy sống như cái bóng mờ của một thời dĩ vãng xa xôi nào Lưu không thể hiểu nổi cuộc sống của bà trước khi chàng đến ở đây ra sao. Có cái gì nuôi dưỡng thúc đẩy người đàn bà đó dám sống một mình trong căn nhà tịch liêu này suốt mấy mươi năm.

Mấy mươi năm đời biết mấy. Cò Liễu vẫn sống can đảm và khinh bạc như cây cổ thụ đứng soi mình trong dòng thời gian. Đôi khi Lưu cũng bắt gặp trong tia nhìn của bà có cái gì thật nồng nàn, u

ẩn. Nhưng khó mà giải thích cho được tại sao.

✱

Hiên nói lỏng vòng tay ra, nhưng chàng vẫn giữ Liễu trong lòng mình. Chàng thấy Liễu vẫn còn nguyên vẹn cái hương vị nồng nàn như ngày nào hai đứa vụng thắm yêu nhau. Khu vườn chuối nhiều dơi về ban đêm. Cái ao nhỏ ở góc vườn lơ thơ mấy cọng hoa súng. Tiếng hát nhẹ và mong manh ru ngủ những vì sao trên trời. Mười mấy năm qua rồi mà tưởng như chỉ cách một tầm tay. Khu vườn chuối đã mấy lần đổi thay. Những căn nhà thấp lè tè mọc lên rồi biến mất. Bây giờ là bãi cỏ xanh um, ngút mắt. Và chông gai bất trắc như cuộc đời Hiên, nhảy từ cuộc chiến này sang cuộc chiến

khác. Như tên xiếc làm trò đi dây trên cuộc đời mình. Cái đích cuối cùng vừa là cái mốc khởi đầu cho một chặng dây khác. Và cứ thế tiếp tục cho đến khi lưng còng, tay mỏi, ngã quỵ xuống giữa đường trường. Rồi kẻ khác lên thay thế, lấy cái mốc cuối cùng nơi đàn anh mình vừa ngã xuống làm khởi điểm đầu tiên. Bây giờ Hiên muốn bước xuống khỏi đây. Thôi không chơi cái trò quái ác kia nữa. Hơn nửa đời người hăm hờ bây giờ vẫn trắng tay trong cơn đau xé hình hài. Nào cách mạng, nào yêu nước, nào anh hùng. Anh hùng gánh phen, anh hùng đổ rác, anh hùng sản xuất... Ôi biết bao nhiêu là danh từ hoa mỹ, khác nào một khối nặng ngàn cân đè trên đầu trên cổ không phương thoát được. Gần hết một đời người ra Bắc vào Nam, lên rừng xuống biển, bây giờ Hiên chỉ muốn được an nghỉ. Nhưng làm sao được...

– Em có đi với anh không ?

– Không.

-- Em đã quyết định rồi ?

– Không phải mới quyết định bây giờ mà từ mấy chục năm về trước.

– Anh không ngờ tội mình lại vô duyên với nhau như vậy. Thôi em cho anh một đứa con và hứa với anh là sẽ nuôi nó thành người.

Liều gạt đầu và buông rơi thân thể mình trong cơn làm thú. Như móc mưa vừa đổ xuống đời nàng để thêm một lần thấy mình thực sự sống. Người đàn ông cầm súng bỏ đi sau cuộc làm tình vội vã..

Không. Nhất định là không. Mặc dù yêu chàng nhưng tôi không thể theo chàng. Bởi một lẽ rất giản dị là tôi không

muốn làm tên xiếc đi dây trên cuộc đời mình thêm một lần nữa. Lỡ một lần, cuộc đời đã nát bét. Bây giờ tôi sống hoang vu giữa hình bóng chàng và cuộc tình đã giúp tôi trọn vẹn ý nghĩa làm người. Một mai nào anh nằm xuống, trên rừng, dưới biển, đôi mi khép lại chung cuộc tình người. Suốt đời đuổi theo một hư ảnh cho đến chết vẫn còn mơ. Có thể giấc mơ đã vỡ rồi nên anh không chết. Từ một tên học trò tương lai như chỉ cách một tầm tay, anh cầm súng lao đầu vào kháng chiến. Rồi hiệp định Genève ký kết, anh đã ngơ ngàng nhìn xương máu mình trở thành một tội lỗi không biển sông nào rửa sạch. Anh thấy không ? Tuổi trẻ đui mù, tuổi trẻ ngu xuẩn. Tuổi trẻ chỉ có một lần quyết định cuộc đời mình, một lần quyết định công tội. Ôi ! Có thứ lý tưởng nào hơn dân tộc, có tình thương nào hơn núi sông... Liều không thể nào

chộp mắt nổi. Nàng lắng tai nghe tiếng thở điều hòa của người con trai ở phòng bên cạnh. Lưu, anh đang mơ gì đó. Mơ thấy cỏ hoa hay thấy xác người. Hay đầu óc anh đang đầy đặc những ảo ảnh của một thứ lý tưởng đui mù què quặt nào đó. Xưa kia Hiên cũng như anh bây giờ. Cũng nồng nhiệt, cũng đam mê. Nhưng các anh bây giờ đã khôn ngoan hơn nhiều. Thế hệ chúng tôi đã phải hy sinh để đánh đổi sự khôn ngoan đó cho các anh. Quả thật không có thứ triết lý nào dạy khôn con người bằng kinh nghiệm...

Liễu chua chát nghĩ tới Hiên. Sau mấy mươi năm tẻ ngắt, Hiên bỗng đến cho đời nàng một cơn mưa cuối mùa đánh thức những ham muốn mãnh liệt, nồng cháy trong cơ thể. Cuộc truy hoan như cơn bão rút qua rồi, chỉ để lại một vài cơn mưa hiếm muộn, ân sủng. Nàng

vẫn thấy đứng đưng trong vòng tay vũ bão của Hiên, Dững dưng như cái đêm cuối cùng làm tình với Hiên trong khu vườn chuối.

“Liễu coi đồng hồ, đã mười giờ. Không biết giờ này Hiên còn có đó hay không. Khi chiều hẹn nhau 8 giờ nhưng Liễu không thể nào đến đúng hẹn được. Hồi sáng thằng Garnard, bạn của Laurin bị nghĩa quân bắn chết. Trời chưa tối Laurin đã tìm đến nàng. Hắn nốc cả mấy chai Martell rồi ôm mặt khóc như di. Viên quan ba Pháp đã chứng kiến nhiều cái chết thê thảm của đồng đội, nhưng dường như cái chết quá tầm thường của Garnard làm hắn xúc động. Hắn ngâm thơ, hắn chửi thề rồi lại khóc. Cho đến 10 giờ bọn Lê dương mới nhốn nháo đi tìm hắn. Nàng chờ cho bọn Tây đi hết

mới đóng quán lại rồi lẻn ra tìm Hiên. Khi đến nơi Liễu thấy Hiên vẫn còn ở đó. Chàng ngồi ủ rũ dưới bụi chuối sát bờ ao.

– Anh chờ em có lâu không ?

Hiên giật mình nhìn lên :

– Em ! Sao lâu vậy ?

– Em bị thằng Laurin nó quấy rầy mãi không đi được. Cứ sợ anh bỏ về rồi.

Liễu ngồi xuống bên Hiên. Nàng bỗng thấy vô cùng yếu đuối và e dè sợ sệt khi ở bên người yêu. Người con gái nổi danh ở Liên khu V, một tay săn tin đặc lực cho Đảng đối với Hiên nàng chỉ là một đứa con gái tầm thường nhỏ mọn. Nhưng cuộc tình lén lút này rồi cũng chẳng đi đến đâu. Nàng khẽ hỏi Hiên :

– Đồng chí chính trị viên có nói gì với anh không ?

– Không. Hấn vẫn lăm lì như vậy.

Liều ngập ngừng :

– Em... quyết định rồi. Anh Hiên, em không thể nhìn anh chết được.

Hiên rất qua kẽ rang :

– Anh sẽ giết hấn.

Liều hốt hoảng bịt miệng Hiên lại :

– Anh nói khế chứ. Không. Anh không làm gì được đâu. Em đã nghĩ kỹ rồi. Thà lấy hấn còn hơn là thấy anh chết. Hơn nữa khi anh chết rồi thì dù muốn dù không em cũng phải làm vợ hấn.

Hiên ôm đầu không nói. Liều nhỏ nhẹ :

– Đêm nay em cho anh tất cả. Em muốn có một đứa con với anh. Rồi anh sẽ lấy vợ. Anh hãy quên em đi...

– Không đời nào.

Liễu bắt đầu khóc :

– Anh Hiên, em van anh. Em yêu anh, em muốn anh sống. Anh đừng phụ lòng em, anh Hiên.

Những giọt nước mắt của Liễu đã làm lay chuyển lòng Hiên. Chàng thần thờ ôm Liễu vào lòng :

– Thôi được. Anh chiều em. Nhưng anh thể không lấy vợ nữa.

Và Liễu đã khóc ngất sau đó.

Khi người đàn bà trở mình nàng mới

hay rằng mình đã khóc. Tiếng thút thít làm Lưu ở phòng ngoài thức giấc. Chàng ngồi dậy ngơ ngác nhìn ra ngoài trời.

*

Buổi sáng Lưu thức dậy thấy cửa phòng cô Liễu vẫn còn đóng. Chàng để bụng đói đạp xe đi làm. Khi ngang qua đồng Kỳ Lân, chàng trông thấy mấy người đàn ông đang lui cui đào huyệt.

Chàng hỏi :

– Chôn ai đó bác Sáu ?

Một người đàn ông ngừng cuốc, phun nước bọt vào hai bàn tay xoa xoa nhìn Lưu :

– À, chôn anh hai Thín. Cậu đi làm sớm vậy ?

– Dạ, sao để lâu quá bây giờ mới chôn bác ?

Người đàn ông cười khan :

– Mới được giấy trên xã tui tui mới dám chôn đây chớ.

Không thấy Mẹo đâu, Lưu hỏi người đàn ông :

– Cô Mẹo đâu bác ?

– Nó đi mua hòm rồi. Trưa về có rảnh cậu lên giúp một tay nghe.

– Dạ được.

Lưu đạp xe đi. Cái xác vẫn còn nằm yên chỗ cũ, một chiếc chiếu mới phủ kín từ đầu đến chân. Một cái trứng vịt luộc bóc vỏ, mấy nắm nhang cháy bập bùng. Mùi nồng của cái xác lẫn với mùi hương khiến Lưu nhăn mặt. Dọc đường, chàng

gặp Mẹo ngồi co ro trong một chiếc xe
Lam, cái hòm sơn đỏ chói để trước mặt.

Phạm Ngọc Cảnh

(Hàn, 9 - 70)

BĂNG NHẠC

DIỄM CA

Một món quà tuyệt hảo để mừng
Sinh nhật !

Một tặng phẩm đẹp mừng lễ Tân
hôn !

Một gói trao tâm sự cho tình
nhân !

Một băng nhạc nghe đi, nghe lại,
nghe hoài không chán, dù là nghe
một mình !

Trần Hoài Thư

Khu chiến

òng sông như đường ranh phần chia hai miền đất. Bên kia bờ, đám du kích vẫn trở về hằng đêm, bắt loa gọi đám đàn quê ra khu đất trống, hay vào từng nhà tịch thu vài ba ký gạo. Những đêm thường bão bùng, trong những hồi chó tru, hay những bước chân dẫm xào xạc trên cánh đồng lúa dẫn từ mật khu trở về. Dòng sông vào mùa nước lớn, trở nên cuồng bạo. Nước lũ từ nguồn, đổ xuống, mông mênh cả

vùng cát trắng, mà mùa khô, nổi lên giữa dòng sông yên lặng ngàn đời. Nước bạc, đã vượt lên bờ lau dại, chảy tràn qua con đập đắp bằng đất, như gieo một tai họa lớn xuống những vùng đất thấp ở mạn đông. Nước theo những cơn mưa lớn, càng lúc càng dâng cao. Và thường cả tháng, những người lính chưa hề thấy được một con trăng nổi lên giữa nền trời đen tối, tỏa ánh sáng xuống vùng đất họ trở lại. Chỉ còn một cõi tối mịt mờ, như địa ngục. Chỉ còn những cơn mưa kéo nhau dầm dề, tức tưởi trên dòng sông quanh hiu và những cơn gió thổi từ mạn Bắc, u u những độn tre già, rợp hàng trên bờ khu chiến, khiến những người lính càng lúc càng khổ cực hơn bao giờ hết. Sự quan sát bị thu hẹp trong vòng một thước. Người lính chỉ dùng tai, và mũi để đánh hơi trong gió, trong cõi mịt mù thiên la địa võng.

Bên kia bờ, địch đã xuất hiện như ma trời. Các ấp nằm dọc theo con đường ranh giới như đặt trong một tình trạng căng thẳng. Người ta đã tự dành cho mình một lối thoát. Những kẻ lo sợ, đã tản cư lên quận. Những kẻ bám víu vào mảnh ruộng và mảnh vườn, thì vẫn chịu đựng ở lại. Đó là những ông già, bà cả, những người đàn bà, hay lũ con nít. Mỗi đêm, mỗi ấp, đều đóng cửa. Nhà nhà đều kín cổng, cài then. Các thanh niên chiến đấu gồm toàn ông già ho hen, quần khăn lông, vác mền chiếu, mang những khẩu Garant, Carbin M1, hay Mas 36, bắt đầu tìm một bờ bụi nào đó để ẩn thân. Chó sủa suốt đêm, nhất là vào khoảng một hai giờ sáng. Địch xuất hiện vội vàng, và rút đi cũng vội vàng, sau khi bắn dọa một vài tràng đạn, cắt xé lòng đêm khuya khoắt.

Con sông vào mùa nước lớn đã ngăn cản toán lính khi họ muốn vượt qua sông. Buổi chiều, họ xuống từ con đỗi, tiến đồn cho đơn vị. Mỗi người lính mang theo thuốc xoa muỗi, áo mưa trận, và cấp số đạn đầy đủ. Mỗi tổ trưởng mang thêm một quả mìn claymore. Người trung đội phó mang thêm máy hồng ngoại tuyến. Họ xuống con dốc trơn trượt trong khi mưa vẫn triển miên đan một màn mỏng, bạc trắng cả bầu trời mênh mông. Ngày nào cũng vậy, hết trung đội 1 và 3 rồi đến trung đội 2, và 4, cứ tiếp tục xuống con dốc đó. Người trung đội trưởng đi trước người lính truyền tin. Người mang súng phóng lựu đi sau người y tá. Ngày nào cũng vậy, họ tiếp tục làm công việc ăn sương nằm đất ấy trong bao lâu rồi, như một thói quen, đầy mỗi mệ. Mỗi buổi

chiều, họ đều lội qua con sông, tiến về vùng đất của sự chết. Mỗi buổi tối, họ đều dắt díu nhau tìm về từng nghĩa địa, co quắp trong những ngôi mộ vôi, vũng chầy lầy, hay co ro trên một bờ kinh, bờ rạch. Họ trở về, khi sáng chưa kịp mở mắt, khi lớp sương muối còn phủ kín cả dòng sông, trên những đọt tre, và bay lác lên ngọn đỉnh đồi cao gần hai trăm thước. Họ lại cởi quần, cởi giày, tiếp tục vượt sông, nô giỡn như một đám trẻ con. Họ cố gắng trở về đồi trước tám giờ sáng, để tập họp, báo cáo quân số, làm tạp dịch, hoặc chờ đợi một cuộc hành quân nào đó.

Những mùa nước lớn đã làm dòng sông trở nên cuồn cuộn, nước xoáy mạnh, nước trào bọt sóng cuốn những đám củi lác loài phăng phăng giữa dòng. Không ai có thể qua được đoạn giữa. Chỉ trừ

một người có thể giúp họ qua bèn xa bờ yên ổn: ông già Tư.

✱

Ông già Tư. Ông già chèo đò, từ mấy chục năm qua. Ông sống cùng vợ trong một túp lều tranh trống gió bên bờ sông. Một con thuyền nhỏ, một chiếc sào tre dài, và hình bóng một ông già, với hàm răng đã hầu như rụng, co ro trong bộ quần áo lính trận mà ông già đã xin được của một người lính trên ngọn đồi, bé nhỏ giữa bến nước, mông quanh lê thê. Ngày trước, khi thằng con trai chưa đi thủy quân lục chiến, nó còn giúp đỡ ông già đưa những người qua sông. Ông còn những buổi rảnh rang khê khà cùng ly rượu, hay vác chiếc ô mấy đời đến dự mấy đám giỗ trong làng. Nhưng

bây giờ, ông phải đem cả sức lực tàn tạ cuối cùng của đời để chống con thuyền, kiếm tiền nuôi mẹ vợ suốt đời bệnh hoạn. Những chuyến xuôi ngược của ông già là con sông hai mùa nước. Mùa khô, con thuyền như ngủ yên dưới gốc cây đa cổ thụ. Khách đò bây giờ vén ống quần lội qua sông. Mùa khô chỉ còn hai vợ chồng già, chắt chiu trong cái chòi lá phen thưa trống trải. Đôi mắt lèm nhèm, ông già Tư nhìn ra con sông sau hàng tre rậm. Ông chờ đợi. Ông lo lắng. Ông cầu những cơn mưa lớn, như những người dân quê ở vùng đất khô cằn, ruộng đồng nứt nẻ. Mùa khô, nước không về được những cánh đồng mạn núi. Con đập đã ngăn sông, chia nước rẽ hai miền. Nước mỗi lúc mỗi cạn cùng nổi lặn đập, khổ của ông già mỗi lúc mỗi tăng thêm. Nhiều buổi chiều, ông quần chiếc khăn lông đầy bản cẩu, mồ hôi quanh cổ, ra

ngồi trên bờ đất thịt, dưới chòm lá hắt hiu, nhìn bãi cát dưới ánh hoàng hôn vàng sẫm, nhìn đàn vịt, và ông già Sáu, cô độc trên chiếc ghe nan nhỏ nhoi ở cuối đầm, nhìn đám lính, lội qua sông, súng đạn đầy mình. Đối với họ, ông coi như một niềm vui nho nhỏ. Họ gặp ông, trong những tiếng cười đùa rộn rã.

– Ông già Tư, ông thiếu rượu sao mà buồn vậy ta?

– Chắc ông già, ông nhớ mấy con mẹ đi chợ chưa về.

– Ông bị bà vợ đuổi đi rồi, ha ha !

Khi đó, ông già chỉ biết cười xòa. Đôi khi ông chửi:

– Mụ nội bọn này. Có đồ không chịu đi, lại lội nước. Bộ lội nước sướng lắm hả.

Rồi ông lại trở về túp chòi tranh, buồn so nhìn mộ vợ.

– Bà bớt chưa. Để tui nấu cháo cho bà ăn.

Bà Tư chỉ biết rên trên chiếc giường tre ở trong góc tối :

– Đau quá ông ơi. Cả mình tôi ê ẩm như kim chích.

– Tại bà. Chưa lành lại mò ra đồng nước bạc.

– Thì phải ra, có gạo mà ăn chớ.

Ông già Tư không đáp, lui cui ra sân, tìm những khúc củi khô. Ông làm bếp, thổi lửa, ông quờ quạng âm thầm trong khi bóng chiều sắp tắt, và con sông chỉ còn là một dải mập mờ, nửa tối nửa sáng. Ông nghĩ đến thằng con trai. Nó

còn đây, thì đỡ cực cho mình biết mấy. Mùa này, nó đi làm thuê, làm mướn, cũng có ít tiền nuôi mình sống qua ngày. Út ơi, ông lại thăm thì : Út ơi. Mà mày đau, có mòi nặng đạ. Tao sợ không qua được mùa đông năm này đâu.

Tiếng rên của mẹ vợ, vẫn tiếp tục nghe rõ từ trong phen tre, khiến lòng ông đâm quặn thắt. Ông lại nhìn lên cao, mong trời mây đen kịt, những cơn mưa lớn sẽ ào ào trút xuống. Và ngày mai, thuyền ông sẽ sẵn sàng đậu ngoài bến. Bến dò tinh sương sẽ rộn rã tiếng cười nói của đám đàn bà con gái đi chợ phiên sớm. Và buổi chiều, đám lính từ trên đồi bên kia sông xuống sẽ gọi ông già Tư ơi... Ông sẽ bắt đầu chống lại cây sào, sẽ lái con đò qua những vùng nước cạn, hay điều khiển nó tài tình trên những vùng nước xoáy.

Bây giờ thì điều mong ước của ông già chèo thuyền đã đạt. Mưa, gió đã dầm dề trên con sông cạn, những ngày đầu mùa đông. Một cơn bão đã rút qua quận, để lại những ruộng đồng mông mênh nước lũ. Ông đội chiếc áo toại bằng lá, khoác thêm chiếc áo dạ lính, và lui cui ra bến đò ngay khi trời bắt đầu mờ sáng. Ông ngồi trên bờ đất đốt thuốc rê, run rẩy trong gió bắc, và mưa phùn xóa trắng cả một dòng sông lặng lẽ. Đám lính, là những người đi qua đò ông già đầu tiên. Ông sẽ kiếm một số tiền lớn. Một trung đội chứ ít a. Ông nghĩ vậy. Ông nhìn con sông đang găm xoáy, tự cười một cách khinh mạn.

– Nước như thế này, đổ tên nào dám lội... Chiều nay, thế nào ta cũng có để nhậu với mấy con ốc bươu.

Con sông buổi sáng vẫn còn ngủ

yên trong lớp sương mù trắng bưng tầm mắt. Nó gọi trong trí tưởng già nua một quãng thời gian xa xưa. Cũng bến đò, cũng cây đa, cũng những ngôi làng ngôi ấp, cũng những vụ mùa, hay những biến chuyển đau buồn của lịch sử. Cũng chỗ ngồi này, nơi ông mỗi ngày ra nhìn bãi cát và lũ chim bói cá, vút lao xuống mặt nước, ông đã thấy lại gương mặt ông, từ một ngày nào đó. Đó là cái hình ảnh một chàng thanh niên nhà quê, mộc mạc, nghèo nàn, giữa ruộng đồng bát ngát. Đó là những đêm trăng giã gạo, rộn rã tiếng cười vui, những lời hò, câu hát, hay những lần chờ đợi bên ngôi đình làng một người con gái đi chợ trở về. Ông còn thấy lại những con chèo bẻo gọi nhau trong những lùm tre, trong giấc trưa nồng. Những kỷ niệm, soi dẫn, mỗi lúc mỗi lan rộng như những vòng tròn lăn trên sông nước. Những ngày thái bình

ấy trôi qua, rồi đến những ngày binh lửa, đạn bom, giày sắt đá, mũi tầm vông, dao mác, rồi đến bây giờ... tất cả hình ảnh lao xao trong tâm tưởng, khiến ông không thể nhớ ra nổi. Ông ngồi bất động trong tấm áo dạ. Mưa vẫn còn lất phất trên sông. Sương mù vẫn còn đọng trên ngọn đồi bên kia, và quện trên những bờ lau đại bên này. Con sông chỉ còn là một dải mơ hồ, luồn giữa hàng tre rậm lá. Ừ, có ngày ta sẽ bỏ nơi này. Cái ngày đó ta ước ao nằm ngủ trên con thuyền của ta, để nó trôi đi đâu thì đi. Bởi đời ta, có lẽ chỉ còn bãi đa, bến đậu. Ta đã buồn vui với nó, chờ đợi với nó. Trong khi bom đạn đuổi đàn con cháu của ông ra khỏi những cánh đồng lúa để giết nhau, thì ông vẫn còn lại để mỗi ngày ra bờ sông nghe tiếng gọi đò.

✱

Tiếng gọi dò đã bắt đầu làm rộn ràng con sông vắng. Ông già Tư đứng dậy, co ro cầm chiếc sào dài. Tiếng gọi dò lại càng dồn dập hơn. Dễ chừng, một lúc có 9, 10 cửa miệng gào lên.. Ông hấp tấp nhảy xuống dò và trả lời trong cổ họng. Đêm qua, cơn ho đã hành hạ ông già một cách khốn khổ. Ông già đã ôm ngực rên rỉ sau những cơn ho rung động. Bây giờ, cổ họng ông già đã khan. Ông nói trong hơi thở:

– Khoan đã mà... Bộ muốn về ấp vợ sao mà bọn bây gọi gấp...

Tự nhiên ông cảm thấy mình kiêu hãnh. Bọn bây là một lũ vô ơn. Bây giờ cần la, đến khi khác, thì bắt ta chờ mãi cổ. Không có thằng nào cho ta một châu để. Con dò lướt trên mặt nước, đang bốc

khói. Ông gườm cây sào một cách thành thạo. Cả thân hình ốm tong teo của ông phất phơ trong chiếc áo tơ bằng lá. Hầu như gương mặt nhăn nheo, răn rúm như một quả táo chín, đã bị chiếc khăn lông dày che khuất hai bên má.

Trên bờ, đám lính đang ngồi đốt thuốc. Họ đã trải qua một đêm dưới một bầu trời sùi sụt, ở trên một nghĩa địa cuối ấp. Họ đã di chuyển trong bóng tối một quãng đường hơn ba cây số vào buổi sáng, khi gà bắt đầu gáy trong thôn. Quần áo mỗi người dầm dề nước mưa, và họ đã di chuyển như chạy, khi trời vẫn còn tối đen mờ mịt. Một vài đốm lửa lóe lên dưới không gian lạnh lẽo.

– Ông già Tư, mau lên...

Ông cười rồi lẩm bẩm:

– Lũ bây có giỏi thì lội qua đi. Ta già rồi...

Trong trí tưởng của ông, tự nhiên lại trở về hình ảnh thằng con trai. Ông thấy mơ hồ nó đang ngồi trên bến sông, nghe ngao một bài ca vọng cổ. Nó trở về, rồi lại bay mất đi. Cái gương mặt chập chờn trên khúc sông sương khói thật là tội nghiệp.

– Mau lên ông già...

Tiếng gọi đòi lại rồi rít.

– Quỷ mà, làm gì mà gấp vậy.

Ông rửa, và cố gắng chống cây sào xuống đáy sông.

Bây giờ đám linh đã lên khoang đò. Con đò hơi chòng chành rồi rời xa bến. Ông già Tư hỏi :

– Sáng nay sao về sớm vậy, các ông nội.

Một tên lính cười rộ rã :

– Nhớ vợ quá, già Tư ơi. Đêm nằm lạnh thấy mồ.

– Sướng quá há. Giờ này về ấp vợ thì tiên trên đời.

– Chà ông già Tư còn dê quá ta.

Tiếng phụ họa tiếp theo, làm rộ rã cả lòng tịch mịch của trời đất.

– Ổng một cây đó bọn bây. Ông thầu mấy mụ nhà quê đi chợ đó bọn bây...

– Trời ơi, tao thấy ông chiều chiều ra nhìn đàn bà con gái xắn quần lội nước.

Bây giờ ông già Tư, mới cười, lộ hàm răng đã rụng và đôi mắt lem nhem nhìn giữa con sông.

– Cái đó dành lũ bây. Ta già rồi. Bây giờ ta chỉ cần rượu.

– Ông già uống rượu không sợ bà già sao ?

– Bà là gì, mà ta sợ.

– Chắc không, ông già. Tôi về tôi nói lại bà già, thì đừng trách đa.

Ông lại cười.

– Bà đau nặng, đừng chọc bả, không có tiền mua hòm đậu.

– Thì để ông già dễ lấy vợ.

– Quỷ nà. Ta già thế này. Ai mà ưng.

Ông vừa chống, vừa nhìn lên bầu trời đang vào sáng. Ông nhớ đến những tiếng cười đùa rộn rã của các cô gái đi chợ phiên. Tiếng cười đùa, chọc ghẹo,

lướt trên mặt sóng như một niềm vui rộn ràng trong cuộc sống của một ông già. Trong những đứa con gái ấy, có một đứa yêu ông nhất. Nó thường liếc con mắt như lưỡi dao cau, và có nụ cười chúm chím, mỗi lần con đồ rời bến. Nó đã vào cuộc đời của ông, mấy chục năm như hình với bóng. Nó là bà già đang nằm rên rỉ, chờ một siêu thuốc bắc, hay một mó thuốc Nam, trong túp chòm lá nghèo nàn nhất ấp kia. Lòng Ông già Tư đâm ra chao lạnh. Ông định sẽ cố gắng chống đồ lâu ông già Tư đâm ra chao lạnh. Ông định sẽ cố gắng chống đồ lâu hơn mọi bận để kiếm thêm một số tiền mời thầy thuốc Bắc xem mạch. Tội cho bà, ông nghĩ, không có lấy một chén thuốc... Tại mình nghèo quá mà, phải không mụ?

– Ông già, ông đang nghĩ chuyện cưới vợ, bây ời.

Tiếng nói của một tên lính lại vang lên đánh thức dòng suy tưởng của ông già. Ông lại cười.

– Mụ nội bọn bây. Chọc ta hoài.

Hình như đám lính đã lấy ông làm đề tài thảo luận. Chúng chọc ông đủ thứ chuyện. Chúng cười ha hả, vỗ tay vào mạn thuyền. Chúng lại hỏi thăm :

– Ông già Tư, con nhỏ của tui ra sao?

– Con nào?

– Con Lài đó.

– Chu cha, nó bị bệnh mấy bữa nay.

Rồi ông hỏi lại :

– Mà ưng chỉ thứ đó. Nó rồi chẳng như tổ ong.

Một thằng khác hỏi:

– Ông già Tư, con Trước của tôi thế nào ?

– Trước nào hà ?

– Con nhỏ ngồi đò cùng tôi bữa trước đó. Ông Tư nhớ không.

Ông già ngẫm nghĩ một hồi. Tiếng nước vỗ vào mạn thuyền reo lăn tăn. Những con chim ăn sương bắt đầu nổi trên thính không mờ nhạt.

– Ta nhớ ra rồi. Con Trước đó hả. Nó có người đi hỏi rồi. Ta thành thực chia buồn đó ghen.

Ông già lại cười :

– Ai bảo mày dở. Mày không làm ăn gấp. Thuở tao trẻ, tao bán trời, bán đất. Tao gò con nào là dính con nấy.

Tên lính buồn buồn đáp :

– Tại số tôi không gặp nó.

Ông già cười ha hả :

– Mày thuê gì cho ta. Ta lật thuyền cho hai vợ chồng nó lộn xuống nước chơi...

✱

Đám lính đã lên trên bờ, bắt đầu di chuyển lên ngọn đồi. Đám người khuất dần sau hàng tre cao. Con sông đã nhìn thấy rõ. Màu nước bạc, lẫn bùn phù sa, đang mênh mang cả tầm mắt ông già Tư. Ông cảm thấy mình đang đánh mất một cái gì. Một cái gì rất đổi thân yêu. Nó gắn bó vào đời ông, như con thuyền, như bến đò, như gốc đa, như sông nước.

Như những tiếng cười đùa của đám lính trên đồi cao. Ông đứng trên khoang, nhìn về cuối chân trời. Ở đó, ông không bao giờ đạt đến... Cái chân trời vùng vẫy mà năm xưa trai tráng, ông trở về, cùng chiếc thuyền độc mộc, băng băng trên dòng nước lũ cuồng bạo, như một tượng thần hùng dũng. Và bây giờ, tất cả đã mất, ông chỉ còn lại niềm vui nhỏ này. Là những cốc đế, là những buổi đưa đón quen thuộc... Ông chỉ mong cánh tay, bắp chân của ông chưa mỏi quy, đôi mắt lu mờ chưa đủ tối để ông còn mỗi ngày, đứng trên mũi thuyền, chống lại những cơn nước xoáy lốc.

✱

Mặt trận bỗng nhiên bùng lên gần
con đường Ranh giới Một trung đội ng-

hĩa quân bị địch từ dưới đầm lục bình trôi lên phục kích vào một chiều cuối năm. Ngược lại, một trung đội thám kích đã bắn được bốn tên địch, khi trung đội này mở đường mỗi buổi sáng. Những tên địch bắt đầu xuất hiện, trong sắc phục và huy hiệu quân đội cộng hòa, đã khiến những ông ấp trưởng và nhân dân tự vệ lại một phen hốt hoảng. Họ xuất hiện ngay cả buổi trưa, bịt mắt một ông ấp trưởng dẫn ra bãi đất trống xử tử. Đoàn xây dựng nông thôn, quần áo đen, ta quyết tâm xây dựng nông thôn, vùng lên, vùng lên ta quyết tâm xây dựng nông thôn, đã rút lui về những ấp kế quận lỵ. Toán nghĩa quân bắt đầu mò vào các vùng bộ binh kiểm soát. Địch đang sửa soạn một mặt trận vào các vùng bộ binh kiểm soát. Địch đang sửa soạn một mặt trận mới, trong khi mùa mưa bắt đầu đầm dề suốt ngày suốt tháng.

Bởi thế, đám lính trên ngọn đồi bên này sông, bắt đầu khổ cực hơn lúc nào hết. Mỗi buổi chiều, họ được chia thành từng toán nhỏ, qua sông bằng con đò của ông già Tư. Tiếng gọi đò vang lên, vọng khắp vùng sông nước bạc màu phù sa cuộn chảy và ông già chèo đò chỉ chờ có bao nhiêu đó. Ông coi như một niềm vui, như một người giúp ích được phần nào cuộc sống lặn độn khổ cực của đám lính khốn khổ kia. Nhờ đó, ông bắt đầu có những đêm say rượu, trong một quán nhỏ đầu ấp. Nhờ đó ông còn có một số tiền nho nhỏ, thuốc thang cho mụ già sắp đến ngày từ giã cuộc sống. Nhờ đó, ông đỡ một phần nào quạnh hiu, khi nhìn con sông, dưới ráng chiều đỏ ửng góc trời Tây, để nhớ đến thằng con trai lưu lạc phương nào, hay nghĩ đến một thế giới khác. Cái thế giới khi ông ngã xuống để rời khỏi những phiền lụy của cuộc

đời. Mắt ông nhắm lại, tưởng tượng thân xác ông sẽ nhẹ nhàng như con thuyền nan giữa dòng sông xa thẳm. Phút đó sẽ êm đẹp bao nhiêu. Đến chứng nhận ra mình, lẻ loi giữa bến đò xào xạc gió, ông mới thoát khỏi niềm mơ mộng đó. Ông lại trở về túp chòi lá, âm thầm đốt chiếc đèn dầu hỏa, chờ đợi một ngày sắp sửa đến.

✱

Đến đêm, toán người lạ mặt từ bên mật khu qua trước cổng nhà ông già Tư. Tiếng chó tru thảm thiết, nổi lên trong lòng đêm rét mướt và đêm tối như đêm ba mươi. Một tiếng nói cất lên:

– Đúng là nhà của lão Tư rồi, đồng chí.

Một giọng khác đây vẽ truyền lệnh :

– Các đồng chí bố trí cẩn thận xung quanh. Hai người vào nhà cũng được. Coi chừng toán kích của địch.

Rồi tiếng đập cửa, rộn ràng.

– Ông già Tư, mở cửa.

Trong túp chòi tranh, người ta nghe được tiếng rên rĩ của bà già, lẫn tiếng ho của ông Tư. Ông Tư linh cảm thấy một điều đại bất hạnh xảy ra cho đời ông đêm nay. Tiếng đập cửa càng lúc càng dồn dập :

– Mở cửa mau lên, ông già.

Giọng ông già run rẩy trong cổ họng:

– Dạ.

Bước chân của ông nhẹ nhàng đến cửa liếp. Ông nép vào mái phen thưa, nghe ngóng một hồi. Tiếng gọi mở cửa dường như có xen lẫn tiếng lên đạn ở ngoài đêm. Gương mặt ông già đậm thất sắc.

– Mau lên, tao bắn cả lũ bây giờ.

Ông già líu ríu mở then. Một ngọn gió lạnh uà vào khiến ngọn đèn dầu hỏa trên bàn thờ cuối chòi lá lung lay sắp tắt.

– Phải ông già Tư ?

– Dạ, tôi.

– À, ông già. Ông biết ông có tội gì không ?

– Dạ thưa các ông, tôi có làm gì đâu. Tôi chèo đò mà.

– Tôi nói cho ông già hay. Nhân dân

cắm ông chèo đò đưa đám lính Ngụy bên kia sông qua.

Ông già Tư thở hổn hển.

– Lạy các ông, các ông hiểu tình cảnh của tôi. Tôi chỉ trông nhờ vào con đò, và mùa nước lớn. Các ông cắm tôi đưa, có nước tôi chết đói. Tôi không có ai giúp đỡ.

Tiếng rên rĩ của mụ già vang lên nghe rõ mồn một. Ông già van lơn:

– Tôi không còn ai để giúp đỡ tôi trong những ngày xế bóng. Tôi chỉ còn mỗi con đò này.

Tên lạ mặt gắt:

– Nhưng nhân dân cắm ông đưa chúng. Ông liên lạc, giúp đỡ chúng, ông có tội với nhân dân.

– Khổ quá, nhưng họ bắt tôi đưa ?

– Ông phải bỏ đồ. Ông không được làm nghề này nữa. Tôi ra lệnh ông lần này là lần cuối cùng. Ông già nghe không?

Rồi cả bọn vội vàng rút đi như những bóng ma, Chỉ còn lại một mình ông già Tư đứng giữa khung cửa gió. Mưa rắc nhẹ, tạt vào gương mặt ông những giọt buốt giá. Gió mùa đông từ con sông nước lớn, u u những đợt tre ồm, cao ngậu bên bờ. Tiếng chó lại bắt đầu tru lên. Và thỉnh thoảng, trong cỏi đen tối ghê rợn, lại òa vỡ một trái hỏa châu. Ông già vẫn đứng bất động. Tiếng rên rĩ của mẹ vợ, khi trời trở, lại bắt đầu vang lên não nuột. Ông già chép miệng:

– Mẹ ơi, khổ lắm. Người ta không cho mình chống đồ nữa, có nước bỏ sào, bỏ chống, đi làm nghề khác.

Ông muốn rửa nước mắt. Dù đêm quá tối, nhưng ông già Tư vẫn còn nghe được những tiếng chim te te buồn thảm trên các bụi tre. Ông ngỡ đó là tiếng gọi nhắc nhở một chuyến xuôi ngược, từ một bãi sương khói chập chùng. Tai ông già mơ hồ còn nghe rõ những tràng cười rộn ràng, khuấy động bến sông vào ngày phiên chợ quận, hay những bóng áo xanh, mờ nhạt chờ đợi bên kia bờ, trong buổi chiều, buổi sáng. Ông cứ ngỡ như cây sào quẩn quại, và con đò chơi vơi giữa dòng nước lũ, bọt sóng ngẫu bunn, để ông ngạo nghễ trên mũi đò, trong những cơn gió bạo. Đời ông gắn bó với nó. Tại sao người ta lại không cho ông sống cùng nó, ấp ủ cùng nó. Mùa nước lớn đã về từ đầu mùa đông. Con đò, từ lâu đã ngủ dưới gốc cây đa, bây giờ thức dậy. Nhưng ông biết bắt đầu từ đây nó

sẽ buồn bã ngủ thêm một giấc nữa, vĩnh viễn đời đời.

Ông trở vào nhà khi bà vợ bắt đầu rên những tiếng thảm thiết. Ông cầm cây đèn dầu hỏa, soi mặt vợ.

– Bà cảm thấy thế nào ?

– Tôi chết mất, ông ơi.

– Bậy bạ, bà ráng tỉnh dưỡng mai tôi lên quận mời thầy về xem mạch. Chắc trời trở, hậu quả của những ngày mình cực khổ.

Ông nói đều đều. Tiếng con thằn lằn chắt lưỡi đầu đó. Ông cầm chén thuốc, đến bên giường, cúi đầu xuống.

– Bà ráng uống cho hết thuốc. Mai tôi lên quận bổ thêm vài thang.

Nhưng ông đã biết, ông không thể có đủ một số tiền lớn như vậy. Người ta đã cấm ông sống trên con sông mà ông đã gắn bó mấy mươi năm qua.

✱

Vào buổi sáng tinh sương, tiếng gọi dò lại vẳng lên từ ngoài bờ sông:

– Ông già Tư, ông già Tư ơi, ra chèo đò.

Ông già đứng sau liếp cửa, đôi mắt lem nhem nhìn ra cõi tối. Mùa đông có những cơn mưa phùn rất lạnh.

Trần Hoài Thư
(Nha Trang, 12-70)

VĂN XÃ

đã phát hành tác phẩm thứ 16 của

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

CÁI CHẾT CỦA. . .

**một tác phẩm mỏng manh nhất và
buồn rầu nhất...**

Trần thị NGH

Ao tù

Mar đưa tôi đi ăn trưa, hắn nói tôi đưa cô đến một nơi đặc biệt. Tôi hỏi ở đâu ? Ở trong rừng. Tưởng gì hắn đưa tôi đến một khu vườn nhỏ, cỏ cháy, một góc vườn dựng một căn nhà ván lợp lá dùng làm quán ăn mà đa số thực khách là người ngoại quốc, (đây có phải là lần đầu tôi đến đâu, đã có lần Ngũ đưa tôi vào vườn này nhưng hắn không ghé quán, hắn đi trở vào đường trong và trải cái áo mưa lên bề đất sát lề đường

rủ tôi ngồi, tôi còn nhớ rõ màu tím của những chùm hoa giấy rào kín một căn nhà ngói đỏ, trong sân qua khe hở của các nhánh cây tôi còn trông thấy bầy vịt con đang bì bõm giữa một vũng nước, lần ấy hấn mặc đồ trận, hông mang súng, tôi bỏ giấy dẫm lên cát, tôi mặc cái áo ngắn trên đầu gối, cổ hở, hấn đã hỏi em sợ không, nhưng hấn đã chẳng làm gì tôi lần ấy, bởi vì tôi đã đáp không sợ, thật ra chẳng có lúc nào tôi sợ hấn, tôi chỉ sợ bóng tối khách sạn và biển).

Khi nghe nói đây không phải là lần đầu tôi biết chỗ này, Mar có vẻ thất vọng, hấn cho như thế bữa ăn sẽ chẳng còn thú vị gì. Tôi phải vội giải thích thêm là tôi chỉ đi ngang qua đây và rất thích nếu được ăn trưa ở một nơi có nhiều màu xanh (tôi muốn nói cây cối trong vườn và cỏ, mặc dù cỏ đã cháy vì nắng) và có

nhieu gió (ở ngay bàn ăn trên trần quán người ta đã vịn quạt máy ở số lớn nhất).

Dù sao bữa ăn cũng được dọn ra và chúng tôi bắt đầu một cách vui vẻ. Thực khách trong quán ra về sớm vì đã quá trưa. Bữa ăn muộn trong một cái quán vắng có vẻ buồn, lãng mạn. Cả Mar và tôi dù cố gắng lừa nhau bằng sự vui vẻ giả tạo bề ngoài vẫn không che giấu được tâm trạng riêng của mỗi người về cuộc chia tay sắp tới. Tôi muốn nói với Mar một câu gì đại khái tỏ dấu thương mến, hoặc ít nhất diễn tả cái cảm tưởng những gì chúng tôi đang có với nhau lúc bấy giờ đều là những điều sau cùng, khi Mar đi nếu có dịp trở lại những chốn cũ tôi sẽ nhớ Mar, sẽ tiếc. Dĩ nhiên sự sửa soạn trước sẽ làm cho những lời sắp nói mất hết tự nhiên.

✱

Khi nhìn thấy Mar tôi rất buồn khổ vì chuyến đi sắp tới của hắn, Tôi không thấy đau khổ vì chuyến đi sắp tới của hắn, tôi không yêu hắn. Hiển nhiên tôi phải mất một thời gian khá lâu để làm quen với Gio, người sẽ tới nhận nhiệm sở thay Mar, nhưng như thế đâu có nghĩa tôi sẽ sống những ngày thê thảm vì thiếu Mar. Có thể tôi sẽ vui sướng hơn, hạnh phúc hơn với người bạn mới tôi chưa biết mặt, có thể tôi sẽ buồn thất ruột mỗi khi gặp lại một kỷ niệm gì nhắc nhớ Mar (những cử chỉ nhỏ nhặt, những câu nói đùa, những quán ăn, những bài hát đã nghe chung, những điệu thuốc hút chung...) Mar tưởng tôi đau khổ, tôi có cách bày tỏ tình cảm hơi quá sự thật một chút, thí dụ khi thất vọng tôi có bộ mặt của một người tuyệt vọng và khi hy vọng thì tôi làm như cao vọng, vân vân...

Tôi đã khổ sở vì cái tin Mar đi được biết quá sớm trong khi ngày đi còn xa. Nhưng bây giờ thì cũng chỉ còn vài ngày nữa thôi. Tôi đang chờ Gio. Tôi đếm từng ngày, với Mar tôi thấy như mình đang mòn mỏi, với Gio tôi cảm thấy tử mở ráo riết.

✱

Chúng tôi làm việc chung. Đôi khi Mar to nhỏ với tôi và chú nhỏ Gio dù đang bỡ ngỡ trong hoàn cảnh mới cũng tỏ ra rất tinh ranh. Chú theo dõi bộ tịch tôi lúc nói chuyện với Mar và không giấu được ánh mắt tò mò khi nhìn thấy Mar khấn khít với tôi. Như mọi người, chú nghĩ sau ba năm làm việc chung người ta phải yêu nhau dĩ nhiên.

Mar tỏ ra rất xúc động vì ngày đi gần kề, hẳn thú thật đời sống ở xứ hắc không thích hợp với hẳn chút nào. Ở đây dễ làm giàu và có nhiều đàn bà, hẳn nhấn mạnh điều sau cùng. Đàn bà đến với Mar dễ dàng, thường xuyên ngày đêm, họ rộng lượng và tặng nhiều ân huệ. Mar nói đàn bà Việt Nam tìm hạnh phúc bằng cách phung phí chính hạnh phúc của họ, hẳn tuyệt đối không ưa những kẻ hạ tiện. Khi nói chuyện Mar nhìn tôi với đôi mắt say đắm của một người tình : Vào những ngày chót tự dừng tôi muốn ở lại với cô hết sức. Giọng nói của Mar lúc ấy lại là giọng thành thực của một người bạn. Cuối cùng tôi khám phá ra rằng Mar là một người bạn rất đáng yêu, nghĩa là hẳn rất giống một người tình.

Mar nói tôi sẽ ở lại tìm một việc làm khác và chúng ta sống với nhau như

những người lương thiện. Tôi nói tôi sẽ học luật, chúng ta sẽ làm việc. Mar bùi ngùi : Phải rồi...

Tôi bỗng khóc òa. Đây là lần đầu tiên tôi khóc vì chuyển đi của Mer, nhưng trong đó như thấp thoáng nhiều liên tưởng khác, chẳng hạn cơn say của ba hồi hôm, cái thư cầu cứu anh Phú, những ngày sắp tới bên cạnh Gio, những ngày không còn cái hẹn nào với Tường, Hương đã đi dạy học xa, bà bạn mới tên T, vân vân. Tuy thế hãy cho là tôi khóc vì chuyển đi của Mar, bởi đây cũng là một chuyện đáng khóc. Mar tìm cách dỗ dành tôi (tôi có cách bày tỏ tình cảm hơi quá sự thật một chút), hắn nói coi kìa, coi kìa. Hắn có cách vỗ về làm người ta mũi lòng thêm vì không cảm thấy được an ủi hay che chở. Bởi vậy tới tiếp tục khóc, tôi làm như bên trong những giọt

nước mắt ấy tôi còn che giấu một tình cảm gì đó rất âm thầm, và cách tôi tấm tức như muốn nói với Mar như vậy. Hẳn ôm tôi trong ngực : Tôi ở lại, tôi ở lại nhé. Nhưng đâu có phải vậy, trời đất, nếu Mar ở lại thì chán chết. Cả hai sẽ phải bắt đầu lại từ những tình cảm ngỡ ngàng của chuyển đi bị hủy bỏ, thêm vào một chút buồn tẻ, gượng gạo. Tôi sẽ ngán Mar tới cổ mà hẳn cũng thế. Dĩ nhiên khi nhớ lại đây chỉ là một câu an ủi của Mar tôi bỗng nghe tủi thân, cay đắng nữa chứ. Thành ra tôi khóc mùi mẫn.

*

Chúng tôi hôn nhau trong phòng làm việc. Cho tới ngày cuối cùng tôi vẫn chưa nếm của Mar một giọt nước bọt. Mar nhìn lại căn phòng lần chót trước khi ra phi trường.

Ở phi trường tôi gặp thêm hai người bạn gái nữa của Mar, ngoài ông Đại tá B. mà Mar đã phụ tá trong ba năm, và chú nhỏ Gio. Phi cơ khởi hành rất đúng giờ. Khi Mar ra cửa số 3 tôi phải cố nén khóc. Gio tỏ vẻ rất ảm ngại, chú đặc biệt theo dõi tôi, ông Đại tá cũng vậy. Từ bây giờ tôi phải nhớ là Mar đã đi, chúng tôi sẽ không còn dịp nào gặp lại nữa, trừ phi tôi yêu Mar và ngược lại.

Lúc về trên xe tôi ngồi cạnh ông Đại tá, ông ta nói đủ chuyện để tôi quên sự vắng mặt của Mar. Ông nói ngày mai chúng ta sẽ bắt đầu một chương mới trong bối cảnh cũ (ông muốn nói tới sự vắng mặt của Mar). Câu nói của ông ta làm tôi động lòng, nhưng một lần nữa tôi gắng giữ lòng bình tĩnh. Dù sao thì Mar cũng đi rồi, mọi phản ứng đều vô ích. Dĩ nhiên nếu được khóc ngay lúc từ

giã Mar ở cửa số 3 chắc tôi sẽ thấy dễ chịu hơn.

Khi về tới nhà thì tôi đã hết chịu nổi những vấn chưa khóc được. Tự dưng tôi muốn có một người nào đó hiểu giùm là Mar đã đi, chúng tôi đã chia tay, nhà vắng làm tôi bứt rứt. Tôi nằm nhắm mắt nhớ Mar, nhớ đôi môi hằn dấu hôn tôi trong phòng làm việc, nhớ lời hằn dặn dò chú nhỏ Gio, nhớ cái ngực quyến rũ của hằn tôi tình cờ nhìn thấy chiều chủ nhật tuần trước, tôi nhớ, nhớ quá sức. Có lẽ đây chỉ là những tình cảm bùng bột mà chuyển đi của Mar như một biến cố còn quá mới mẻ. Có lẽ tôi sẽ quên Mar trong vài ngày nữa (tôi không yêu hằn mà). Nhưng mà trời đất, quả tình là tôi đang đau khổ táo tác, cổ tôi nghẹn cứng vì cơn khóc bị chặn ngang, tim như bị ai bóp thắt lại từng hồi.

Trời âm u khoảng 4 giờ chiều nhưng sau đó chỉ mưa những nhỉnh vài hạt làm không khí thêm oi bức khó chịu. Chắc Mar đã tới Bangkok và đang ở khách sạn Amarin, khuya nay 11 giờ rưỡi hẳn sẽ đáp máy bay Quantas về La mã. Sáng hôm sau, thứ tư, Mar đã thực sự ở Ý. Tôi sẽ đến sở như thường lệ và khởi sự làm quen với chú nhỏ Gio.

Tôi tắm gội giữa trận mưa thứ hai, khoảng chiều tối. Trước đó tôi có bắt đầu cho Mar được nửa cái thư kể lại mọi chuyện trên đường từ phi trường về. Tôi cũng cho Mar biết là cho tới lúc này tôi vẫn chưa khóc được chút nào sau chuyến đi của hắn. Cái thư viết đến đó cũng đủ gần làm tôi khóc. Bởi thế tôi bỏ đi tắm tự nhủ sẽ viết lại cái khác mà không nói gì về chuyến đi của Mar nữa. Trong lúc gội đầu tôi nghĩ tới Tường, khi gặp Tường

tôi sẽ khóc với Tường và kêu rên về sự vắng mặt của Mar (chỉ có Tường mới hiểu thấu, Tường chủ quan nhưng còn hơn không). Với tưởng tượng ấy tôi khóc được dễ dàng ngay khi đang sát thuốc gội đầu vào tóc, thỉnh thoảng tôi gọi nhỏ Mar Mar một cách tức tưởi trong tiếng nước xối và tiếng mưa đổ. Tôi nín khóc khi tắm xong, cảm thấy nhẹ nhõm. Khi nhìn cái mặt đỏ như trong gương tôi mới thấy là mọi chuyện dù có vẻ trẽ nải hết nhưng không phải là không còn kịp lúc.

*

Tôi muốn sắm một cái áo mới nhưng tự dừng nghĩ rằng việc ấy vô nghĩa vì Mar đã đi. Vậy thì có sự tương quan gì giữa cái áo mới muốn sắm và sự vắng mặt của Mar ? Bấy lâu nay vô tình Mar

đã là cái cơ thúc đẩy tôi làm mọi chuyện mà tôi không hay biết chi hết, nghĩa là mọi chuyện bây giờ đều trở thành vô nghĩa nếu không có cái cơ là Mar, có lẽ nào như vậy ? Đây là một việc làm tôi suy nghĩ rất lung. Thêm nữa, kể từ hôm Mar đi đến nay tôi tránh không đi con đường khoảng có ngõ hẻm vào khu nhà Mar ở (cái phòng 206 mà tôi đã rành rọt đường đi nước bước từ phòng khách đến phòng ngủ, bây giờ nhường lại cho chủ nhỏ Gio). Có nhiều thứ làm tôi nhớ Mar lắm, chẳng hạn đã có hôm tôi lỡ đi ngang khoảng đường ấy, tôi đã nhớ cái vòi nước nóng trong phòng tắm của hắn hết sức. Và còn nhiều thứ nữa, cái cặp da đen đựng thuốc lá và giấy tờ mà hắn vẫn dùng mỗi ngày, để lại cho chú nhỏ Gio, khiến mỗi sáng tôi phải nhìn thấy, có khi đã cho tôi cảm tưởng Mar vẫn chưa đi xa lắm, Mar sẽ trở lại, hoặc Mar hãy còn

mồn một trong trí nhớ tôi, tới nỗi tôi không nghĩ là tôi có thể quên Mar được nữa.

Thật kỳ, nhưng sự thật nó như vậy. Có khi vừa muốn tránh nhìn lại những nơi có kỷ niệm của Mar tôi vừa muốn tìm tới những nơi ấy, như một cách khơi động lòng nhớ tiếc, muốn đau đớn trong ý nghĩ không bao giờ còn gặp lại Mar.

Sáng ở sở tôi đã đọc lại cái thư viết cho Mar hai hôm trước ngay sau bữa chiều Mar đi. Cái thư có giọng điệu kể lể chi tiết quá đáng, những câu tỉ tê nói về cơn mưa bùn xỉn lúc 4 giờ chiều, rồi sau đó cơn mưa thứ hai khoảng chập tối, những giọt nước mắt lẫn với xà bông gội đầu trong lúc tắm, chương sách mới mà ông Đại tá B. đã khuyến khích bắt đầu trong bối cảnh cũ, văn vân... Đọc đến lần thứ hai tôi không còn cảm thấy đó là

những lời thành thật. Trước khi bỏ vào bì và dán con tem 50 Lire để gửi chung theo courier ngày mai, tôi viết thêm ở cuối thư : “Tôi nhớ ông, Mar, nhưng đời sống phải được tiếp tục”, tự trấn an rằng câu sau chót này có thể gỡ lại hết những tình cảm bại trận bên trên.

Tất cả mọi sự xếp đặt đắn đo về cái thư sẽ gửi cho Mar, hai hôm sau ngày hẵn đi, rốt cuộc càng làm tôi phân vân thêm. Và càng nghĩ tôi càng cảm thấy chán ngán cái vai chính của người vắng mặt trong chương sách mới là Mar. Tôi không muốn chỉ vì một sự vắng mặt mà tôi lại tỏ ra không thể sống nổi, không thể bắt đầu chuyện gì với chú nhỏ Gio, không thể sắm thêm cái áo mới theo ý muốn.

✱

Trong giờ làm việc tôi nhận được thư của Mar, viết khi còn ở khách sạn Amarin chờ chuyển bay Quantas Bangkok – La Mã. Mùi giấy ngào ngạt làm tôi nhớ hẳn dĩ và sự xúc động làm tôi không đọc được thư. Gió lặng lẽ làm việc, thỉnh thoảng dò xét thái độ tôi khi đọc thư Mar. Tôi đọc rút, xong gấp lại bỏ vào bì. Tôi làm như bình thản nhưng thật ra tôi đang run. Tôi không hiểu. Mar vừa nói gì trong thư. Có lẽ tôi phải đọc lại khi không có Gio, hoặc mang về nhà (tôi sẽ hôn lên những trang thư thơm ngát của Mar)

Buổi chiều tôi viết thư trả lời Mar. Dĩ nhiên tình trạng thư đi tin lại dồn dập như hiện tại không thể tiếp diễn lâu, vì sau một thời gian có thể mỗi người đều cảm thấy nhảm nhí và mất thì giờ.

Tôi không thể kể lễ mãi nỗi nhớ tiếc vốn không có gì trầm trọng, cũng như Mar không thể xác nhận nhiều lần những tình cảm hẳn có với tôi dù nó tốt đẹp tới đâu. Tuy nhiên lần này trong thư tôi cũng nói cho Mar biết là tôi vẫn còn nhớ hẳn lắm và hy vọng theo thời gian sự nhớ tiếc ấy cũng giảm bớt, tôi mong hẳn cũng thế. Về Gio tôi cho Mar biết là chú nhỏ đang tập tễnh nơi được ngoại ngữ (tình thế nhiều hy vọng, không quá bi quan như chúng ta tưởng). Tôi cũng nói là việc bắt đầu chương sách mới trong bối cảnh cũ quả có một vài khó khăn, bởi vì tôi không thể nhìn thấy những vật liên hệ của Mar còn bỏ lại mà không nghĩ tới Mar. Cuối thư tôi tìm cách vuốt ve Mar thêm (ông có cái điều mà tôi cần, nhưng bây giờ không có ông tôi cũng không biết đó là cái gì). Trước khi ký tên tôi muốn đề chữ “yêu mến” hoặc “thân mến” nhưng

thấy như thế có vẻ hơi quá đáng. Sau cùng tôi không ký tên vì sợ nhớ bữa ăn trưa với Gio ngày mai ở phòng 206, tôi sẽ còn nhiều chuyện để kể lại cho Mar nghe, sau bữa ăn trưa.

✱

Thật chẳng có gì đáng nói, thật thế. Ngay đến cái phòng 206 lần này được nhìn lại mà không có Mar tôi cũng chẳng thấy xúc động mảy may, rất tiếc Mar.

Trước khi đến ăn trưa tôi cho người mang tới một bó oeillet đỏ. Oeillet là loại hoa biểu hiệu cho tình bạn. Sau đó hết giờ làm việc chúng tôi cùng về nhà. Trong bữa ăn Gio đãi tôi uống Seagram's, một thứ rượu Gia-nã-đại mà tôi mới được uống lần đầu. Chú nhỏ tỏ ra dư biết tôi

đã đến đây nhiều lần và thông thạo hết mọi ngõ ngách trong nhà (cô biết chỗ rửa tay chú, cái giường trong phòng ngủ đỏ, cô biết chú, Mar đã làm gãy mất một chân, tủ quần áo thì hư ổ khóa, tại sao cái giường lại gãy được chứ...). Cách rào đón của Gio thật ra không làm tôi nao núng lắm, tôi chưa bao giờ đồng lõa với Mar.

Tôi rất sợ say. Ít nhất tôi cũng uống ba ly trong bữa ăn. Thuốc lá và chén cà phê đầy sau lúc tráng miệng làm cái đầu tôi nhẹ bông. Tôi để ý thấy mọi đồ đạc của Mar đã dọn đi sạch, tường trống. Có một lúc tôi trông thấy cái mặt tróc da của Gio in rõ trên màu vôi tường tự dưng có những nét cấu tạo nhô nhấp kỳ cục, giống như đầu một con chim (hai ngày trước chú nhỏ đã đi biển với cô bạn gái Việt Nam đầu tiên). Tôi mong đây không

phải là kết quả của ba ly rượu. Có lẽ tôi chưa được quen mắt lắm với những điều nhìn thấy ở Gio.

Khi bùng chén cà phê lên uống tôi rất buồn cười, ai lại uống cà phê trong chéa. Nhưng mà Gio còn dư thì giờ để sắm sanh, dư sức. Sẽ có một cái giường khác để thay vào cái giường gãy của Mar (kết quả một đêm làm tình với một con nhỏ tên Huệ, theo lời kể của Mar), sẽ có bánh xà phòng định tóc đàn bà ở phòng tắm, sẽ có thuốc gội Prell và kem xúc mụn Clearacyl, sẽ có hai chìa khóa, một cái đút dưới khe cửa...

Có lẽ cái thư viết cho Mar nên chấm dứt ở chỗ dừng lại hôm qua. Không có điều gì hay ho để kể cho hần nghe về bữa ăn trưa với Gio trong chính căn phòng hần để lại. Nếu tôi muốn đùa với Mar một chút chắc có lẽ tôi nên viết ở cuối bức thư

: “Tôi vừa ăn trưa với Gio ở phòng 206, chúng tôi uống Seagram’s nhưng không có gì xảy ra sau bữa ăn, rất tiếc...” Hẳn sẽ hiểu là tôi đùa, dĩ nhiên, hẳn sẽ không thích. Nhưng đó là chuyện của tôi và Gio, hẳn có một đời sống khác, những liên hệ mới, những cuộc tình mới.

Rốt cục tôi đã không thấy nhớ Mar chút gì khi trở lại căn phòng đó. Tôi cũng không thấy màu đỏ của hoa Oeillet mang ý nghĩa của một tình bạn khăn khít lâu dài.

★

Trong cái thư viết từ Macerata, Mar nói rằng hẳn yêu tôi và dám cam đoan tôi sẽ không thể nào biết được hẳn yêu tôi như thế nào, tới đâu. Tôi cảm thấy

hết sức thất vọng vì những điều Mar thú nhận trong thư. Tôi tưởng đó là điều tôi chờ đợi bấy lâu nay nhưng sự thật không phải vậy.

Trần thị NgH

DUYNG NGHIỆM MẬU

KẺ SỐNG ĐÃ CHẾT

truyện dài¹

Thu ra khỏi nhà, buổi chiều đã xuống, mùa thu nhẹ nhàng với những cánh lá sấu vàng trải trên hè phố dọc Đường Thành. Thu nhìn xuống với một mong muốn tình cờ thấy một trái sấu chín rụng còn nằm lại đâu đó, Thu thấy mình rỗng không với bước đi không chờ đợi. Con đường Phan Đình Phùng vắng hắt, những hàng cây chen vào nhau. Tới ngã tư đường Cửa Bắc, Thu ngạc nhiên

¹ Kỳ 2, xem từ VĂN số 180.

thấy Hữu đang đứng cùng với mấy người bạn trai, họ bắt tay nhau rồi mỗi người đi một ngả. Thu gọi nhỏ:

– Anh Hữu.

Hữu quay lại, nụ cười trên môi:

– Thu đi đâu vậy?

– Em đi chơi, còn anh?

– Đi với mấy người bạn cũ, mấy cậu em bạn, họ cũng sắp đi Nam, một cậu nhỏ nhất định lên trường học nhìn lần cuối cùng. Sao thấy ai cũng có vẻ ngậm ngùi. Trường Chu Văn An, cô biết không nhỉ.

– Anh làm em như người ở đâu, em là dân Hà Nội mà.

– Dân Hà Nội, nghe ghê nhỉ.

– Học trò Chu Văn An là nghịch ác ôn lắm, anh biết không?

Vừa trả lời Thu, hai người cùng bước đi theo đường Cửa Bắc, lề đường bên này chạy theo với ngôi trường học, bên kia những ngôi biệt thự với mái ngói và tường vôi cũ, vượt lên cao trong bầu trời xám nhạt là mái chuông của nhà thờ Cửa Bắc. Đến cổng trường Chu Văn An, Thu ngừng lại:

– Anh đã vào trong trường này bao giờ chưa?

– Chưa, cái sân rộng nhỉ...

– Phía ngoài này còn có một cái hầm kiên cố lắm từ trước chiến tranh nữa... hôm trước Bội Em đưa em vào chơi...

Thu đứng vịn vào song cửa sắt nhìn vào trong sân, hai thân cây lớn giữa sân

với tàn lá xanh, bên kia là nhà để xe đạp chạy dài từ một cửa nhỏ vào tận trong đầu trường, ngôi nhà ba tầng, nước vôi vàng cũ có những mảnh đã bong, vết đạn từ ngày kháng chiến bùng nổ còn để dấu lại... Bôi Em dẫn Thu đi từ nhà chơi rộng với chiếc bàn đánh bóng bở không tới chỗ bán hàng ăn, Bôi Em đưa Thu leo những bậc thang gỗ lên tận tầng ba nhìn ra con đường lớn ở ngoài xa sân trường, từ đó có thể nhìn thấy cổng thành Cửa Bắc có dấu đạn đại bác từ thời Pháp đánh thành Hà Nội khiến Hoàng Diệu phải tuần tiết. Thu nghe Bôi Em kể lại những kỷ niệm với ngôi trường, những buổi đá cầu, những buổi chơi bóng và cả một ngày học sinh trong trường đánh một tên lính Lê dương làm bậy, nơi nào Bôi Em cũng như để lại những dấu tích không phai được trong trí nhớ mình. Thu cũng có những kỷ niệm với ngôi trường mình và

những người bạn với màu áo lam... Bây giờ sân trường không một bóng người, đôi cánh lá vàng rơi lặng lẽ.

– Buồn anh Hữu nhỉ.

Hữu mỉm cười băng quơ, hai người tiếp tục đi, khi tới ngã tư Quan Thánh.

– Mình đi đâu anh nhỉ?

Thu nhìn Hữu, Hữu nhìn dọc theo phố Quan Thánh, những thân bàng lớn, đôi chiếc lá trên cành khô...

– Hình như Thu thích cuốn “Bướm Trắng” của Nhất Linh.

Thu ngẩn người một lúc. Cuốn sách ấy Bôi đã mượn và trả lại nàng trước khi về dưới Bát Tràng.

– Đó là một trong những cuốn Thu thích, Nhất Linh có hai cuốn mà Thu

giữ dù không phải sách học, ngoài cuốn “Bướm Trắng”, Thu còn thích cuốn “Đôi Bạn”... Thu cứ mừng tượng tới cảnh mùa đông, Dũng cùng bạn bè ăn cơm, đi câu ở nhà Cận, rồi trên đường về chia tay Thái và ngồi lại trong quán nước ở trên đường đê cao...

– Những nhân vật ấy cũng đã đi trên phố này... Thu thích cô Loan?

Hữu cười nhìn Thu nghịch ngợm.

– Không, Thu thích anh chàng Trúc.

– Sao không phải Dũng?

– Dũng sung sướng quá, đầy đủ quá. Dũng làm dáng hơn là sống, lại không phải là một người tự tin, phấn đấu... Mà anh chưa trả lời Thu, anh không bận gì sao?

– Không bận gì cả, tôi cũng muốn như Bôi Em, như những đứa em bạn, đi tù biệt Hà Nội trước khi đi xa.

– Có lẽ rồi Thu cũng đi xa không sống ở Hà Nội nữa.

– Gia đình Thu cũng đi Nam sao?

– Không, nhưng Thu có cảm tưởng sẽ không ở Hà Nội nữa. Thu sẽ đi xa.

Đi xa, hai tiếng ấy chột như vang dội nồn nao trong lòng Thu. Nàng bước theo chân Hữu, Thu bỗng giật mình nhìn sang Hữu đang lặng lẽ đi bên, sao bỗng nhiên nàng thấy như thân với Hữu. Buổi tối hôm đó đến nhà Bê Xanh chơi, Thu được giới thiệu với Dũng: một người anh họ mới ở ngoài vào Hà Nội công tác, Hữu ít nói, thường ngồi giữa mọi người chỉ để lắng nghe, nếu có xen vào trong

câu chuyện thì chỉ là những câu nói dí dỏm nhưng tinh quái sâu sắc và đầy sự điềm tĩnh của một người đã từng trải. Khi hỏi tới công việc Hữu đảm trách thì Hữu chỉ cười nói lảng sang chuyện khác và coi như không quan trọng Khuôn mặt vuông, những nét thẳng trên mặt, mà hơi hóp lại và nước da xanh vẻ bệnh nhưng đôi mắt sáng ngời đầy vẻ thông minh, nụ cười lúc nào cũng như đậu trên môi một vẻ buồn nhẹ giấu kín. Thu nhớ lại, như vậy hai người chỉ mới gặp nhau ba bốn lần. Thu nói:

– Chắc khi ở ngoài khu anh nhớ Hà Nội ghê lắm nhỉ. Về đây anh thấy thế nào?

Buổi chiều mỗi lúc một thấp hơn, vừa đi Hữu vừa nói:

– Buồn, về thấy ngậm ngùi sao, tôi tiếc ngày còn đi học.

Hai người đã tới vườn hoa ngang với đền Quan Thánh và đầu đường Cổ Ngư. Những chuyến xe điện đang nối đuôi nhau chạy về xưởng phía trên Thụy Khê, tiếng chuông đổ hồi rộn rã trong buổi chiều. Thu và Hữu qua đường sang trước cửa đền Quan Thánh, mặt hồ Tây phẳng xám, chiều đục làm tan mờ những bóng làng mạc đằng xa. Hai hàng cây phượng chỉ còn lại những trái dài và cành lá xơ xác, trên đường một vài người qua lại, một người đàn ông đạp chiếc xe đạp cũ bấm chuông kêu liên hồi.

– Thu có về Bát Tràng chơi chưa?

– Có, vào mùa hè năm trước, đi canô trên sông Hồng thật thích, Bát Tràng có những con đường mà Thu không thể

quên, anh có ăn dứa ở Bát Tràng chưa?

– Ở Bát Tràng làm gì có dứa?

– Những trái dứa trồng trên những mái nhà, trên những bờ tường anh không biết à, trồng làm cảnh, có trái nhỏ như nắm tay nhưng ngọt lắm vì nó còi lại và nắng khô nữa... Thịt dứa vàng óng và ngọt lịm đến khát cả cổ.

Hữu nhìn Thu cười:

– Cô làm cho tôi thấy thèm.

Hai người đi theo con đường Cổ Ngư, khi tới chỗ rẽ vào chùa Trấn Quốc thì dừng lại, Thu đòi mời Hữu ăn bánh tôm. Trên hồ, ven với chùa, những chiếc lá sen nhỏ còn và những chiếc hương sen tro vỡ giữa những đọt sen tàn vào thu. Nhìn những ngọn rau muống chẻ nhỏ cuốn tròn, Hữu mừng tượng tới một

bàn tay búp măng trắng muốt tựa da thịt và từng cọng rau muống Sơn Tây mỏng mình và giòn tan ấy, những con tôm đã khiêm tốn trên chiếc bánh tôm vàng rộm còn hẳn rõ những miếng khoai xắt nhỏ dài.

– Chắc khi xa Hà Nội mình sẽ nhớ những món ăn như thế này.

– Em không muốn đi đâu cả. Thanh bạn em, khi đó nó khóc, trước hôm đi, gặp em nó hốc hác nói lại chuyện nó chạy cuống cuống trong thành phố gặp gỡ từ biệt những người quen, bạn bè cả những người không thân nó cũng bịn rịn, em không muốn như Thanh, đi bao giờ cũng buồn.

– Đi là thoát một cái gì, có khi cũng vui chứ, chẳng lẽ ai đi cũng buồn cả.

– Anh vui khi đi sao?

– Vui hay buồn nhiều khi cũng không rõ ràng, nhưng di chuyển với tôi cũng thích thú, trước khi và đang khi, bao giờ cũng thế, nhưng phải là đi để rồi trở về. Đi mà không trở về thì chắc là buồn rồi. Đi như thế có khác gì bị phát vãng, tù đày.

– Đi Nam rồi có thể về không anh Hữu.

Hữu im lặng không trả lời nhìn mông ra mặt hồ, bên kia hồ Trúc Bạch, những mái nhà ngói chen nhau, những cột ống khói đen của khu nhà máy đèn vượt lên cao.

– Đi Nam chắc cũng có ngày về chứ, hai năm nữa...

– Mọi em nói không tin, em thì không

rõ. Hồi ở ngoài Khu chắc thích lắm anh Hữu nhỉ.

Hữu gúc gúc đầu giọng có vẻ đùa:

– Đáng lý cô phải thích nhân vật Dũng của Nhất Linh mới phải, một người đi trong mưa gió, kéo cao cổ áo hút thuốc nhớ tới người yêu bé bỏng ở xa.

Tiếng chuông thu không từ chùa Trấn Quốc vang lên loãng tan vào trong bầu không khí tĩnh mịch của buổi chiều. Thu và Hữu trở lại con đường cũ. Thu ngừng lại, cúi xuống cầm đôi dép xách lên tay. Hữu đứng im ngó, Thu bước trên mép cỏ ven theo bờ, đôi gót chân trắng hồng nhẹ nhàng. Thu nhìn Hữu cười:

– Em muốn được đi chân không trên cỏ.

– Ái tình bao giờ cũng đi chân không.

Thu ngừng lại, đôi mắt mở lớn về ngạc nhiên hỏi dồn:

– Anh Hữu nói gì vậy?

– Tôi chợt nhớ tới câu nói của một nhà văn nào đó không rõ: ái tình bao giờ cũng đi chân không.

Thu thấy nóng bừng trên má, vội vàng quay đi và tiếp tục bước một cách nhẹ nhàng trên những ngọn cỏ êm đềm dịu dàng:

– Vậy là sao anh Hữu, thế không có chuyện đi giày đi dép ư.

– Nào có biết.

– Sao anh không có gì là một người đi kháng chiến cả.

Hữu cúi xuống nhặt một viên đá ném xuống mặt hồ Tây, những vòng tròn chuyển động trên mặt nước yên lặng.

– Cô làm như lúc nào người ta cũng chỉ có một vai trò, chỉ làm một việc.

Hai người đã đi hết con đường Cổ Ngư, Thu bỏ đôi dép xuống xỏ vào chân, hai người đi thẳng sang đường Phan Đình Phùng để trở lại con đường cũ, buổi chiều xuống nhanh hơn. Tới nhà thờ Cửa Bắc, nhìn lên mái giáo đường màu ngói tươi, Thu nói:

– Anh có thích vào nhà thờ không?

– Cửa đóng rồi vào sao được.

Thu đứng lại sát ngoài tường gạch thấp nhìn vào khoảng sân cỏ mịn màng bao quanh nhà thờ:

– Nhiều lần em đã vào nhà thờ và nghĩ mình như một con chiên.

Khi hai người về đến vườn hoa Hàng Đậu thì Thu ngừng lại về ngập ngừng. Hữu đi vượt lên một khoảng:

– Thu về sao?

Thu hơi mỉm cười:

– Lúc ra khỏi nhà Thu định đi thăm một người quen, gặp anh rồi không nghĩ tới nữa, bây giờ lại không biết có nên về nhà hay không?

– Bây giờ mình có thể đến nhà người quen, được không.

Thu ngập ngừng nhìn lên những ngọn cây đã nhòa trong bóng tối, nàng thấy mình bâng khuâng, một nỗi bâng khuâng nhẹ nhàng. Thu cười vu vơ.

– Nhưng việc ấy không cần thì để mai, chắc cô cũng chỉ cốt ý đi từ biệt chứ gì?

– Đâu có, anh làm như mai em đã đi đâu. Em nói thế chứ em đâu có đi đâu. Anh muốn đi hỏi thăm tin người anh, anh Thu cũng ở khu mới về.

Giọng Hữu vui mừng:

– Vậy sao, thích nhỉ, chưa chừng lại là bạn đồng ngũ với anh. Vậy mình cùng đi cho vui.

– Thôi anh, để mai, vì cũng không chắc anh ấy về ở nhà đó, chưa chừng anh ấy tìm đến nhà rồi, anh biết bây giờ Thu ước gì không?

Hữu lưỡng lự một lúc lâu. Thu nhìn chờ đợi.

- Không, chịu không biết cô ước gì.
- Anh thử đoán coi.
- Ước bay về Bát Tràng...
- Không đâu, không đâu, anh đoán nhầm rồi.

Thu nói như cướp lời, nàng ngừng lại một lúc:

- Ước được ăn một ly kem cho lạnh người đi.

Hữu mở rộng hai cánh tay ra làm một cử chỉ không rõ ràng:

- Ồ khó gì chuyện đó, anh cũng đang muốn được uống một tách cà phê đây. Mình có thể đi được.

Thu không trả lời, bước theo Hữu, nàng nghe chân mình đã hơi mỏi, hai

người vượt qua chỗ nhà máy nước sang đường Hàng Giầy, ngược qua chợ Đồng Xuân, khu cửa chợ đã vắng người, chỉ có mấy cửa hàng bán thuốc lào là vui, những người phu xe tụ lại với nhau bên chiếc điếu có để sẵn ngọn đèn, bên cạnh mấy người bán nước chè tươi ngồi dưới lê phố. Con phố Hàng Đường, Hàng Ngang, Hàng Đào vẫn đông vui với những cửa hàng lớn. Hai người vừa đi vừa nhìn phố thỉnh thoảng trao đổi với nhau mấy câu về phố xá. Tới phố Cầu Gỗ thì Hữu ngừng lại. Thu nhìn sang ngôi nhà trưng bày hàng tiểu công nghệ và nhớ tới những ngày lui tới ở đó khi gia đình Bôi trưng bày những sản phẩm bằng sứ tiêu biểu cho tiểu công nghệ Bát Tràng. Hai người bước vào nhà hàng Nhân bán cà phê ngay nơi góc ngã ba Cầu Gỗ và con đường nhỏ đi xuống phía ngõ Sầm Công.

Khi hỏi kem, quán không có, Hữu dõm người định đứng lên, Thu nói vội:

– Bây giờ em lại muốn uống cà phê.

Hữu mỉm cười:

– Uống cà phê về cô không ngủ được đâu.

– Nhưng em chưa bao giờ được uống cà phê cả.

Sự có mặt của Thu khiến cho những người trong quán chú ý. Thu hiểu điều đó. Với Hà Nội, một người con gái bước chân vào quán nước cùng một người đàn ông là một điều lạ, nhất là đối với một tiệm cà phê. Không khí lạ như kích thích Thu trong sự thích thú. Có Hữu ở bên, mọi người lạ chừng như khiến cho Thu yên tâm. Hữu gọi hai ly cà phê, một cái có sữa:

– Sao cô hay thay đổi ý kiến thế.

Hai tách cà phê trên bàn, mùi thơm nồng nàn, Thu thấy như say. Trong quán những tiếng nói chuyện rì rầm không rõ, thứ tiếng nói ấy như tạo thành một thứ im lặng khác, Hữu ngồi dựa người vào vách nhà, khuôn mặt im lặng. Thu không tìm thấy một dấu hiệu nào biểu tỏ trên nét mặt như mỗi lúc một tái và khô đi.

– Uống cà phê ở Hà Nội để nhớ tới những ngày ở chiến khu. Cô có ăn kẹo bột bao giờ không?

– Kẹo bột có gừng em thích lắm, kẹo vùng nữa.

– Ở chiến khu không có đường, uống cà phê bằng cách ngậm kẹo trong miệng rồi uống cà phê không.

Thu nhăn mặt:

- Như vậy thì đáng chết.
- Vậy mà thấy ngon mới lạ chứ.

Nhắc bỏ chiếc phin ra ngoài, Hữu đổ nước vào chiếc bát ở ngoài chiếc tách, nước sôi giữ cho cà phê nóng lâu. Hữu khuấy sữa cho Thu. Thu bung tách cà phê uống một chút ngừng lại xem chúng, miệng tép tép, mắt nhìn Hữu vẻ tinh quái:

- Cô làm như uống thuốc không bằng.

Uống một ngụm lớn rồi bỏ tách xuống. Thu cười tươi tắn:

- Ngon anh Hữu ạ.

Hữu đã đốt tới liều thuốc thứ hai. Thu chợt hỏi:

- Bao giờ anh vào Thanh Hóa.
- Cũng còn chờ ít ngày, quê tôi ở trong đó.
- Gia đình anh ở trong, em tưởng quê anh ở Bát Tràng.
- Đâu có, quê mãi trong Thanh, họ hàng ở trong ấy cả.
- Thích nhỉ, có gia đình ở xa thật thích, nhà em quê ở Hà Nội. hè với ngày nghỉ không có chỗ để về. Anh có em gái không?
- Tôi có một người em gái.

Hữu đã đốt sang điều thuốc khác. Thu cầm lấy ngọn tóc xoắn xuống cầm cầm đưa qua bờ vai, đầu hơi lắc cho mái tóc dài xuôi về phía sau lưng. Mái tóc màu mun, cổ cao trắng, lông mày thưa,

đôi môi mỏng nhanh nhẹn. Hữu nhìn thấy nơi Thu một vẻ người con gái thanh lịch nhưng buồn, đôi mắt chùng như có một khoảng bóng tối như đáng vẻ của một cô gái Tây phương.

– Anh nghĩ em có nên đi Nam không?

Câu hỏi của Thu khiến Hữu hơi tỏ vẻ ngạc nhiên. Bỏ điếu thuốc xuống chiếc đĩa sứ, Hữu cầm chiếc thìa khuấy đường còn lại trong tách:

– Thế gia đình Thu đi Nam thật sao?

– Không có, nhưng em nghĩ chẳng hạn như bây giờ em muốn đi một mình chẳng hạn.

– Không được, không được. Co không biết là anh có công tác ở Hà Nội là ngăn chặn sao cho người ta không đi Nam sao?

– Anh nói thật?

Hữu cười nhìn Thu.

– Nhưng nếu em đi thật thì anh có tìm cách ngăn cản hay thuyết phục không.

– Để lúc nào Thu định đi thật thì hãy hay.

Hữu nhìn Thu vẻ nghịch ngợm. Hữu nghĩ tới nhân vật Thu trong “Bướm Trắng” của Nhất Linh,

– Ai ngờ đâu anh là một người quan trọng như thế, sao anh không tìm cách ngăn cản hay thuyết phục anh Quang, chắc anh hài lòng việc anh Bôi trở về gia nhập bộ đội du kích?

– Thôi đừng nói tới chuyện đó, nghe nhức đầu, phải không.

– Như vậy là anh không tìm cách ngăn cản em đi Nam. Có thể anh sẽ đi tiễn em nữa.

Thu nhìn Hữu cười trêu trọc. Hữu uống cạn tách cà phê. Hữu không trả lời. Thu nói tiếp:

– Thế bao giờ anh vào Thanh Hóa.

– Tôi còn chờ tìm gặp một người em gái trong thành rồi mới đi. Anh em xa nhau đã gần mười năm trời.

Thu giật mình. Nàng cố gắng giữ bình tĩnh và chờ đợi. Nàng cúi xuống uống hết ly cà phê. Nàng tự hỏi biết đâu Hữu không là anh mình.

– Vậy là anh thất lạc cả gia đình từ hồi kháng chiến?

– Lạc người em, nó bị mất trí từ nhỏ.

Thu bỗng thấy yên tâm, như vậy chỉ là một trùng hợp, nàng nhớ lại và thấy là mình chừng như không ở trong trường hợp này.

– Mình về chưa anh Hữu.

– Mình về kéo khuya.

Hữu gọi tính tiền rồi hai người bước ra khỏi tiệm, trời đã tối đen, những cơn gió nhẹ hơi gây lạnh thổi từ dưới phía Hồ Gươm lên, mùa thu mang đến cho Hà-nội một vẻ buồn thân mật. Hữu đọc thầm một đoạn thơ của Nguyễn Đình Thi: Sớm mát như sớm năm xưa, Gió thổi mùa thu hương cốm mới, Cỏ vàng xanh mãi dấu chân em, Gió thổi mùa thu vào Hà Nội, Lá vàng xao xác heo may, nắng theo ngõ vắng, thêm cũ, lối ra đi là ngập đầy... Tiếng Thu ở bên:

– Anh Hữu nghĩ gì vậy.

– Tôi đang nhớ tới một bài thơ của Nguyễn Đình Thi viết cho mùa thu Hà Nội...

(Còn tiếp)

Dương Nghiễm Mậu

LỊCH SỬ VĂN MINH ẤN ĐỘ

Will Durant

Nguyễn Hiến Lê (dịch)

“Lịch sử nhân loại như một dòng sông đôi khi đầy máu và xác những người chém giết nhau, cướp bóc lẫn nhau, mà các sử gia chỉ thường chép những hành động đó thôi. Nhưng trên bờ sông còn có những người khác cất nhà, làm vườn, nuôi con, làm thơ.”

Các sử gia khác bi quan vì không nhìn lên bờ ; Will Durant, trái lại muốn cho nhân loại một bài học lạc quan và tương thân tương ái, nên cùng với vợ, bà

Ariel, bỏ ra bốn chục năm, đọc bốn, năm ngàn bộ sách, mấy lần du lịch khắp thế giới, đề soạn bộ Lịch sử Văn minh “The Story of Civilisation” được khắp thế giới khen là bộ sử nhiều tài liệu nhất, hấp dẫn nhất và có tinh thần khoáng đạt, nhân bản nhất của thời đại.

Bộ sử vĩ đại quá — bản Pháp dịch gồm 32 cuốn, mỗi cuốn khoảng 500 trang — chúng tôi chưa thể dịch hết được, hãy xin giới thiệu trước hết cuốn thứ nhì : Văn minh Ấn Độ, vì chúng ta tự hào rằng, nhờ vị trí của giang san, được tiếp thu cả hai nền văn minh Trung và Ấn, mà sự thật cho tới nay được biết rất ít về VĂN MINH ẤN ĐỘ.

Đọc giả sẽ được giọng văn của Ông lôi cuốn suốt 600 trang và sẽ hiểu những nét đại cương nền triết học học vô cùng thâm thúy của ẤN ĐỘ, thi ca trầm hùng

và kiến trúc vĩ đại của Ấn Độ, những nhân vật kì dị trong 6.000 năm lịch sử Ấn Độ, những phong tục lạ lùng, nhất là đời sống bi đát của dân-tộc Ấn Độ.

LÁ BỐI xuất bản

SÁCH MỜI LÁ BỐI GÓP NHẬT CÁT ĐÁ

Thiền sư Muju

Bản dịch của Đỗ Đình Đồng

Tác phẩm viết vào thế kỷ thứ 13 gồm những mẫu chuyện Thiền vui, lạ lùng... như những hạt cát, những viên đá ném vào lòng đại dương tiềm thức làm lóe lên vùng ánh sáng huyền diệu muôn đời bị bức màn ý thức nhọt nhọt che khuất.

Những hạt cát, những viên đá... dành cho những ai muốn thăm dò, khai phá đường vào và thể nhập với cõi Sáng Lung Linh ấy của chính mình.

SỐNG THIỀN

là hơi thở nóng hổi của một người vừa bước vào diệu lý của Phật giáo Thiền tông, EUGEN HERRIGEL, đề cập đến những biểu lộ hoạt dụng của thiền trong các bộ môn tư tưởng và văn nghệ : thi ca, hội họa, kịch nghệ, vãn vãn... cùng sinh hoạt thường nhật với những bất trắc, những quẩn quại ngàn đời.

Sách do **AN TIÊM** xuất bản

ĐỒNG NAI tổng phát hành

270, Đề Thám, Sài-gòn —

Đ.T: 20.942

GIẢI ĐÁP THẮC MẮC

*** Em Dương thị Phương, Tây Ninh, hỏi :**

1) Xin bác cho biết ý nghĩa “Tiêu tương bát cảnh”.

2) Xin bác cho biết lời đáp tiếp của hai câu : “Ai ơi chớ lấy học trò, Dài lưng tốn vải ăn no lại nằm.”

(thư ngày 23 tháng 4 năm 1971)

– Trả lời :

1) Em tìm xem trong “Tự điển Thành ngữ Điển tích” của Diên Hương, Khai Trí xuất bản, Sài Gòn 1961, tr tr. 380-384. Thư viện Tây Ninh chắc có cuốn này. Để

ngợi em biên thư cho tòa soạn Văn kèm theo 10 đồng tem thư, trường hợp em không tìm ra tài liệu dẫn trên.

2) Hai câu tiếp theo là :

« Mùa đông trời rét căm căm

Đi cấy được ba mươi sáu đồng kềm,
nó lại nằm nó ăn ! »

*** Nguyễn Hoàng Anh, Kbc 4900,
hỏi :**

1) Trong « Thi nhân Việt Nam » của Hoài Thanh và Hoài Chân, trong phần nói về Hàn Mặc Tử, tác giả đề là Hàn Mặc Tử chứ không phải Hàn Mặc, tôi nhớ hình như tác giả nói hai chữ Hàn Mặc có nghĩa là văn chương (?), còn Hàn Mặc không có nghĩa gì cả. Xin ông cho biết tôn ý ?

2) Xin ông giải nghĩa cho tôi được biết danh từ « mặc khải ». Có phải tiếng đó vừa là danh từ vừa là động từ không ?

(thư ngày 3 tháng 5 năm 1971)

– Trả lời :

1) Theo ông Quách Tấn, thoát đầu HMT ký là Hàn Mặc, có nghĩa là rèm lạnh ; sau đổi thành Hàn Mặc, có nghĩa là bút mực. Xin ông xem lại Văn số 73 + 74 (đặc biệt về Hàn Mặc Tử) trang 49, sẽ rõ.

2) Theo « Việt nam Tân tự điển » của Thanh Nghị : Mặc khải (tôn giáo) Sự gợi cho biết một cách thâm kín và không thể lấy lý trí để giảng giải được.

Có thể dùng như động từ hoặc danh

từ. Chữ Pháp có phân biệt, động từ là révéler, danh từ là révélation (sự mặc khải).

Ngày ông hỏi nhằm thứ tư 19 tháng 4 năm 1950.

*** Ông Võ Quần, Ninh Hòa, hỏi :**

1) Gần đây người ta được biết rằng Nguyễn Du có để lại tập di cảo nhan đề là « Mỗi hận tình của tôi ». Nếu có, xin ông cho biết nội dung bài ấy ?

2) Có phải ông Phan Khoang đã từng làm thơ trào phúng với bút hiệu là Tú Xôn ? Nếu có xin ông trích đăng cho một vài bài ?

3) Trong làng văn làng báo nước ta, ai là người đầu tiên khai sinh ra lối văn bút chiến ? Nếu có thể, xin ông trích một

vài đoạn văn lối ấy ?

(thư ngày 16 tháng 5 năm 1971)

– Trả lời :

1) Chúng tôi chưa từng nghe nói đến tập di cao « Mỗi hận tình của tôi » của Nguyễn Du. Trong quyển « Hán văn Tinh túy (Lãng Nhân biên dịch, Nam Chi Tùng thư, Sài-gòn, 1965) có bài « Cầm giả dẫn » – Chuyện cô Cầm – thuật lại chuyện một nữ nghệ sĩ ông từng gặp thuở thiếu thời, rồi trải bao chính biến, ông lại tái ngộ vào lúc đã luống tuổi mà cô Cầm nhan sắc đã tàn tạ (Sđd. tr tr. 305 317).

2) Theo chỗ chúng tôi được biết, Tú Sơn là bút hiệu của ông Phan Khôi, một cây bút kỳ cựu trong làng báo. Còn ông

Phan Khoang là một giáo sư đã từng dịch nhiều sách Hán tự (như Trung Dung dịch giải) và soạn nhiều sách Sử (như Việt Pháp bang giao sử lược ; Việt Nam Pháp thuộc Sử v.v.)

3) Theo ý chúng tôi, bút chiến không phải là một lối văn. Người xướng ra bằng lối nào thì người đáp bằng lối ấy. Tỷ dụ : bài « Chiến tụng Tây Hồ phú » của Phạm Thái thời Lê mạt ; bài thơ Bèo của Giáp Hải trả lời Mao Bá Ôn, và những bài thơ Phan Văn Trị – Tôn Thọ Tường cũng có thể gọi là bút chiến. Đã không có thể văn bút chiến thì không thể nói ai là người khai sinh được.

*** Lê Quang Minh, Quảng Ngãi, hỏi :**

Xin ông cho biết thời điểm, tiểu sử

tác giả cùng dịch giả bài thơ :

HOÀI THỦY BIỆT LƯU

Dương tử giang đầu dương liễu xuân

Dương hoa sâu sút độ giang nhân

Sổ thanh phong địch lệ đình vãn

*Quân hướng Tiêu tương ngã hướng
Tần.*

Bản dịch :

Trên bến sông Dương dương liễu
xuân

Hoa dương sâu giết quá giang nhân

Ly đình tiếng sáo chiều ai oán

Người hướng Tiêu tương kẻ hướng
Tần

(thư ngày 18 tháng 5 năm 1971)

– Trả lời :

Bản dịch ông dẫn trong thư, chúng tôi không tìm ra dịch giả. Vậy, bạn đọc nào biết, xin vui lòng chỉ dẫn giùm. Sau đây là tiểu sử tác giả cùng hai bản dịch sẵn có:

Trịnh Cốc, tự là Nhược Ngu, quê ở Việt Châu. Đỗ Tiến sĩ năm Quang Khải thứ ba (887) đời vua Hi Tông, làm Tả-thập-di rồi thăng Đô quan Lang trung. Sau lui về ẩn trong núi Ngưỡng Sơn, Trịnh đứng đầu thi đàn đời Văn Đường.

Tác phẩm còn lưu lại: Vân Đài biên tập 3 quyển, Nghi Dương biên tập 3 quyển.

A.- Bản dịch của Ngô Tất Tố :

Sông Dương ngàn liễu đua tươi

Hoa dương buồn chết dạ người sang
sông

Đình hôm tiếng sáo náo nùng

Anh đi bến Sở, tôi trông đường Tần.

B.– Bản dịch của Bùi Khánh Đản :

TRÊN SÔNG HOÀI TỪ BIỆT CỐ
NHÂN

Dương liễu sông Dương phô sắc
thắm

Qua sông buồn ngắm cánh hoa xuân

Ly đình chiều vắng hồi phong địch

Người đến Tiêu tương, kẻ đến Tần.

*** Bùi Xuân, Quảng Ngãi, hỏi :**

1) Vì sao người Việt-nam lấy ngày 10 tháng 3 âm lịch hàng năm làm ngày giỗ Tổ ?

2) Đã có những tác phẩm nào của nhà văn Anatole France được dịch ra Việt ngữ ? Nếu có, tôi có thể hỏi mua tại đâu ?

3) Theo bản in cuốn « Thơ thơ » của Xuân Diệu do nhà Hoa Tiên xuất bản, 1968, tôi thấy bài thơ « Hoa nở để tàn » chỉ có 6 câu. Phải chăng bài thơ còn nữa ? Nếu còn, xin ông cho biết trọn bài ?

(thư ngày 21 tháng 4 năm 1971)

– Trả lời :

1) Theo truyền thuyết dân tộc Việt

Nam là dòng dõi tiên rồng. Đời Hùng Vương thứ 18, vua muốn lựa chọn người con nào xứng đáng để kế vị, ra lệnh rằng ngày 10 tháng 3 mỗi người phải dâng phẩm vật đến trình diện để vua cha lựa chọn. Người con lớn dâng bánh dày, bánh chưng, được vua hài lòng cho rằng đó là « Càn khôn chi tượng » : bánh dày là tượng Trời, quả Càn, bánh chưng là tượng Đất, quả Khôn ; vậy đáng khí phách làm vua.

Tại sao lại chọn ngày 10 tháng 3 ? Có giả thuyết cho rằng số 10 là thập Can, từ Giáp đến Quý có mười can, gọi là Thiên can, mà Thiên can thuộc trời : tiên ở trên trời. Tháng 3 là tháng thìn, mà thìn là rồng. Như vậy là ngụ ý dòng dõi rồng tiên. Đến đời Hùng Vương thứ 18 thì mất nước, nên dùng ngày 10 tháng

3 làm ngày giỗ tổ. Xin nhắc đây là một giả thuyết.

2) Trung tâm Học liệu Bộ Giáo dục có xuất bản « Quyển truyện của bạn tôi » dịch cuốn « Le livre de mon ami », tác giả Anatole France, dịch giả Võ Thị Hay và Lê Ngọc Trụ.

3) Bài « Hoa nở để mà tàn » của Xuân Diệu chỉ có sáu câu như ông đã ghi trong thư.

*** Nguyễn Như Yên, Kbc 3323, hỏi :**

1) Muốn nghiên cứu về văn chương của các nhà thơ văn Trung hoa như Đỗ Phủ, Đào Tiềm, Lý Bạch, Tô Đông Pha v.v... tôi cần phải tham khảo tài liệu nào?

2) Xin ông cho biết bài « Trường hận

ca » là của ai làm ra ? Nếu có thể, xin ông cho biết nguyên văn ?

(thư ngày 16 tháng 5 năm 1971)

– Trả lời :

1) Trong tập « Đường Thi » của Ngô Tất Tố biên dịch, nhà sách Khai Tri xuất bản, có những tài liệu đại cương về một số thi sĩ đời Đường.

2) Bài « Trường Hận Ca » của Bạch Cư Dị. Tản Đà có dịch ra viết văn. Bài này khá dài, xin tìm ở quyển “Tản Đà Văn Vần” tập II, trang 249, Á Châu xuất bản cục.

*** Nhắn tin :**

Một bạn đọc không ký tên, thư ngày 26-5-1971.

Đề nghị bạn tìm đọc :

a) “Triết học hiện sinh” của Trần Thái Đình, xuất bản Thời Mới, Sài-gòn 1968,

b) “Thơ Pháp ngữ tuyển dịch”, Lãng-Nhân, xuất bản Phạm Quang Khai, Sài-gòn 1968.

* Bùi Văn Đạt, Kbc 4302,

1) Hạc thành Hoa tên thật là Nguyễn Đường Thái, hiện dạy tại trường Trung học Sa-đéc.

2) Bài thơ “Về bên cổ thành” của Mường Mán đăng trong Văn số 143 (1-12-1969) trang 48.

3) Cám ơn ông đã chỉ dẫn, nhưng chúng tôi tìm không ra.

*** Huỳnh Cú Xứ, Dục Mỹ.**

1) Xin xem tạp chí Văn Học đã có một số đặc biệt về Tú Mỡ, số 127, ngày 1 tháng 5 năm 1971.

2) Nhà văn Vũ Bằng đang khảo cứu về đề tài “Câu Hò”, sẽ khởi đăng nay mai. Mong bạn đón coi sẽ rõ.

3) Chúng tôi chưa tìm ra nguyên tác và bản dịch hai bài ông hỏi.

*** Lê Đông Tùng, Qui Nhơn,**

1) Chúng tôi không tìm ra xuất xứ hai câu:

Bonnes journées souris du temps

Vous rongez peu à peu ma vie.

Mong bạn đọc nào biết, vui lòng chỉ dẫn giùm.

2) Nữ văn sĩ Trùng Dương tên thật là Nguyễn thị Thái. Hiện cô vừa đi làm (đài phát thanh) vừa đi học (Luật, Kiến trúc) vừa viết văn cộng tác với nhiều báo ở thủ đô. Tác phẩm đầu tay của cô là « Vừa đi vừa ngược nhìn ».

*** Cô Bùi thị Ánh, Phước Tuy :**

1) Xin xem « Truyện Thúy Kiều » do Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim hiệu khảo, bản in Tân Việt, trang 119.

2) Xin xem lại VĂN số 172 (15-2 1971) trang 100, đã đăng trọn bài thơ «

Ngậm ngùi » của Hồ Dzếnh.

3) Xin xem bài Tựa cuốn ở Việt-ngữ chánh tả tự vị » của Lê Ngọc Trụ, Thanh Tân xuất bản, Sài gòn 1959.

tin văn văn

Sinh hoạt văn nghệ

Đêm 29 tháng 5 vừa qua, tại quán cà phê Thuận, Vũng Tàu, nhóm anh em Hành Động đã tổ chức một buổi họp mặt phát hành tập thơ “Gieo mạ trên đồng khô” của Trần Thoại Ngọc. Tác giả và bạn hữu đã ngâm nhiều bài thơ trong thi phẩm trên, xen kẽ là “Những ca khúc làm người” của Nguyễn Tùng, do chính tác giả trình bày.

(Nguyễn Âu Cơ ghi)

Tại trụ sở của Trung tâm Văn bút Việt Nam, hồi 10 giờ sang Chủ nhật 20 tháng 6 vừa qua, nhà văn lão thành Tam

Lang đã diễn thuyết về đề tài “Sự thai nghén và hình thành của tác phẩm của Tam Lang”. Buổi nói chuyện do TTVB-VN tổ chức và đã thu hút được một số đông thính giả.

Tại rạp Thống Nhất Sài-gòn, vào hồi 20giờ30 ngày 24 tháng 6 vừa qua, Đoàn Vũ nhạc Dân tộc đã tổ chức một buổi trình diễn “Tham gia Nghệ thuật”. Buổi trình diễn gồm 14 màn, chương trình gồm có vũ, độc tấu, hòa nhạc, dân ca và trình diễn y phục phụ nữ Việt Nam. Dưới quyền đạo diễn của Hoàng Trọng Miên, các nghệ sĩ, vũ công đã cố gắng đưa tài và, nhìn chung, buổi trình diễn đã thu đạt được kết quả tốt.

Tiếng nói giữa hư vô

Tạp chí Nguồn vừa cho phát hành tập thơ “Tiếng nói giữa hư vô”, di cảo của nhà thơ mệnh yếu Nguyễn Nho Nhượn. Sách dày khoảng 90 trang, giá bán 180 đồng.

Tập thơ do Lê Nghiêm Vũ và Đynh Trầm Ca giới thiệu, như “tiếng nói công bố của một linh hồn cô đơn, một đời người bệnh hoạn, nhưng cũng bằng bạc một trời yêu thương...” Sách có in di ảnh và triện son của tác giả, và mặc dù in ty-pô cũng chỉ in rất ít. Độc giả ở xa, nơi không có sách bày bán, có thể biên thư liên lạc với; ông Đynh Trầm Ca, số 14 Quốc lộ 1, Vĩnh Điện, Quảng Nam.

Đại, tiểu đẳng khoa của người cầm bút

Người xưa coi đại đẳng khoa là thi đỗ, tiểu đẳng khoa là cưới vợ. Đối với người cầm bút trẻ thời nay, phải “xếp bút nghiên theo việc đao cung”, thì đại đẳng khoa không còn là thi đỗ, mà (có lẽ vậy) là có tác phẩm được in.

Cây bút trẻ viết rất nhiều hiện nay, Trần Hoài Thư, vừa qua cả tiểu lẫn đại khoa, cùng lúc :

Ngày 18 tháng 6, anh đã làm lễ thành hôn với cô Nguyễn Ngọc Yến, tại Sài Gòn. Hôn lễ cử hành đơn giản, trong vòng thân mật.

Ngày 23 tháng 6, vào hồi 19 giờ 30, Cơ sở Xuất bản Ý Thức vừa tổ chức một buổi tiếp tân trình diện tập truyện đầu

tay của Trần Hoài Thu : “Những Vì Sao Vĩnh Biệt”.

Tiểu, đại đẳng khoa xong, Trần Hoài Thu vội vã lên đường trở về đơn vị ở Quân khu II. Lính chiến chỉ có một tuần nghỉ phép. Chạy xuôi chạy ngược, không có tuần trăng mật cũng như không kịp đem sách mới đi tặng anh em bà con. Vui vậy đó !

Nhân dịp vui mừng này, chúng tôi xin có lời cầu chúc đôi bạn THU - YẾN một hạnh phúc bình dị, lâu dài và bền chặt. Cũng xin cầu chúc tác giả “Những vì sao vĩnh biệt” sẽ sớm có thêm nhiều tác phẩm mới khác, – những tác phẩm nào túy và tinh túy.

Lên non hái trái

Trong VĂN số 172, chúng tôi có đăng truyện ngắn “Lên non hái trái” của Phạm Ngọc Lữ, sau khi đã nhận tin tuyển chọn từ VĂN số 164.

Mới đây, chúng tôi có nhận được thư của nhiều bạn đọc ngỏ ý than phiền là truyện đó lại vừa được đăng lần nữa trên tuần báo KHỞI HÀNH số 105 (đăng sau VĂN khoảng ba tháng). Chúng tôi được tác giả Phạm Ngọc Lữ biên thư cho biết anh đã gửi truyện “Lên non hái trái” cho báo Khởi Hành khoảng tháng 4 năm 1970, hồi anh còn đi dạy ở vùng rừng núi Sơn Hòa. Sáu tháng liền, anh không nhận được hồi âm nên yên trí đã bị tòa soạn Khởi Hành loại bỏ truyện đó, rồi anh mới chép bản khác gửi cho Văn. Khi Văn số 164 báo tin chọn đăng, anh vội gửi thư cho tòa soạn Khởi Hành yêu cầu

hủy bỏ bản thảo truyện đó nếu còn giữ lại. Tưởng vậy là yên. Không ngờ sau khi Văn số 172 đã đăng truyện đó rồi, Khởi Hành lại lục nó ra đăng lại. Chuyện xảy ra hoàn toàn ngoài ý muốn của tác giả. Phạm Ngọc Lữ đành coi việc đã rồi như một sự rủi ro. Anh đoán chắc không hề có ý định “đánh lận” độc giả, vì lúc nào anh cũng tôn trọng đức “liêm khiết của trí nang”. Anh ước mong sẽ được toàn thể bạn đọc, của Khởi Hành cũng như của Văn, sẽ thông cảm mà lượng thứ cho anh. Tựu hậu, anh sẽ cố tránh để khỏi xảy ra một trường hợp tương tự...

Mới đây, nhân buổi họp mặt với anh em nhóm Ý Thức, chúng tôi có được anh Viên Linh, thư ký tòa soạn KHỞI HÀNH, cho biết là vì sơ ý nên anh đã cho đăng đoạn thiên của Phạm Ngọc Lữ, lỡ quên là VĂN đã đăng rồi. Vậy mong

bạn đọc hãy bỏ qua chuyện đáng tiếc kể trên.

Sau chót, Chính Văn

Tuần qua, nhà Đồng Nai đã tung ra thị trường báo chí số I của Nguyệt san CHÍNH VĂN. Chính Văn là một tờ báo của những suy tư và xúc động trẻ”, đặc biệt có bài của Chủ nhiệm kiêm Chủ bút Nguyễn Mạnh Côn. Bài học cổ sử 5 tỷ năm nguồn gốc loài người.

Báo dày 122 trang, khổ lớn, giá bán 100 đồng. Giá bán tuy có hơi cao nhưng không đắt vì ấn loát tốn kém và nhiều bài vở giá trị, xúc tích và phong phú. Ước mong bạn đọc VĂN sẽ dành cho CHÍNH VĂN một sự ủng hộ thiết tình...

